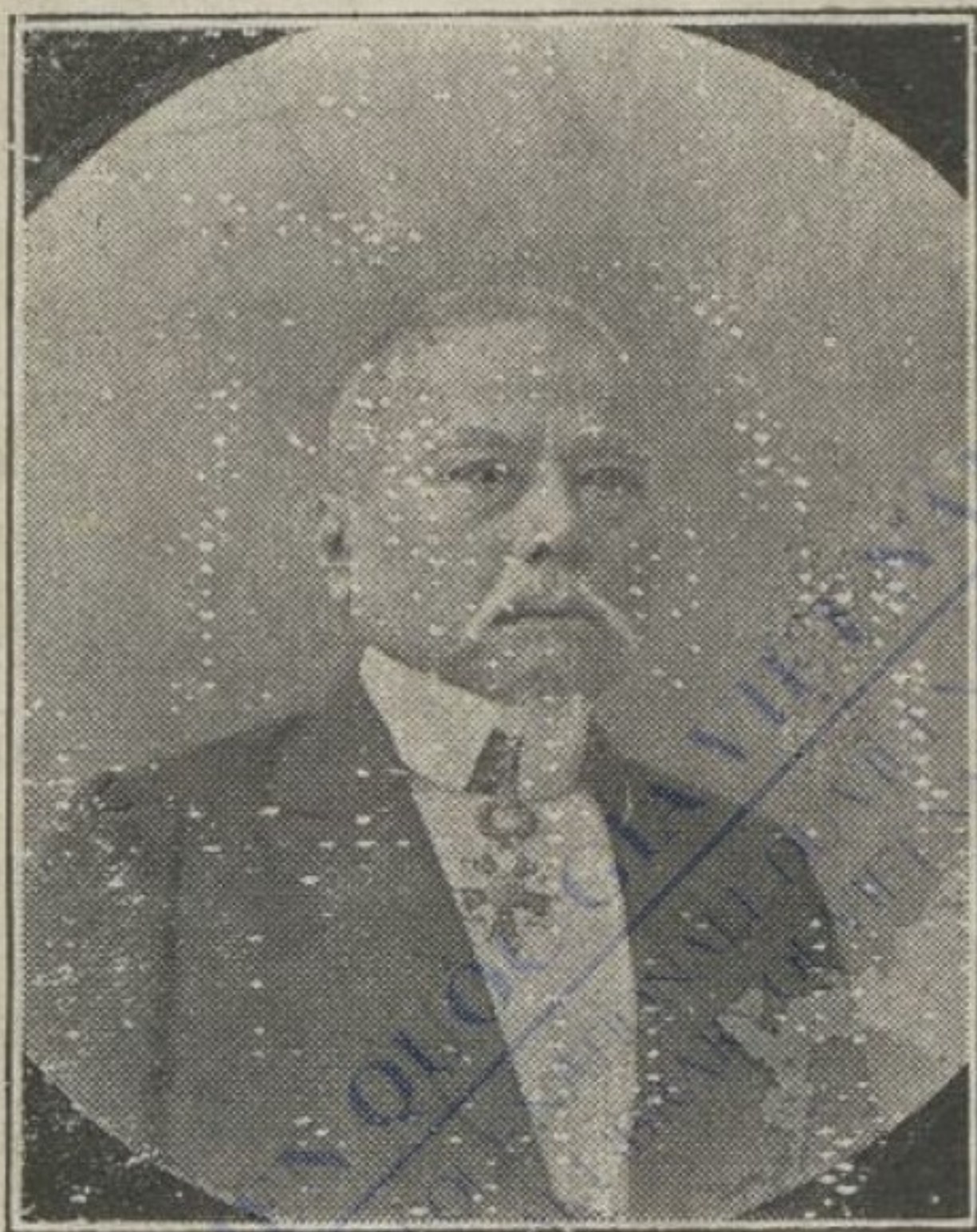




ĐỖ-HỮU-PHƯƠNG

BÌNH SANH

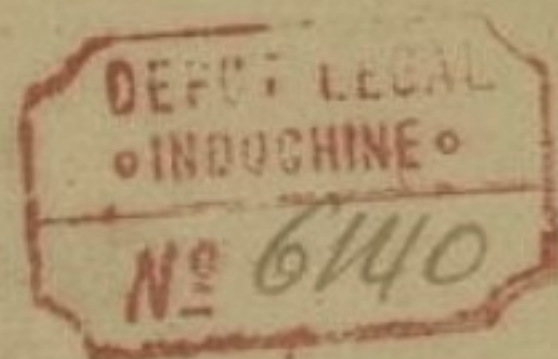
*Biết thời thế, cho hay tuần kiệt;
Cứu quê-hương, dạ chí quyết ra đời.
Cuộc biên dâu, chỉ nại lẽ trời;
Việc quyền biển, xưa nay thường cũng có.
Phải chăng, ai khéo thước đo.*





THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

LỜI TỰ



Nghĩ chẳng nên bỏ qua, một sự tích phi-thường xuất chúng : của một người trong xứ của mình. Vả lại đời người đã chung cuộc rồi, thì chỗ bình sanh hành tàng ⁽¹⁾ thế nào, đủ thấy rõ mà định chắc đặng. Xưa có câu: Cái quan nghị định. ⁽²⁾ Nghĩa là: Con người ở đời, đến chết, mới biết chắc là người thế nào, mà định sự nghị luận mới đặng. Lời nói ấy, là vì thấy trong đời, nhiều kẻ gian trá, nhờn nghĩa bề ngoài, theo thời lạnh ấm. Chỉ có đứng bực trượng-phu, quân-lử, trước sau, như một, đạo lý gìn lòng. Như ông Đồ-hữu-Phương đại-nhơn ở Chợ-lớn, là người Nam-kỳ ta đây: Từ khi ra đời, đến lúc từ trần, ⁽³⁾ bình sanh thiện ác, hành tàng ngay gian: việc mới đời nay, người còn nghe thấy. Thì nơi chỗ nghị luận phải rõ chắc, mà không sai chẳng? Vả lại, thường tình: tài ba lợi lạc ⁽⁴⁾ như sét nổ sấm vang, ai chẳng thấy kinh. Còn như đức tánh hàm hồn ⁽⁵⁾ như khí mát gió trong, mấy ai biết hừng. Huống chi lại, đời qua, việc cũ, gió phất, nước trôi; dầu đức lớn hơn trời, công dày như đất, mà không sữ sách lưu truyền, thì ngày nay, ai có biết thánh kia hiền nọ. Vì vậy, tôi mới gia tâm tìm kiếm, gia tàng lý lịch, sự nghiệp bình sanh của ông. Lúc ra đời làm quan, cuộc xử quyền từng biến ⁽⁶⁾ nhứt nhứt cứ thiết mà biến, cho khỏi lỗi với Anh Linh ⁽⁷⁾ nơi chín-suối. Cũng như thợ vẽ chơn dung kia: phải cứ theo hình thiết, thì mới phải là tay thợ. Bắp thêm tốt là dưa mị, còn kém thua, thì là nghề dở. Như Đức nghiệp phi thường xuất chúng ⁽⁸⁾ của ông, tôi mắt thấy lòng tin mà vẽ ra đây. Thăm tưởng: có khi miền Nam-kỳ ta, địa linh ⁽⁹⁾ mà sanh nhờn-kiệt ⁽¹⁰⁾ này chẳng?

(1) Hành tàng: Sự làm ra ngoài, cùng sự tính kín trong bụng.

(2) Cái quan nghị định: Đây nắp hòm (chết rồi) lời nghị luận định chắc.

(3) Từ trần: Từ chốn trần-ai. (Là chết).

(4) Tài ba lợi lạc: Tài ba nhiều lắm.

(5) Hồn hàm: Là sự tư tưởng mà không hình.

(6) Xử quyền từng biến: Sự biến phải quyền mà xử theo. Khác thường thì là sự biến, theo cuộc làm tạm là sự quyền.

(7) Anh-linh: Linh hồn như thần.

(8) Phi-thường, xuất chúng: Khác thường hơn người.

(9) Địa linh: Cho đất xứ tốt linh.

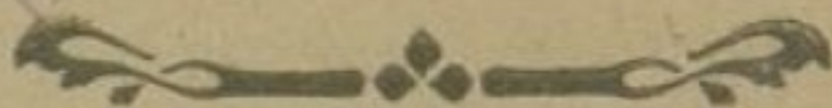
(10) N nhờn-kiệt là người hào-kiệt.



Thiết nghĩ : ⁽¹⁾ Hễ trời đất, thì đâu chẳng núi non. Núi thì sanh ngọc, dầu ít nhiều, song cũng có. Có lẽ nào, xưa có thánh hiền, mà nay chẳng ; xứ có hào-kiệt, mà ta không. Dầu có không, thì có phải là tại nơi chỗ biên nêu ra, mà lưu truyền lại chẳng? Giả như : từ chương lỗi lạc, như ông La Fontaine, tri lược siêu quần, ⁽²⁾ như ông Gia-Các Lượng, bằng không sự tích di truyền, thì dầu cho đến bậc đại-thánh đại-hiền hơn nữa, đời sau ai biết. Như thế, thì có phải là : khỏi tàng ⁽³⁾ danh già, mai mộ ⁽⁴⁾ anh hùng, làm cho ngàn thu hối hận ⁽⁵⁾ chẳng? Cho nên quyển này chỉ lấy chỗ đêc-tánh phi-thường, truyền tụng mà làm gương cho đời vậy.

Bởi vậy, cho nên, chẳng hồ tài sơ, dám khoe văn lạ. Cứ biên ngay viết thật, một sự tích phi-thường, cho đặng biết xứ sở ta, cũng có người hiền ngộ. Lại cho khỏi đời sau mơ màng sự tích, nghị luận bơ thờ. Có tai nghe miệng nhắc, thì tưởng cũng một vị đường-quan kia vậy. Vậy dám xin in ra một truyện-thật, người hiền này cho đời xem, ngộ cũng có bổ ích nơi phong hóa ⁽⁶⁾ trong muôn một.

CHOLON, **TRƯƠNG-HOÀN-PHÁT** CẦN-TỰ.



(1) Thiết nghĩ : Như thộm nghĩ, nghĩ riêng một mình.

(2) Siêu quần : Trỗi hơn đám người.

(3) Khôi : Tro tàng.

(4) Mai mộ : Chôn cất.

(5) Hối hận : Ăn năn hờn.

(6) Phong hóa : Sự giáo hóa bay ra như gió.

QUÁN CHỈ VÀ LÝ LỊCH, RA ĐI LÀM QUAN

Quan Tổng-đốc, Đồ-hữu-Phương, đại-nhơn. Nguyên ông là người sanh trưởng tại Chợ-đũi, tục kêu là xóm Nước-nhỉ (Saigon). Linh nghiêm-phụ ông, là người nghiệp-chủ trong xứ đó. Linh từ-mẫu của ông, là con quan, gốc người ở Quảng-Nam (Trung-kỳ) thiên bổ vô Nam-kỳ, nhậm tri-phủ tại phủ Tân-Bình (Chợ-lớn).

Đến chừng khi nhà nước Langsa tới chim cứ Nam-kỳ, lúc đương binh hỏa lộn xộn, thì ông cùng gia-quyển đi tị nạn nơi chợ Bà-Hom (Chợ-lớn). Khi ấy bà con bên ngoài của ông, có tình biểu ông cùng gia-quyển về Quảng-Nam. Sửa soạn đi, rồi không tiện, là vì lúc ấy cướp đảng đương tung hoành nơi đường sá nhiều lắm. Đến khi đồn Chí-Hòa đã bị hạ rồi, binh Triều đã kéo lui đi hết, thì ông mới về Chợ-lớn an trú nơi bên quê vợ. Khi ấy ông mới kết giao với quan Giám-đốc Chợ-lớn là ông Francis Garnier. Ngày 1^{er} Octobre 1865, quan trên cấp bằng cho ông làm hộ-trưởng quận thứ nhứt (Chợ-lớn). Khi ấy ông dặng 20 tuổi. Năm 1866, ông dặng sai đi dẹp giặc ⁽¹⁾, Hai Quyền là con Quản-Định và giặc Quản-Viết nơi chợ Bà-diêm. Năm 1867, ông đặc lệnh đi chiêu yên đám giặc, đầu đảng là con ông Phan, tại tỉnh Bentre. Vì đó, Nhà-nước thăng chức tri huyện hàm. Năm 1868, ông hiệp với quan hai binh tên là Taradel, đi bình đám giặc ông Nguyễn-trung-Trực (Quản-Định). Giặc đánh lấy tỉnh Rạch-giá và giết quan và binh. Trận giặc ấy, có kịch-liệt, nên Nhà-nước có ban thưởng cho ông mẽ-day quân-công hạng nhì (Médaille militaire 2^e). Kế đó, ông dặng thiên bổ đi giúp trị tại tỉnh Vĩnh-long. Nơi đó, ông nhiều phen chiêu yên đám giặc đảng cướp. Ngày 4 Octobre 1869, lên chức tri phủ hàm. Rồi lên chức Đốc-phủ-sứ hàm năm 1871.

Đến đây ông đã chiêu yên giặc, cướp, khuyến dụ lương-dân, an cư lạc nghiệp. Vì đó, dặng thăng chức Đốc-phủ-sứ thiết

(1) Giặc: Là các đám nổi lên nghịch với Nhà-nước. Bởi vì khi ấy Nhà-nước Tân-Trào đã lập yên rồi. Nên phạm ai, dầu là xưng là ứng nghĩa, mà tiếng thiên-hạ cũng kêu là giặc.

thọ, nhằm ngày 1^{er} Juin 1871. Khi ấy bỏ về hành chánh cùng quan Langsa tại tỉnh Chợ-lớn. Các công việc trong tỉnh phần nhiều giao về tay ông điều lý. ⁽¹⁾ Nhứt là việc đào kinh nước-mặn vân vân. Năm 1875, ông phải đi bình giặc ông thủ-khoa Huân.

Ngày 31 Mars 1873, ông đăng thưởng thọ ngũ đẳng ⁽²⁾ bội-tinh (Chevalier de la Légion d'honneur). Năm 1881 có chỉ-dụ bên Chánh-quốc cho người Annam vào bộ dân Langsa, thì ông xin nhập tịch Langsa trước hết. Năm 1884, ông đăng thưởng tứ-d đẳng bửu-tinh (Officier de la Légion d'honneur). Năm 1891, ông đăng thưởng thọ tam-d đẳng bửu-tinh (Commandeur). Ngày 8 Août 1897, ông đăng thăng chức Tổng-đốc hàm. Ngày 1^{er} Février 1898, ông xin cáo-hưu. Năm 1900, ông đăng tuyển cử vào Đông-Pháp, Chánh-phủ công-đồng viện nghị-viện (Hội đồng thượng-nghị). Trong lúc ấy, Nam-kỳ Chánh-phủ có xin bên Chánh-quốc, thưởng ông nhị-d đẳng bửu-tinh. Song đến ngày 3 Avril 1914, ông có bệnh, phải từ trần; nên chưa kịp lãnh thưởng ban ấy.

Ông sanh trong hạ tuần ⁽³⁾ tháng Juin 1841.

Ngày xin đăng cáo hưu, nhằm 1^{er} Février 1898.

Đến ngày từ trần nhằm ngày 3 Avril 1914.

Kể từ ngày ông ra giúp trị cùng Nhà-nước Langsa, đến ngày cáo hưu tri sĩ, rồi tuyển vào thượng nghị viện cho tới ngày từ trần, là bốn mươi dư năm. Lý lịch nầy rút trong bài văn-tế (Discours) của quan Đốc-ly thành-phố (Chợ-lớn).



(1) Điều lý như điều trị.

(2) Ngũ đẳng: Hạng, bậc thứ năm.

(3) Hạ tuần: Xưa, mỗi tháng chia làm ba tuần, Hạ tuần là tuần thứ ba.

VỀ SỰ RA ĐỜI, CỨU NGƯỜI QUÊ-HƯƠNG

Vân ông ra đời giúp trị với nhà nước Langsa khi ấy; tưởng có khi là: thấy người quê-hương, đương lúc bảo bùng, chẳng đành điềm nhiên, nên khăn khải ra tay mà cứu vớt vầy chăng? Coi như: Có lúc tại tỉnh Vĩnh-Long, quan quân bắt đám dầy loạn, nhốt chặt khám đường, gần phải bị chết ngột hết. Đương lúc bát loạn ấy, thì mạng người nhẹ như rơm rát. Ông vừa thấy, liền xin cùng quan trên, cho phép tra khảo oan ung, dặng mau tha kịp, cứu người khỏi chết. Lúc giặc ông Thủ-khoa Huân, xét lấy dặng sổ tên người, quyên tiền chịu chức. Ông lên bỏ sổ ấy xuống sông (lúc ấy đi tàu). Lúc tại xứ Bà-diêm, ông bắt giặc khảo tra, hễ coi bộ đưa nào muốn khai đồng lửa, hay là người thù oán, thì ông liền dạy lính đánh lapp rồi tha; đưa khác thấy hiệu v, ráng chịu đau cho dặng khỏi. Ông có ý làm bộ tra khảo dữ tợn, cho quan viên đều thấy, rồi bắt ít kẻ đáng tội mà thôi. Cả thấy chỗ nào thì ông cũng làm như thế. Hãy coi! Các đám giặc, ông hiệp cùng đi dẹp yên, thì dường như ông ở giữa mà cang ngăm, làm cho trên bớt giết mà dưới bớt chết vậy.

Nghĩ như lúc đó, những người có ơn vua lộc nước, cùng trải đời chung đánh ⁽¹⁾ nước nhà; đến chừng khi vận nước nghiêng nghèo, thì phải liều mình mà chống chỏi, thì đã đành. Ngặt nghèo bấy, cho nhơn-dân khi ấy. Phần thì bị ép, theo phe bỏ nghiệp, phần thì bị dụ, quyên tiền chịu chức. Cuộc tang tành, rồi lại bị dày lư. Còn lại bị đám cướp đảng, thừa lúc loạn ly, giết của giết người.

Trong lúc ấy, ông dùng mưu bày chức, dặng cứu sống mạng người, bị làm theo liên luy; và giúp lòng nhơn cho nhà nước, khỏi sự làm giết, biết bao nhiêu.

Vân nhà nước đương khi mới tới, thì tự nhiên phải phú thất ⁽²⁾ quyền lĩnh cho người thuận theo; dặng có thể lực,

(1) Chung đánh: Là bực vương-hầu, tể-tướng. Mỗi bữa ăn có đánh chuông chồn, đồ ăn thì cả vật lớn.

(2) Phú thất: Giao nấy cho.

mà trừ kẻ nghịch lại. Vậy nên viên quan khi ấy, có quyền sanh sát trong tay: Người có nhơn-tâm, thì nhơn cuộc mà cứu người; còn người sẵn tánh ác, thì cũng thừa thế mà giết chúng: là giết giặc thì có tội chi, có khi còn đắc lực hơn nữa. Xét rõ đám giặc ấy, thì phải nhiều có oan ưng; lúc ly loạn, ai rảnh phân vàng đá.

Nghĩ khi ấy, giặc thì hay gây ra nhiều đám; mà nếu không ông thì người phải hại to. Cho nên nhà-nước thấy việc làm công đáng, và tánh ở tín thành, ⁽¹⁾ thì mau thăng chức bổ quan, cho có quyền, dặng dễ làm công việc. Ông ban đầu, ra làm hộ-trưởng, kế thăng tri-huyện hàm, tri-phủ hàm, rồi đốc phủ-sứ hàm mấy năm. Sau rốt tới Đốc-phủ-sứ thiết thọ, mới có bổng; mỗi tháng ước tám chục đồng. Coi đó, thì càng thấy ông, dường như có lòng đem thân ra mà cứu đời, chớ không hề kể công xin lộc chi hết. Để tự nhiên nhà-nước xét công ban chức mà thôi. Và cũng không phải là không màng bổng lộc; mà trông cậy thế quyền mà thủ lợi. Ông thiết rõ ràng không hề làm đức sắc ⁽²⁾ oai quyền, dặng hàm người có việc mà thọ hối. Điều ấy trong Triều ngoài quận đều biết. Lại dường như ông, lấy chỗ tuần kiết biết thế thời, thà đem chỗ trí lực, mà làm sự có ích cho đời. Và cũng dường như thấy đèn nhà mình leo lét, mà mộ theo đuốc sáng của nước văn-minh kia vậy chăng? Đến chừng khi, thiên-hạ phục yên; ông bỏ về hành chánh nơi tỉnh Chợ-lớn, cho đến ngày cáo hưu. Trong phan-tì lớn nhỏ, đều nhờ ơn che chở. Ngoài tổng thân thì nhờ đức dạy khuyên. Cho đến trên Chánh-phủ về sự quốc dân, có nhiều điều bàn tính lợi dân ích nước. Đến như cuộc khai kinh (khi ấy kinh Nước-mặng) là chỗ nhơn-công cực khổ than phiền. Mà ông đốc sức, phân bổ công bình không ai ta oán.

Tưởng công ông ra dẹp giặc, dường như còn ít hơn là công ông cứu mạng dân cho nhà-nước. Vì sao? Là giặc khi ấy, hề mười tên theo giặc, thiết chắc 2, 3 người quyết chi mà thôi. Còn bao nhiêu thì là bị gạt, bị dọa cùng bị ép mà theo. Mà hề ở trong đám, cùng có tên trong sổ giặc,

(1) Tín thành: Ngay thiết không gian dối.

(2) Đức sắc: Làm ra cho người biết mình có hiền đức và chức sắc.

thì tự nhiên nhà-nước phải đầy lưu chém giết. Khi ấy ông biết dân tâm⁽¹⁾ như thế, chỉ cứ bắt kẻ làm đầu, mà cứu sống dân lành nhiều lắm.

Vấn nhà-nước lấy sự mở mang quản-hạt và bổ hóa văn-minh cho xứ người, làm tôn-chỉ mục-dịch⁽²⁾. Lại và chẳng phải là xứ dân thù oán chi đó, mà có lòng giết hại dân người. Song, đang khi chinh chiến, thì tự nhiên phải sát phạt. Trong khi ấy, ông đã giúp nên tôn-chỉ văn-minh, và cứu sống nhiều dân nhà-nước. Ấy có phải là, dường như công dẹp giặc không bằng công giúp nên tôn-chỉ văn-minh cho nhà-nước ấy chẳng? Nghĩ cho kỹ, thì công ông với nhà-nước chẳng ít, mà còn ơn ông với hơn dân Nam-kỳ cũng nhiều. Như thế, thì đáng nên tỏ bày công đức này cho đời sau, truyền tụng vậy chẳng?

Ông có lòng cứu người xứ sở, nên lên bỏ sở, bôi tên giặc; và mưu này kế kia, thì có lẽ nào mà dám nói ra; còn nhà-nước thì có biết đầu đảng tới việc ấy; thì nhà-nước chỉ cứ lấy công dẹp giặc mà ban chức thưởng công mà thôi. Vả trong khi dẹp giặc, người giết giặc nhiều, có khi công còn trước hơn? Thiết nghĩ phạm nhà-nước nào cũng vậy, trong khi chinh-chiến, thì ai cũng muốn giết giặc như giết kiến. Đến chừng khi bình tĩnh, dầu dân nào, thì nhà nước cũng coi như vàng. Nghĩ vậy thì những người nhờ ơn ông cứu sống khi ấy, sanh sản miêu-duệ như vàng, đến ngày nay biết bao nhiêu.



(1) Dân tâm : Là lòng dân.

(2) Tôn chỉ, mục-dịch : Ý chánh, cái bìa, để nhảm vỏ đó mà làm.

VỀ CHỖ SỞ NGỘ, RA ĐỜI GẶP LÚC

Ông sanh gặp thời biến nước nguy, nhắm thời thế, khôi⁽¹⁾ tâm hào-kiệt. Tưởng thà từng quyền,⁽²⁾ ra đời mà cứu vớt bạn quê-hương; chẳng hơn chấp kinh ngời đợi, mà tưởng vợ niềm tôi chúa. Xem chỗ sở hành⁽³⁾ thì biết chỗ nhơn-tâm thế nào. Là xem khi đi dẹp giặc bắt cướp, thì chỉ bắt những kẻ làm đầu lập đảng, mà kiếm chức cứu những người bị gạt làm theo. Trong lúc đó, những tay ra ứng nghĩa, phần nhiều là binh tướng sót của Triều-Đình, quen nghề binh lính, lạ thế làm ăn. Trước phải quyền tiền thiên hạ, bắt lính trong dân-gian, lập sở biên tên, quyền tiền cho chức. Nghĩ coi! tiền thì quyền kiếm từ đồng, binh thì bất kỳ già binh. Lấy thế lực mà so, như lấy trứng mà cụng với đá.

Phải chờ chi, trên còn thế, mưu đồ khắc phục; dưới cũng nên tri mạng thù tử cũng đành. Vì có thế lực khá trông, dầu nảo cang đồ địa cũng không nên tiết; ấy là: thân tuy mất, mà danh hã còn vậy. Đứng nam-nhi phải chỗ chết, thì coi mạng nhẹ như lông; còn không nhắm lúc, cũng phải trân trọng thân danh như vàng ngọc. Đến như chẳng biết nhắm thời thế, đam thân danh mà thử cuộc rủi may; cùng là mượn sanh-linh của đời, mà cơ cầu danh lợi cho mình; thì lòng tuấn-kiệt, nhơn tài ai đành làm như thế. Ông khi ấy, bên thì lấy tri độ, bắt đầu đảng cho tin lòng Nhà-nước, bên thì lấy nhơn tâm, giấu sở tên đảng cứu dân lành. Ở giữa, tin trên cứu dưới, làm Nhà-nước trên tin, mới có quyền mà cứu dân dưới. Chẳng phải làm bạo tàng, cho chúng thấy kinh oai, cho Nhà-nước gọi tận trung⁽⁴⁾, đặt mau thưởng chức cao tước trọng. Thường người đảng sai ra dẹp giặc, thì ai chẳng bắt giặc, là sự lập công đắc lực. Mà ông thì lại hay kiếm thế mà cứu giặc. Như thế, thì có phải là tri nhơn khác thường chăng?

(1) Khôi: Vôi hay là tro, tro tàng. Khôi tâm: Ngã lòng.

(2) Từng quyền: Huyền ^{huyền} tùy theo cuộc biến.

(3) Sở hành: chỗ việc làm.

(4) Tận trung: Hết lòng trung.

Tưởng trong lúc ấy, có ba thể làm : Một là : Com Vua lộc nước, phải liệu mình, dầu thành bại ⁽¹⁾ kể chi vật luận ⁽²⁾. Hai là : Như dân trơn tay trắng, chỉ lo bảo gia-quyển, ⁽³⁾ dọn đồ đi trốn giặc. Ba là : Bực tuấn kiệt nhơn-tài, biết thời thế, thà ra tay thã bè dục cũi ; mà cứu người trong khi nước chảy lửa hùng.

Thiết nghĩ : Như Triều-Đình là thiên tướng vạn binh, nhằm thế lực chẳng đủ đối đương, ⁽⁴⁾ còn phải cầu hòa cho bớt thương tàng ^(4 bis) dân chúng ; huống chi ông là ugrời tay trắng dân trơn, tướng trò tuổi trẻ. Lại như ông cũng chẳng phải như Trương-lưu-Hầu ⁽⁵⁾ trải năm đời com áo nước Hàng, vì ơn nặng phải tuông hết sự nghiệp, tìm trán-sỉ, trả thù cho cố-chúa. Nghĩ như ông Trương-Lương cũng phải biết mình sức yếu, mượn tay trán-sỉ mà trả thù, Ấy là đạo thần-tử phải quyên xu. ⁽⁶⁾ song cũng xét liệu mình vô ích. Còn như ông, chẳng phải là có nợ com áo của ai, mà phải liệu mình ; cùng sẵn nghiệp chi đó, mà tìm trán-sỉ. Lại ông chẳng phải tới thế, phải vì chúa trả thù, mà chẳng tính bề thành bại ⁽⁷⁾. Lại như ông, ôm tài tuấn-kiệt, thì lẽ nào cứ lo dọn đồ đi chạy giặc ; và lòng nào mà không thấy người quê hương, hết nước tới lửa, mà chẳng thà tung quyền, ra tay mà cứu.

Dầu xưa nay, đến bực Đế-vương ⁽⁸⁾ cũng là anh hùng, hào kiệt, hoành-hoanh liệt-liệt ⁽⁹⁾, tài cao tri cả trên đời, thì cũng phải trước lấy chỗ cứu dân giúp đời làm trọng. Hãy coi như ông Quản-Trọng ⁽¹⁰⁾ nước Tề, đem thân thờ thù, là người giết

(1) Thành bại : Nên hư.

(2) Vật luận : Tiếng thiên-hạ chê bai.

(3) Bảo gia quyển : Cha mẹ, vợ con trong nhà.

(4) Đối đương : Chống cự lại.

(4 bis) Thương tàng : Giết hại.

(5) Trương-lưu-Hầu là Trương-Lương, Nhà ông tới cả 5 đời, làm quan-lớn phò nước Hàng.

(6) Quyên xu : Chết bỏ mình.

(7) Thành bại : Nên hư.

(8) Đế vương : Vua.

(9) Hoanh hoành liệt liệt : Việc làm cả thề hoành liệt.

(10) Ông Quản-Trọng, khi đầu làm tời Công-tử Củ, Củ bị Tề Tiêng-công giết. Sau ông Quản-Trọng lại làm tời Tiêng-Công, làm cho Tiêng-công tới nên nghiệp bá, làm đầu các Chư-hầu.

chúa mình, lại giúp người nên nghiệp bá. Mà nhờ làm đặng sự cứu dân giúp đời; nên Thánh hiền xưa, lấy chỗ hay đó, mà tụng công cảm đức, nói: « Vi Quản-Trọng, ngô kỳ bị phát tả nhâm ⁽¹⁾.

Còn như Vua Trụ, là bậc đế nghiệp nổi dòng, tại một đời giết hại dân trời; mà Thánh xưa, cho là đũa có tội chung trong thiên hạ. Gọi Trụ là cũng như đũa thất phu ⁽²⁾ kia vậy. Ai ai cũng đặng phép giết. Chũ: *Nhơn đắc nhi tru chi* ⁽³⁾. Như vậy thì có phải là: sự cứu đời giúp dân là đều công ơn rất trọng; mà sự hại đời giết người, là đều tội ác cũng rất nặng chẳng? Như thế, thì dầu đến như bậc chi tôn ⁽⁴⁾ là Đế-vương; mà hành ác bất nhơn, thì phải kể là đũa thất-phu, mà còn người bạch-dinh dân-thường, mà hay ra ơn giúp đời, thì phải đáng như bậc Vương-hầu chẳng? Cho nên đức Khổng-tử, mà đời cho là bậc Tổ-vương ⁽⁵⁾ cũng phải lắm. Ấy đó: sách sử để đánh rành sự tích, cho thiên hạ thấy rõ ràng. Cho nên phạm nghị luận về đạo lý, thì phải lấy thánh hiền làm phép; cũng như đoán việc hình, thì phải lấy luật làm bằng. Bằng thấy lẽ chẳng rõ, học thức chẳng thông, mà dễ dui nơi đều nghị luận, về việc đại-khải của người; phải lấy làm quấy, dở lấy làm hay, thì lấy làm phụ lòng người hiền giả; và cũng làm hại cho đời, về phong hóa nữa. Vì là đời, không biết lấy dầu, mà làm gương phải quấy vậy.

Phạm người đời, chỗ sở ngộ: gặp nhiều thời thế, cùng nhiều cảnh ngộ; là thế thường, thời biến, cảnh thuận cảnh nghịch. Lại cuộc ở đời, cách ra làm, cũng nhiều thế: Phải quyền biến theo thời, hay là phải chấp kinh mà giữ theo lệ thường. Lại còn người nhơn tài: cũng có nhiều bậc, anh hùng hào-kiệt, nghĩa-sĩ; cùng là tuần-kiệt, trượng-phu, hiền-nhơn, quân-tử; thành chí thanh, thành chí

(1) Ngô-kỳ bị phát tả nhâm: Tôi phải bao tóc và mặc áo bâu phía tả, là theo tục mọi.

(2) Thất-phu: Đũa bậy thường kia.

(3) *Nhơn đắc nhi tru chi*: Mỗi người đặng phép giết.

(4) Chi tôn: Là bậc rất tôn trọng. Nghĩa là bậc vua.

(5) Tổ-vương như vua, mà không hành chánh.

thời ⁽¹⁾. Đám trên đó, thì không hay tính nên hư, không kể chết sống. Hễ có chịu ơn người, người bị hại, thì dám chết theo. Cứ chấp kinh theo lệ thường. Còn như đám dưới, cũng có gan, cũng dám chết, nhưng mà biết tính quyền biến theo thời thế. Dầu có chết sống, thì cũng có ích cho đời, và cũng có trông mong nơi chỗ thành sự. Thì cũng như: người hào-mại ⁽²⁾ kia, muốn đánh bạc chơi, liều ít chục trăm mà mua vui. Song cũng liệu món nào mình biết đánh. Tuy là cuộc chơi đánh liều chẳng kể, song cũng phải tính theo chỗ tri thức của mình, cho đáng bề thành bại, ăn thua.

Lại nghĩ trong lúc ông ra đời giúp trị, là lúc nước nhà đại cuộc đã yên; chỉ còn các đám ra, xưng là ứng nghĩa mộ binh mà thôi. Tiếng thì xưng ứng nghĩa, lắm, thì thấy hại dân. Ông khi ấy ra đời, là gặp thiên hạ đương lúc giang truân: Vậy thì mới hay làm sự có ích mà cứu đời. Bằng để chậm 5, 10 năm sau mới ra; thì xương người bị chết ấy, đã hóa ra tro bụi rồi.

Lại dẫu cho ông ra đời là lỗi chỗ đại-nghĩa với nước nhà; vậy thì mới hay làm chỗ đại-nhơn mà cứu người. Vả sự đại-nghĩa mơ màng, cùng sự đại-nhơn thiệt sự, đều nào là hơn.

Lại như ông, tự tri thế lực; nếu không muốn vọng động, làm cho liên lụy mạng người; thì thế phải làm dân thường, leo đèo ở gần thiên-thị; chẳng làm tôi, thì cũng phải làm dân mà đóng thuế cho nhà-nước. Bằng ôm chí cao-thượng, gìn lòng chí-sĩ; vô thâm-sơn, cùng-cốc mà ở, thì phải bị tay cướp-đẳng. Phàm gặp cuộc biến, thế phải tùng quyền; cơ-hội thế, mà trách lấy bực toàn-đức trọn lành cũng khó.

Thiết nghĩ: đến như trách cứ về sự phục hồi cương-thổ ⁽³⁾; thì trước đáng trách Triều-Đình, kể lấy văn-thần, võ-tướng, sao chẳng hết sức ra tài, mà giữ gìn bờ-cỏi. Còn như dân-thường, mà người tuấn kiệt, nhơn-nhơn, thế

(1) Thánh chi thanh, thánh chi thời: Bực thánh muốn cho trong sạch, không dính việc đời. Bực Thánh tuy theo thời thế, miễn là làm sự phải thì thôi.

(2) Hào mại, là người buông lung không kể tiền bạc xài lớn bụng lớn.

(3) Phục hồi cương thổ. Nghĩa là: Lấy bờ cõi lại.

lực đâu, mà hay ra tài dụng vô; mà còn lòng dạ nào, mà dành diễm nhiên ngồi ngó, lê-dân đồ thán; cùng là cứ lo dọn đồ đi chạy giặc hoài sao?

Phàm xưa nay tuấn-kiệt, nhơn-tài, thường hay nhắm theo thời thế, tùy theo trí thức; dầu có vận động thi thố, thì trước lấy chỗ nhiệt-thành cứu dân giúp đời làm chỗ yếu vụ nghĩa vụ.

Dầu thành bại, tại nơi sự thế, thì ai chẳng kính chẳng thương. Bằng ôm lòng gian trá, dối lấy nghĩa nhơn; đồ danh cầu lợi⁽¹⁾ riêng cho mình; mà chẳng kể hi sinh thân mạng của người; ấy là thiên-hạ chi tội nhơn⁽²⁾ vậy. Chớ tưởng, hễ lấy danh nghĩa cử, là phải là hay; song phải biết sự giả sự thiệt, khác nhau như đá ngọc vậy.

Còn người đời, phải thận trọng nơi chỗ coi người nghiệm ý, bình-sanh hành tàng thế nào; vậy mới hay khỏi bị làm theo hư-danh, mà bị thiệt hại vậy.

Thiệt nghĩ, xưa nay anh hùng, hào-kiệt, khác nhau có một chữ thời, ấy có phải là tại một chữ thời, mà nên mà hư cũng tại nơi đó chăng? Vậy thì chữ thời là lợi hại quan hệ cho đám anh hùng hào kiệt thế nào. Cho nên, có câu, thời thế giả vi tuấn-kiệt⁽³⁾ vậy. Giả như ông-mô, sẵn đương có nước uống; vừa gặp người đương bị chết khát; đem nước đó mà cứu dặng muôn ngàn người dặng sống, thì danh đại-nhơn đại-dức ấy, sánh bằng trời xanh, phát sống. Ấy có phải là thời thế tạo anh-hùng chăng? Cho nên xưa nay anh-hùng, hào-kiệt; đã biết, phải sẵn có nhơn-lực nhơn-tài, song cũng nhờ có chỗ thiên-mạng, cơ-hội tốt, thì dặng nên danh anh-hùng chẳng khó. Còn như rủi gặp lúc, thời biến vận nghèo, đã khó bề thi thố; mà lại dễ chiêu mối luận dài nghị vắn.

Thảm thay! Như quan đại-thần Phan (thanh-Giảng). Tưởng khi ấy, hết phương thi thố, mới chịu tịch cốc mà liệu mình. Vì không muốn liên lụy tới người; nên mới tinh, thà riêng mình chịu hại. Còn bao nhiêu đứng chi-khi khi ấy, thì

(1) Đồ danh cầu lợi: Lo cho có danh, cầu cho có lợi.

(2) Thiên-hạ chi tội-nhơn, là người có tội trong thiên-hạ vậy.

(3) Đã giải nghĩa.

luống than vắn thở dài, mà không biết nài sao cho cuộc thế. Như có câu: Tưởng vợ ngàn dặm trông đòi mắt; giận hoảng năm canh nói một mình.

Vậy mới biết, thế thời ra thế; nghĩ càng thương người trong lúc biết bao. Cho nên dầu anh-hùng, cũng phải năng huật năng thân⁽¹⁾; tri bỉ tri kỉ⁽²⁾. Miễn là đừng rầu mảy, đừng cho hồ vởi cỏ cây; chỉ non nước, mà thề lòng thường yêu mến. Đến như thế cuộc, nhằm lúc vô khả nài hà: thì dầu cho đừng Tạo-vật, cũng khoanh tay ngồi ngó cái tự nhiên ưu thắng liệt bại⁽³⁾ đó vậy.

Nghĩ như Lư-Bị, còn có khi phải ần tích mà trồng rau. Hàng-Tinh cũng có lúc phải lòn tròn chun hàng. Nhưng mà khi phách tinh thần, thường dành để trong sang hà vũ trụ.

Hãy coi! Lúc sau rồi, thì Triều-dinh lấy sự nghị huề giao làm yếu vụ. Từ đó đến nay, những bức kiến thức cũng đều xướng Pháp, Việt đề huề làm quốc dân nghĩa vụ yếu vụ. Ấy có phải là tùy theo sự thể hiển nhiên⁽⁴⁾, mới đồng ý kiến như vậy chăng?

Tưởng quốc dân ta, đương thời đợi này, không chỉ là hơn cái Pháp, Việt đề huề chủ nghĩa⁽⁵⁾ và khai-hóa đồng trị chánh sách⁽⁶⁾. Cho nên phạm đứng kiến thức buổi trước và bây giờ, đều chung đồng sở kiến ấy, mà ước mong cho dặng thật hành. Như cái thật hành ấy làm dặng, thì cũng phước hạnh cho nước dân.

Thăm tưởng như nhà Đỗ-Hữu với Nhà-nước Lang-sa, về cái đề huề chủ nghĩa và khai hóa đồng trị chánh sách, đều

(1) Năn huật năn thân. Nghĩa là: Hay co, hay dũi, hồi lui hồi tới.

(2) Tri bỉ tri kỷ. Nghĩa là: Biết ta biết mình.

(3) Ưu thắng liệt bại: Là giỏi thì ăn, dở thì thua.

(4) Sự thể hiển nhiên. Nghĩa là: Sự thể đã rõ ràng ra vậy rồi.

(5) Pháp, Việt đề huề chủ nghĩa. Nghĩa là: Pháp, Việt nắm bắt thuận hòa với nhau làm gốc. (Principe de la collaboration Franco-Annamite) ou rapprochement Franco-Annamite.

(6) Khai hóa đồng trị. Nghĩa là: Mở rộng sự giáo hóa, chung cùng sự cai-trị. (Politique association).

đã đặng thấy thật hành; cho nên về sự kiết quả ích lợi đã thấy rõ ràng. Ấy vậy hai đều; chủ nghĩa và chánh sách ấy, chắc có lẽ trông thi thố thật hành đặng lắm.

Cũng có phần ít người: hoặc là người Pháp cũng là người Nam, vì tánh không đặng khoan đại, cũng là có sự tư hận tư lợi chi. Có ý bất nập hai cái phương pháp như nghĩa đó. Tuy vậy, tưởng dầu muốn trái, nghịch hai đều đó, thì cũng không đặng, mà lại mang tiếng ác niệm bất nhưn. Nghĩ vì, theo thời đại nay (không nói việc sau), cả hai nước dân, đã như người đồng châu cộng thất⁽¹⁾ với nhau rồi: chừng nào thuyền tới bến, nhà dọn đi sẽ hay. Chớ như sự thế đã ra vậy rồi: thì thà đề huề mà chung lo chèo lái, đặng chung hưởng sự thuận buồm xuôi gió với nhau; cùng là hòa hảo với nhau mà chung lo đề phòng khi dòng to, cướp lớn. Nghĩ trên đời, biết Đế-Nghiêu⁽²⁾ dầu mà tiềm, biết Đạo-Chích⁽³⁾ dầu mà tránh: tiềm nhìn lắm, càng thêm hại nữa. Tưởng chẳng qua là, tại nơi mình mà thôi, hễ mình mạnh giỏi, thì có lẽ gặp Đế-nghiêu đặng, mà mình đỡ mình yếu, tưởng đi tới đâu, cũng gặp Đạo-Chích, chắc vậy.

Như phận sự dân ta đây, sanh trong một miền tiểu-địa, một giải non sông mà thôi. Hãy coi như Trung-quốc, đại địa sơn hà⁽⁴⁾, lão đại Đế-quốc⁽⁵⁾, thất cơ một chút, mà anh-hùng thất thế, còn phải khoanh tay mà ngó. Có câu chứng: Năn sử anh-hùng trường giải giáp; Yên-Đài kiêm thị đế vương châu.⁽⁶⁾ Ấy có phải là:

Cuộc dinh⁽⁷⁾ du, vùng vẫy lúc ban đầu; sự thế đã, đề dầu chi cơ thất phục⁽⁸⁾.

(1) Đồng châu cộng thất. Nghĩa là: Đi chung một ghe, ở chung một nhà.

(2) Đế-Nghiêu. Vua Nghiêu là vua rất nhưn từ.

(3) Đạo-Chích. Là một tên ăn cướp có danh lớn thuở xưa.

(4) Đại địa sơn hà. Đất lớn cả non sông.

(5) Lão đại đế quốc. Nước lớn đứng bực Hoàng-Đế và lâu đời lắm.

(6) Năn sử anh-hùng trường giải giáp, Yên-đài kiêm thị Đế vương châu. Nghĩa là: Làm cho anh-hùng phải chịu thua cỡi giáp thôi đánh cự nữa. Cho nên ngày nay Mãng mới lấy Hán mà lập đô Đế-vương nói đây vậy.

(7) Dinh du. Nghĩa là: ăn thua.

(8) Thất phục. Nghĩa là: Mất rồi khó lấy lại.

Lẽ tạc-vật, nên hay bồi, nghiêng hay úp ⁽¹⁾; mình chẳng giúp mình, trời đâu dễ giúp cho. Anh-hùng nhằm lúc phải co.

Như Hán với Mãng; Hán tộc có phải tới làm nô lệ đâu? Bị sự thế mà phải mang lột nô lệ, tới mấy trăm năm. Sau nhờ cơ-hội Mãng-triều si nhược, Hán anh-hùng mới thừa cơ đó, mà cỡi lột nô-lệ ấy mới dặng. Vậy mấy trăm năm trước, Trung-quốc chẳng có anh-hùng hào-kiệt nào sao? mà sao dễ chịu mang cái lột nặng nề ấy lâu vậy. Ấy có phải, cũng phải nhờ có thời thế cơ-hội khá thừa, anh-hùng mới ra tay mà bức xé cái lột ấy dặng chẳng. Bằng chẳng, thì ngày nay có khi đường đường Hán-tộc mà cái-dui cũng còn dính nơi trên đầu vậy.

Ấy có phải, cũng nhờ thừa thời thế đó chẳng; phải chi Quang-Tự còn sống, thuận theo lập-biến phong trào; trên dưới bình yên; thì bấy lâu Tôn-văn có dễ gì mà dễ xường cuộc cách-mang cộng-hòa đó đâu! Ấy là đừng tuấn-kiệt biết thừa thời. Cho nên mưu ái-quốc đã toại, cùng kế ái-dân cũng dặng thành. Như thế, có phải là thời thế tạo ra Tôn-văn; chớ nào có phải Tôn-văn mà hay tạo ra thời thế ấy đâu?



(1) Nên hay bồi, nghiêng hay úp. Câu chữ : thành giả bồi chi, khuynh giả phúc chi.

NÓI VỀ ĐỨC TÁNH VÀ ĐỘ LƯỢNG

Ông tánh tình thanh bạch, độ lượng hải hà.

Đến chỗ thanh liêm, nơi đường sĩ-hoạn, trong triều, ngoài quận đều biết. Nhứt là trong khi loạn lạc, nhiều đám ứng nghĩa mộ binh, làm cho nhơn dân liên lụy biết bao nhiêu. Khi ấy ông ra tay cứu vớt; thì thường người hay đền ơn trả nghĩa theo tục lệ, mà ông không hề kể công mà chịu của ai. Nghĩ đức vô-tham, là đức bình-sanh đại-khái thứ nhứt của ông. Thiệt là rất rỗng, rất báu. Trong như ngọc, trắng như tuyết, không chút nhơ bợn. Lại và như thành bền lũy chắc, tướng vật dục⁽¹⁾, binh tiền tài; dầu muôn ngàn cũng không lay động dặng. Tưởng đến như bức cái thế⁽²⁾ anh-hùng, tranh bá đồ vương⁽³⁾, tuy là sự khó làm, song cũng có. Còn như tánh tốt vô-tham, lòng hay độ-lượng, coi thử cả hoàn-cầu là có mấy. Này như đức vô-tham, của ông Huê-zan-Tôn (Washington) từ ngòi hoàng-đế, là phần có trong tay, xưa nay nào thấy. Còn như ông Viên-thế-Khải mưu gồm nhứt thống, lỗi sự ước⁽⁴⁾ minh, trên đời có hiếm. Cho nên chữ vô-tham nghe qua chẳng lạ, song thật là vật báu vô cùng. Tưởng chữ thế-nhơn vô-tham, khá sánh với chữ thiên-địa vô-tư⁽⁵⁾ dặng vậy. Lại nhớ: ước trong năm 1912-13, Ông Sarraut là Tổng-thống Đông-Pháp có nói cho ông hay: có xin bên Chánh-quốc cho ông Bửu-tình hạng nhì (Grand officier) thì ông có trả lời xin từ, nói: Tôi nghĩ đã già rồi; thôi! « để cho người khác. » Ấy đủ thấy là lòng chẳng tham. Vả sự vinh-diệu ai chẳng ham, lựa là tuổi già, cùng là gần chết. Hãy coi như: tục lễ giá thú, tang táng, tân-gia; kiết hung theo lệ thường người An-nam; thuận tình lai vãn⁽⁶⁾; mà ông mỗi việc đều từ. Đến khi

(1) Vật dục : Sự tham muốn. Của cùng sắc.

(2) Cái thế : Cao trùm đời.

(3) Tranh bá đồ vương : Giành làm lớn chư-hầu, toan làm vua.

(4) Ước minh : Lời ước nguyện thề.

(5) Thiên địa vô tư : Trời đất không riêng tư (công bình),

(6) Thuận tình lai vãn : Thuận tình qua lại trả sự ơn nghĩa với nhau, như đi điếu đi họ.

ngày ông thê thế ⁽¹⁾. Làng, Hội vì ơn cũ nghĩa xưa ^(1 bis), tới cố xin điều lễ. Máy con ông theo ý ông dặn, hết sức kiêu từ chẳng dặng, mới để cho người tế lễ, thường người thân bằng có việc, thì ông điều cho, mà nhứt là người nghèo, thì càng hậu tình hơn nữa. Cho đến người quen biết có vay bạc, thì bà phải giấu mà cho. Ông hay rầy, nói : Người quen biết, cho vay ăn lời sao đáng. Nghĩ tới sự cho vay thì ăn lời, mà ông còn không muốn. Huống chi là vô-cớ mà chịu tham của người. Ấy tuy là việc nhỏ, mà đủ thấy lòng người nơi việc lớn. Lại có người biều-thích, đã dặng quan trên, cho chức viên-quan. Ông hay, dặn, đừng cho, nói : « E người biều-thích đó, làm đều làm lỗi mà mang tiếng nhà. » Ấy là : ông, lòng chi công, không muốn cậy thế mà tham gồm cho bà-con ; chẳng kể người hiền kẻ chẳng ; sẵn thế đưa lên, miễn cho bà-con dòng-họ sang, cả hơn người. Lại như ông, thật tốt thay ! Nhơn, nghĩa, lễ, tri, tín trọn lành : Như hay thương người, lo cứu giúp người, hay làm nên cho người phải, hay bỏ qua sự lỗi cho kẻ quấy, là *Nhơn*. Ở với nhà-nước, đã hứa rồi, thì chỉ một lòng thành tín, thì chung ; không hay xin ơn riêng mà cũng không hay trách vọng ; chỉ lo chỗ bổn phận, giúp nước và đỡ dân mà thôi, với bằng hữu, thì tình nghĩa thì chung, giàu nghèo chẳng đời, là *Nghĩa*. Thường ngày, mỗi buổi chiều, y phục sẵn, dẫn khách sang, người thường, cũng đều tiếp rước, không hề thất nghi. Lại chẳng khi nào, quá giận mà lời, và cũng chẳng lúc nào bạo tánh, mà nhục ai, ấy là *Lễ*. Khi bát loạn lấy mưu mà trừ kẻ dữ, dùng thế mà cứu người ngay. Lại biết thuốc của Thái-tây là hay, trước dùng trị bệnh. Còn như về lịch số, coi lựa ngày giờ tốt xấu, cùng những dị-doan mê hoặc, đều cũng coi mà chẳng tin, ấy là *Trí*. Bình-sanh, không hề nói sai, thất tín với ai, cho nên dặng lòng người tin phục, ấy là *Tín*.

Ông tuy chỗ văn-học thì tầm thường ; mà chỗ xử sự cư tâm ⁽²⁾ thì rất tri và rất nhơn. Đến chỗ liệu việc tính làm ; chỗ sở-kiến ⁽³⁾ chắc, chỗ lương-tâm yên, nên quyết đoán

(1) Thê thế : Chết, qua đời.

(1 bis) Về tình cũ nghĩa xưa đó, là đám người có cha, chủ khi bị việc mà nhờ ông tha. Khi loạn lạc đó.

(2) Cư tâm, lòng ở đời.

(3) Sở kiến, chỗ thấy.

tĩnh làm, không dự dự, mà ngày sau sanh đều hối tiếc. Như ông, thiết là học sách không dặng nhiều, mà việc làm giống sách nhiều. Với thánh hiền xưa cách xa, mà tánh tình không khác xa. Có câu : Sở hành âm hiệp thi thơ ⁽¹⁾, và câu : Tập giữ tánh thành, thánh hiền đồng huy ⁽²⁾.

Ông, chẳng phải là từ khi tuổi trẻ, mà tánh mới thông minh, đến lúc tuổi già, cũng thường như thế. Thường người tuổi khi già, thì hay sanh tật lẩn. Mà ông, thì tuy tuổi già, mà trí minh mẫn chẳng già. Thiết là như : Cương quế chi tánh, đủ lão đủ tàn ⁽³⁾ vậy.

Nghĩ coi : Như ông Quan-công-hầu, người khách-trú Annam thờ nơi các chùa kia miếu nọ đó, thì là một vị chiến-trương đánh giặc kia, cũng như ông Trương-Phạm-Triệu-Tử-Long vậy. Nào phải tại đức thánh hiền gì hơn ông Lưu-Bị, Khổng-Minh, tại đâu chiến lại hơn gì Lữ-Bổ, Mã-Siêu; mà sao dặng các đời vua, phong tới bậc Thượng-đế Thánh-quân; thiên hạ tôn trên Thần Thánh, chùa kia miếu nọ kính thờ; hương hỏa ngàn thu chẳng dứt. (Các đời vua phong tặng ông Quan-Công, là bởi chỗ chánh-khi. Không phải bởi sự hiền thánh nơi chùa phật. Sự hiền ấy trong quốc sử không có). Ấy cớ phải là tại nơi-chỗ đức tánh trung thành và chánh-khi ⁽⁴⁾, mà dặng cả nước dân tôn trọng như vậy chẳng? Còn như bậc công danh cái thế, sự nghiệp dinh thiên, mà nào có ai kêu bằng ông Tào-Tháo, Vương-Mãng, cùng là Đồng-Trác, mà tôn trọng kính thờ. Túng nhiên, dặng một buổi tung hoành, cho loại chi; rồi, khôn chẳng qua trời, thời hết thế cùng, lại dễ tiếng xấu cho đời dị nghị. Có câu : Cần nhưt thế chi hùng giả, nhi kiêm an tại tại ⁽⁵⁾. Và câu : Di xử vạn niên ⁽⁶⁾.

(1) Sở hành âm hiệp thi thơ : Chỗ làm ngầm giống sách vở.

(2) Tập giữ tánh thành, thánh hiền đồng qui : Tập tánh nên hay dặng, thì cũng như thánh hiền vậy.

(3) Cương quế chi tánh, đủ lão đủ tàn : Tánh gừng quế càng già càng cay.

(4) Chánh-khi : Khi-Chánh không tà gian.

(5) Cần nhưt thế chi hùng giả, nhi kiêm an tại tại : Dầu một đời gian hùng, mà bây giờ lại nào còn đâu.

(6) Di xử vạn niên : dễ tiếng xấu muôn đời.

Nghĩ như ông, nơi chỗ chánh-khi, thì ông không dặng như ông Quan-Công. Nhưng mà lấy chỗ chánh trực thành tín⁽¹⁾, cùng đại độ khoan-nhơn⁽²⁾, thì cũng dặng xưng tụng mà kinh mộ⁽³⁾. Phạm xưa nay thánh hiền thì cũng lấy chỗ đức tánh, mà làm gương làm phép cho đời. Như đức Khổng-tử Mạnh-tử, đều dặng đời tôn làm thầy làm phép, vì vạn thế sư⁽⁴⁾. Dầu cho đến bậc vương hầu khanh tể⁽⁵⁾, thì bất quá danh vị nhứt thời, chưa phải dặng lấy làm gương làm phép nơi chỗ tánh tình.

Cho nên xưa nay phạm sách sử đề đời, thì đều lấy chỗ đức tánh hoàn toàn, thánh hiền địa vị, mà làm gương làm phép cho thiên hạ, về chỗ nhơn-luân đạo-lý⁽⁶⁾; nơi lẽ ngay đường phải đó, dầu ngàn muôn năm sau, cũng chẳng đổi dặng, cùng là nước lạ người khác, cũng chẳng bỏ đạo lý ấy dặng.

Dầu cho đến nước mang-di mọi-rợ nào, cũng chẳng bỏ đạo-lý con người, mà dạy bảo nhau, làm sự bất nhơn, bất nghĩa, bất lễ, bất trí, cùng bất tín.

Song chỗ làm đạo lý con người nhiều ít, cùng là khác nhau, là tại nơi chỗ nước dân văn-minh giáo dục; cùng là già mang tánh quê.

Nghĩ như chỗ sở-ngộ cũng là tình cảnh của ông ra thân giúp đời, biết thời thế, cuộc vô vi, dầu sức anh hùng cũng không hay chống chọi nhà xiêu, đương lúc bị đông. Nên tha lấy trí tuần-kiệt, cứu người quê-hương, ra cho khỏi hồi sập chết. Cho nên đường như không ý mong nơi bổng lộc, và làm oai-quyền đức-sắc trong khi thanh-thời đắc-thế, mà làm sự cầu danh cùng là thủ lợi. Có câu của người chứng chỗ sở-hành và đức-tánh của ông như vậy: thu thủy thanh thời vô đức sắc, nghĩa là: Lúc ông đương thanh thời quyền thế, thường người hay làm đức-sắc oai-quyền, mà ông không hề cậy thời làm oai, dặng mưu đồ phú quý. Lại có câu chứng chỗ thanh khiết⁽⁷⁾ của ông: Lâm tuyền tịch xứ, siêu nhiều

(1) Chánh trực thành tín : Ngay thẳng, tín thật.

(2) Đại độ, khoan nhơn : Độ lượng lớn, rộng thương người.

(3) Kinh mộ : Kính mến.

(4) Vi vạn thế sư : Làm thầy ngàn năm đời đời.

(5) Vương hầu, khanh, tể : Vua, chư hầu, tước khanh, chức tể tướng.

(6) Nhơn luân đạo lý : Đường ngay, lẽ phải của loài người.

(7) Thanh khiết : Cũng như thanh liêm vậy.

đi; xa mà trần trung khiết dả nan. Nghĩa là: Các hiền xưa, ở ẩn nơi chốn lâm tuyền, thì dễ bề trốn đức vẹn danh. Còn như người ra giữa chốn trần-ai buổi bậm, mà nhứt là nơi chốn hoạn-đồ, mà dặng sạch sẽ thân danh, là khó lắm.

Ông nơi đường hoạn-lộ ⁽¹⁾, không hề trách vọng, lộc cao bổng hậu, thì có phải là lấy sự cứu đời làm chỗ sở-nguyên chăng? Ấy vậy, đường hoạn-lộ không tham cầu bổng lộc, tánh thanh liêm dặng giữ vẹn toàn, là rất khó. Khó mà không tham, ấy có phải là hiền chăng? Không tham mà có của, ấy có phải là Trời chăng?

Thăm nghĩ: Phàm người hiền-nhơn, quân-tử; thì dầu xưa nay, cùng là thời thế xứ sở cách xa, mà nơi chỗ tánh-tình cũng dường như một cách. Hãy coi như ông Khổng-Minh đời nhà Hôn (đời Tam-quốc). Lúc ông đương quyền ở tể tướng, vị cực nhơn-thần, muốn chi chẳng dặng, xin chi chẳng cho. Lại sẵn Hậu-chúa muốn cho vui lòng, giúp cho bề gia-kế. Mà ông, chỉ biết lấy một tình ân tri-ngộ của ông Lưu-Bị là tiên-chúa, lo báo đáp ân ấy mà thôi. Không ý tính lo bề gia-kế, cho giàu có thêm nhiều; nên xin từ lời Hậu-chúa, mà đáp như vậy: «Tâu Bệ-Hạ, nhà tôi sẵn có ít khoảnh đất ruộng vườn. Con cháu cây, trồng ăn đủ. Phận tôi mắc theo việc nhà nước nơi ngoài, mà còn lo bề trong nhà nữa, thì e có chỗ không kham, mà phụ ơn Bệ-Hạ. Tôi nguyện đến khi tôi chết, vừa không dư lúa chi, ruộng cũng không dư của chi. Ấy là điều tôi sở-nguyên như vậy. Bằng chẳng vậy, thì tôi lấy làm phụ ơn Bệ-Hạ.»

Nghĩ xưa nay hiền-nhơn, quân-tử, hễ khi ra làm quan giúp trị, thì duy lo sự tể thế an bang là phận sự. Không phải là: hễ khi ra làm quan hành chánh, thì chỉ lo cậy thế mà mưu tài trí phú. Ấy vậy: một người ra đường hoạn-lộ, mà lo ân trách cho đời; cùng là một người ra làm quan, thì chỉ lo tom góp cho nhà, thì khác nhau biết bao xa.

Đến chỗ độ lượng. Ông, độ lượng hải hà, nên hay dung nạp người: Dầu là người tánh tình chẳng tốt; ông biết, chẳng phải là người tâm giao, ý hiệp gì; mà cũng tiếp đãi, theo tình khách chủ.

Về người tâm thường chẳng tốt, quen biết thì cũng giao tiếp, theo bức khách tình. Về người kẻ hữu, cố giao ⁽²⁾,

(1) Hoạn lộ : Là đường ra làm quan.

(2) Kẻ hữu, cố giao : Bạn-hữu có tình nghĩa và lâu.

thì càng thiết tư, hết lòng thân ái ⁽¹⁾. Người phải, thì dễ trong; kẻ quấy, thì dễ ngoài: vậy chẳng lỗi nhơn-tinh, và không mịch lòng quen-biết. Cho nên dặng lòng người trọng tòn, mới nên danh-giá lớn. Có câu: Hà hải năn dung câu hát, cổ năn thành kỳ đại ⁽²⁾. Ông, đến chỗ độ-lượng, nhơn-tâm, thật là lớn như sông như biển, hay tha sự làm lỗi của người. Không hề nhớ tới, mà thù hềm, và tính sự trả oán rửa hờn, cũng là sanh lòng bất nhơn niện ác ⁽³⁾ mà mưu hại. Có việc quấy, người ở với ông, ông cũng không thêm nhắc đến. Đến đôi có người nhắc nói lại, ông ý cũng không muốn nghe. Dường như có ý, để cho lòng an nhàn, lưu tâm chi, cho mệt bụng. Có người, có sự lỗi với ông, người khác nhắc lại. Ông nói: «Nó đại, nó nói bậy, thôi.» Đến sau, người lỗi ấy, thấy ông không ý chi là giận, thì men tới, năn hơn ngày trước. Rồi đó, người càng biết lỗi ăn năn; mà càng kính càng phục. Thậm chí, có người đương xấu với ông ngày nay; mà ngày may có sự tai họa, thì ông cũng bỏ qua lỗi trước, mà lo cứu giúp việc bây giờ. Có câu: Bất niệm cựu ác ⁽⁴⁾, câu: Lạc tỉnh tri thạch ⁽⁵⁾ và câu: Văn cứu-nhơn hữu nạn, nhi bất hĩ, nhơn giả ⁽⁶⁾. Ông, thật là độ lượng rộng lớn vô cùng. Có câu: Lượng đại, phước diệt đại ⁽⁷⁾, Thánh hiền nói chẳng sai. Cho nên ông hưởng sự phước hạnh cũng vô cùng. Dường như: ông nhớ muôn muôn ngàn ngàn, ruộng độ lượng, vườn nhơn-tâm, cũng là đất thanh liêm đó, khỏi thất công cây cấy, mà sanh ra bông trái huê lợi hằng năm, đã hưởng không cùng, còn dư để cho đến con cháu còn hưởng nữa. Ngó lại, tỉ với đám ruộng vườn, cò bay thẳng cánh, trâu lội hết chon; mà người đời của chung, vật tạm đòi dòi; thì khác thua biết bao nhiêu.



(1) Thân ái : thương yêu lắm.

(2) Hà hải năn dung câu hát, cổ năn thành kỳ đại : Sông bể hay dung, nạp ngòi rãnh, cho nên mới dặng có nước nhiều mà nên lớn.

(3) Niện ác : nhớ tưởng sự dữ xấu với mình.

(4) Bất niệm cựu ác : Là không nhớ tới sự ác lỗi cũ.

(5) Lạc tỉnh tri thạch : Người đương té giếng, mình ném đá thêm.

(6) Văn cứu-nhơn hữu nạn nhi bất hĩ, nhơn giả : Nghe người cứu thù có sự hoạn họa mà mình chẳng mừng, là nhơn vậy.

(7) Lượng đại, phước diệt đại : Độ lượng lớn, thì phước cũng lớn.

NÓI VỀ TÁNH BÌNH SANH, VIỆC NÓI, LÀM; CÙNG CÁCH ĂN Ở

Có câu: Nhơn sanh bá tuế, yên hữu tam vạn, lục thiên nhứt chi lạc ⁽¹⁾. Ấy là lời than: xưa nay người sanh, ít đặng cười vui cả đời. Mà ông thì dường như: Một năm mười hai tháng thanh thời, một vạn tám ngàn ngày (50 năm) ^(1 bis) thông thả. Lại có câu: Toại chi nam-nhi, đạo khắp sang hà chi cảnh huốn ⁽²⁾, thích-tình nhả-khách ⁽³⁾, vui cùng trời đất chi văn chương ⁽⁴⁾. Người đời xưa nay, có mấy ai đặng nhiều ngày vui cười. Mà ông từ lúc bình-sanh, thấy không mấy lúc buồn rầu. Nghĩ xưa nay, thiên-tử cho đến thú-dân; lớn, cũng có việc buồn, theo lớn, mà nhỏ cũng có việc buồn theo nhỏ. Đã bị việc xảy đến cho buồn, và lại bị việc mình làm ra, cho phiền não. Cho nên, phàm người sanh ở đời, ít có sự buồn, đau, là phước lớn. Đã biết ông, gia-tư phú hậu thì phải vui, song cũng tại tánh người hay khoái lạc. Cũng như các vị phật, không phải là tánh không hay vui, mà duy ông Di-Lạc, thì tánh vui cười hơn hết. Ông tuy phước trời cho thông thả; mà mình biết hưởng sự thanh nhàn. Ấy là điều tri thức, làm cho vui khoái sáng tinh thần, cho đặng hưởng lâu dài tuổi thọ.

Ông thường ngày như vậy: Mỗi buổi chiều thay y phục. Hoặc đi chơi, hoặc ở nhà rước khách. Tối thì 5, 3 người cố cựu, nói chuyện nhàn đàm. Nhiều khi lấy sách, như: Cổ-văn, thiết-huyền, luận-hoành, lựa những mấy câu cách-ngôn, chi-luận ⁽⁵⁾, mà hỏi ý mấy người. Cải lầy cho rõ nghĩa ra lý. Đã vui qua ngày tháng, lại có ích thân tâm. Nhà thường có khách, đãi khách chẳng mỗi lòng. Có mấy lần bày tiệc lớn (Bát) khách đến tới gần ngàn. Ông không hay tới nhà ai, mà

(1) Nhơn sanh bá tuế. Yên hữu tam vạn, lục thiên nhứt chi lạc. Người sanh trên đời, đâu có đặng 3 muôn 6 ngàn ngày vui.

(1 bis) 50 năm : Là kể từ ngày ông xuất thân.

(2) Sang hà chi cảnh huốn. Là cảnh núi sông.

(3) Thích tình nhả khách, người thanh nhả không què kịch.

(4) Văn chương của trời đất. Là núi sông, cây cỏ, thú vật.

(5) Chi luận. Lời nghị luận rất hay. Đản nguyên hữu tiền, lưu khách tí; thăng ư ky mã ý nhơn môn. Thả có tiền mà cảm khách xa, hơn là cỡi ngựa tới nhà người.

hay ưa người tới nhà mình. Có câu: Đản nguyên hữu tiền, lưu khách ti, thắng ư kỳ mã ỷ nhơn môn. Bữa không khách tới, cũng sai đưa đi mời. Ông có tới nhà người quyến-thức là trừ khi có việc. Mà chỉ mỗi tháng tới vài lần, nhà ông Đồ-Sơn, là tình nghĩa thầy trò khi trước.

Ông, không hề khi nào mà coi sách lịch, lựa ngày tốt xấu. Không tin thầy bói, thầy pháp, thầychùa. Có một lần, ông làm nhà, dựng cột cái nhằm ngày 14 Annam, thường theo tục cử sự ngày ấy lắm. Khi vạy cột cái dựng lên, thì thỉnh linh ngã xuống, thì ai ai cũng đều tin là tại nhằm ngày xấu ấy; nên phải bị ngã sập như vậy. Ông không tin, nói tại thợ làm giá-cái không chắc. Liên biểu thợ làm lại giá-cái, rồi dựng lại yên như thường. Ông cố ý làm lại cũng trong ngày ấy. Cho biết là tại chỗ nhơn-lực làm dối, mà sanh ra sự vậy, chứ không phải là tại nơi sự ngày giờ tốt xấu. Trong thuở ấy lòng người còn đương tin tưởng, ngày giờ tốt xấu; các di-đoan, còn đương lúc thanh hành ⁽¹⁾. Mà ông đã sớm tỉnh giấc thủ-cự ⁽²⁾, mà bước tới đường văn-minh, trước hơn người mấy bậc. Lại như cách ăn ở, phong lưu sung sướng, mà không lãng phí xa ba. Nghĩ như ông, cách lịch-sự, thạo việc trải đời. Gương xử-thế ⁽³⁾, đáng làm thầy làm phép. Chớ chi người đời, tập tành chất theo gương, chẳng dặng nhiều thì ít; lại giúp thêm, tặn-học tặn-ba, thì sao chẳng dặng hoàn toàn tài đức. Ông trên đời hưởng phước có ai hơn, mà nào thấy cũng chùa kia miếu nọ. Vậy mới chắc, người đời có phước, là tại nơi chỗ ở đức làm lành. Dầu cho lễ trọng vật nhiều, trời Phật đâu có vi thịt xôi, mà cho phước. Ông ở đời ⁽⁴⁾, tri thức, cứ theo giáo hóa thánh hiền. Chử: Kính quỷ thần mà việu chi. Theo giáo Khổng-tử, tu nhơn-luân chánh-dạo. Lễ chi-công trời chẳng phụ người lành. Chử: Thiên tương kiết-nhơn ⁽⁵⁾, gương báo ứng đã rõ ràng cho đời thấy.

(1) Thanh hành: Làm thanh nhiều lắm.

(2) Thủ-cự: Giữ theo cũ, giấc ngủ mà thủ-cự mà tỉnh thức dậy.

(3) Xử thế: Ở đời.

(4) Kính quỷ thần nhi việu chi: Phải kính trọng quỷ thần, mà phải lành xa.

(5) Thiên tương kiết-nhơn: Trời giúp người tốt.

Ông có xưởng thủ làm dầu, cùng ít ông viên-quan, quyền tiền mà lập nữ-học trường (École de Jeunes filles) tại Saigon. Cuộc lập hoàn thành rồi, giao lại cho nhà nước quản-lý. Trường ấy sự giáo dục càng ngày càng thêm hay, nên con gái nơi các tỉnh gởi tới học, càng ngày càng đông. Ấy vậy, cái tương-lai ⁽¹⁾ của đám nữ-lưu, nhờ đó mà mở mang nơi đường học thức. Nơi việc làm này, trước là ông, kế lấy các viên-quan phụ lực tùy xưởng ⁽²⁾ đó, cũng là một sự ân trách, công đức cho đời, cho đặng sự học hành cho nên nhơn-phẩm ⁽³⁾. Ấy có phải là : Có lòng thành nhơn chi mỹ chẳng ⁽⁴⁾? Lại có câu : Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi ⁽⁵⁾. Mà xét về sự lập nên đường giáo dục cho đời, thì công đức này dầu phải nhỏ.

Thiết nghĩ : phàm con người, con-trai cũng con-gái, có học thì là hơn. Vì sự học là sự thêm đức thêm tài cho con người. Nhưng mà có kẻ tài học thì đặng thêm, mà đức hạnh không đặng thêm cũng có. Ấy là tại nơi chỗ tánh tình sanh tự nhiên, gia-phong ⁽⁶⁾ cũng là tập tục ⁽⁷⁾. Cũng như phía đờn-ông, con-trai, học mà làm quan-tử có, học mà làm tiểu-nhơn cũng có. Tưởng những kẻ học mà làm tiểu-nhơn đó, dầu nó không học, thì cũng là tiểu-nhơn vậy. Phàm sự học là sự làm cho thêm tài sửa tánh. Kẻ ít dốt, có khi, làm trở nên lành đặng. Còn đến như Tào-Tháo, Vương-Mãng, sanh hỗn tánh bất lương, càng học tài thì càng thêm gian ác.

Ấy vậy sự học, đặng tĩ như sự ăn. Ăn đặng sống, học đặng biết. Còn về sự mập ốm, thì người cho ăn, dám bảo sao đặng. Ấy vậy sự ông tạo lập trường này ra, là sự công ơn cho đời về phía Nữ-lưu nhiều lắm. Vì là đờn-bà có học ; là đều rất có ích về sự dạy dỗ trong nhà, khi con còn thơ ấu. Ông có xưởng lập nhà hội (Cercle) « Nam-Châu Công-Sở »

(1) Tương lai : Là sự sẽ tới.

(2) Phụ lực tùy xưởng : Giúp sức làm theo người xưởng dầu.

(3) Nhơn phẩm : Phẩm bậc của người.

(4) Thành nhơn chi mỹ : Giúp nên việc tốt cho người.

(5) Vật dĩ thiện tiểu, nhi bất vi : Chớ nói sự lành sự phải nhỏ chút đỉnh mà không ham làm.

(6) Gia phong : Là thói nhà.

(7) Tập tục : Là tập bắt chước theo tục.

tại trong thành-phố Chợ-lớn, cho người Annam ta có chỗ mà tụ hội, cho đặng đàm đạo công tư thường sự. Ấy là nền đoàn-thể cho đàm xã-hội, có thể mà tới lui khấn khích với nhau, cho đặng cùng nhau tương tư tương ích. Mục đích tốt ấy, ông cũng đã có tư-tưởng trong lúc thời đợi còn bơ thờ, chưa có nghĩ tới sự ấy; (Theo thường là hội chùa miếu mà thôi) ban đầu người-hội có tới lui đoàn tụ, sao lại lo-là càng ngày càng ít tới. Làm cho quan trên thấy cuộc làm không ích dụng cho lắm, mới lấy nhập về đất thành-phố.

Nghĩ trong lúc, trời dương nửa sáng nửa tối ấy, mà ông đã tỉnh giấc thủ cựu, dậy sớm một mình mà tản bộ nơi đường mới văn-minh, là đương lúc thiên-hạ còn đương mơ màng giấc mộng. Thì ai chẳng lấy làm lạ cho ông, mà thầm cười lên nói: Sao ông đi chi đường ấy. Rồi người đến khi dậy trưa, kiếm nẻo mà đi, thì té ra cũng theo đường ấy, mà phải chen chúc nhau, lo ngược tình xuôi, mà còn kể đặng người chẳng. Phải chờ chi theo gương kiến thức ấy, thì ngày nay đã đi xa đường rồi. Đã biết người Annam ta, ngày nay cũng vội vã nơi đường văn-minh Đại-Pháp về văn-chương kỹ nghệ, vừa thấy có tản bộ, mà ước chừng vài mươi năm nay sắp lại, là kể từ văn-minh Đại-Pháp đơm qua đất Nam-Kỳ, đã gần 7 chục năm nay; thì về sự chậm trễ, bị ngủ nướng dậy trưa, mất biết bấy nhiêu ngày giờ. Trộm nghĩ: Phải chi Nhứt-bồn cũng là Xiêm-la mà cũng ngủ trưa như ta; thì có khi đã thấy cờ Song-Đống của nước Nga đã phất phơ nơi các thành Nhứt lâu rồi, và có đầu mà nói chuyện thắng Nga, cùng đứng tên trong liệt-cường, mà đặng gọi đường đường hùng-quốc như thế.

Nghĩ như ông, bởi sự kiến thức, biết đường văn-minh kia rộng lớn; quyết đoán mà đi trước; cho nên trình đồ nhà ông mới đặng cao xa như thế.

Nếu như ông, dậy sớm, tỉnh sơ, lăm đi nơi đường ấy; còn người đời dậy trưa tề chỉnh, kiếm đặng nẻo khác, tốt hay hơn; thì nơi chỗ tri thức thấp cao, phải bị cho dư-luận công-nhiên. Dầu cho ngòi viết của ông thánh-tháng cùng ông Trần-thọ, cũng không thể bỏ chỗ công-luận mà tư vị khen bướng cho đặng.

Nghĩ lạ thay! Ông ngày bình-sanh không tham-tâm, mà cũng không lợi-tâm; cho nên cuộc sanh-kế làm-ăn, thì là bơ

thờ, không hay mưu kia thế nọ ; mà sao, tiền của đầy đầy, bạc vương-hầu sung sướng. Dường như lòng trời hậu phước, thưởng cho người hữu đức hảo tâm vậy chăng? Khiến cho nhiều cuộc tiền tài, vô tâm không dè mà có, là như: Bà mua ruộng đất 1, 2 trăm một mẫu ; mà bán lại tới 5, 7 muôn. (Có bán 7\$00 một thước vườn cho nhà máy) thật là một tay Bà kinh-dinh sự nghiệp, làm thông thả như chơi, mà của tiền vô tợ nước. Ông sánh với đám đồng-liều trong lúc, người đặng ngàn, mà ông không có một. Nghĩ trong đám hoạn đồ, tỉ như cầm đầu, thì ai chẳng hầu lắm tay ; mà ông trong sạch, như tuyết trong trắng rạng. Ấy là cuộc tiền tài. Còn đến như sự hưởng phước đời người. Ông giàu có chưa tới số ngàn muôn, mà bề hưởng sung sướng, với bạc triệu ức không sánh kịp. Nghĩ việc đời, về sự giàu ít mà hưởng nhiều, cũng là giàu nhiều, mà không hưởng. Dường như lẽ-trời thưởng phạt thế nào. Vậy mới biết lưới tạo-vật ⁽¹⁾ bủa cao, thừa mà không lọt. Thấy việc đời trước mắt, tưởng chả nên mưu gian kế lận, chắc lọt, cho mau đầy tuổi tham. Cũng là thao thức nửa đêm, phiền não, sao không dặng nhiên rương bạc. Có câu: Thế-nhơn bất giải thanh-thiên ý, khống sử thân tâm bán gia-sâu ⁽²⁾. Ấy thì càng giục lòng, vì phú bất nhơn ; và lại sanh dằn vọng cầu bất tri. Phải biết: thức khuya dậy sớm mà làm ăn, ai có ngồi không mà đợi của. Nhưng mà, phải biết soi gương minh triết, lấy nhơn nghĩa mà sanh tài, thì mới hưởng lâu dài của có. Nghĩ cũng khó cho nghề quan-lộ ⁽³⁾, bổng lộc có chừng, theo thể-diện, phải rộng bề xài phí ; phải như nông-gia lão-phổ, mà cần kiệm theo phận rầy vườn cho đặng. Cho nên đừng quan-lộ mà thanh-liêm, thật là khó giữ. Đến đời là thầy-tu không xài, mà còn trông thân-chủ tới cùng. Ngồi nghĩ lại : thợ-trời nên khéo quá, thấy

(1) Tạo-vật tạo-hóa đều là trời.

(2) Thế nhơn bất giải thanh thiên ý, khống sử thân tâm bán gia-sâu : Người đời chẳng rõ ý trời, nửa đêm thức mà buồn rầu sao không giàu có.

(3) Quan lộ : lộ là đường làm quan, quan đồ cũng vậy.

người có đức tốt không tham; lại khiến cho, như ngồi không mà có của.

Có nghe người thuật chuyện, khi ông đi chơi các tỉnh ngoài Trung-kỳ, khi ấy chưa có xe chi hết. Tỉnh này qua tỉnh kia, thì quan-tỉnh có sai quân hầu đưa và dân-phu khiêng vồng cang. Ban đầu, dân-phu nghe bắt đi, thì kiếm thế trốn khỏi, vì là chúng-nó tưởng theo lệ thưởng, không có trả tiền. Sau nghe ông trả cho tiền rộng rãi, thì chúng nó đồn nhau tới nhiều, đến đôi phải bãi bỏ. Ấy đó, mỗi việc dầu nhỏ dầu lớn, ông, cũng công nhiên minh bạch, không hề lường công tham của ai. Lại trong khi đi đường, mỗi chỗ tới mà nghỉ chơn, hoặc có thăm viếng, thì người đồn nhau, đem đồ-xưa vật-cũ, dâng trông bán dâng giá cao. Thường mấy tỉnh ngoài, người có đồ-xưa vật-báu thường hay giấu cất.

Thiết nghĩ: phạm đường đường chánh chánh không hề một mảy gian dối với ai; thì là chi khi anh-hùng. Có câu: Anh-hùng bán điểm bất khi nhơn. Còn phạm người mình minh bạch bạch nơi chỗ tiền tài, dầu ít nhiều cũng không thêm tham lường của ai; thì là phạm mình trượng-phu. Có câu: Đại trượng-phu, tài thượng phạm mình. Gặp thời, ra giúp nước phò vua, phải chỗ chết, coi mạng nhẹ dường lòng. Đến lúc nơi xa-tràng chinh chiến, dầu có rủi, lấy da-ngựa bọc mình. Ấy là anh hùng trượng-phu nơi chỗ đại-khải. Còn về ngày thường, nơi chỗ ngôn hành, thì đường chánh; nơi chỗ tiền tài, thì phạm mình; thì cũng anh-hùng, trượng-phu địa vị đó vậy. Đợi phải chỉ một việc lên ngựa cầm thương, mới là anh hùng trượng-phu vậy sao? Tưởng như cuộc gặp thời, hoành liệt cho đáng bậc anh-hùng thì chẳng dễ; còn về ngày-thường ở đời, mà đường chánh cho phải một đứng trượng-phu, thì cũng khó. Theo địa-vị đức tánh ấy, ra đời giúp trị nước nhà, về sự bất loạn phản chánh⁽¹⁾, thì nước nhà cũng có nhờ. Mà ra chỗ xã-hội, về sự kinh dinh sanh lý, thì xã-hội cũngặng tự ích.

Chớ chi mà anh-hùng trượng-phu đó, mà dặng có nhiều nơi trong đời trong nước; thì đời nước ấy, dầu chẳng dặng ở trên người, thì cũng ngang bằng với người dặng.

(1) Bất loạn phản chánh: Đẹp trừ đám loạn nguy hại, và làm cho trở nên ra đời chánh-thống.

Ông, ngày bình-thường nói chuyện nhàn đàm, không hề khi nào nhắc tới công việc-bình-sanh của ông, mà khoe khoan. Cùng là nói tới việc đã-quá; sự buồn giận, sự trách vọng⁽¹⁾ cũng là sự vọng cầu⁽²⁾ chi. Chỉ ưa nói chuyện vui khoái hài, cũng là việc đương thời, tân-văn của các nước. Đến việc chánh-phủ, thì không hề khen hay, mà cũng không hay nói dở. Có sự chi quan hệ đến quốc dân, đáng phải nói, thì ông mới tới nơi Chánh-phủ mà tỏ bày sự lợi hại⁽³⁾.

Về việc gia-đình, ông không hề mừng khoe con cháu tài bộ vinh vang. Có người thấy vậy mà tặng khen: Nhà đại phước con đã nhiều, mà không một hoang đàng. Ông nói: « Có phước gì. Tại lo cho ăn đi học, phải cứng đờ ở nhà ăn chơi, thì cũng hư hoang như con chúng. » Có lần, có tin bên tây qua nói con ông bệnh mất. Ông coi bộ hết sức sầu bi, rồi ông kiểm thể giải, nói: « Có người có một con, mà chết, thì sao? »

Nghĩ như ông, bình-sanh sự nghiệp, cũng là lắm lịch phong lưu. Lại thêm mấy người con ông, công thành danh toại, tài đức khá khen; mà ông, chẳng hề khi nào mà nhắc mà nói tới; cho dặng tỏ ý mừng khoe chút nào. Dường như coi không chi là phú là quý là danh dự cũng là vinh hạnh gì hết. Ấy có phải tánh khí hạo nhiên, hồn nhiên⁽⁴⁾, như trời cao bể cả, không bờ không cõi. Cũng như thợ họa thủy-mạt tự nhiên. (Peinture naturelle) hồn nhiên không lảng không nét, và cũng không rần-rực đỏ đen; chẳng phải như đám thợ-vẽ dở kia, hay ưa vẽ rần-rực đỏ đen, xanh kịch vàng lờm, có nét có lảng, tỏ rõ sắc sảo lắm, như có câu: Dung-công ố họa khuyển mã, nhi hảo họa quỷ thần. Nghĩa là: mấy tên thợ vẽ dở, sợ vẽ chó ngựa, mà ưa vẽ rồng phụng, cũng hình quái dị. Vì sao? vì là vẽ chó ngựa, thì phải vẽ giống theo tự nhiên, thì phải khó. Còn như, hình quái dị, rồng, phụng, ai thấy đâu mà cải, thì dễ mà thêm đậm đỏ đen rần-rực, dặng khoe tài.

(1) Trách vọng : Phiên trách trông cầu.

(2) Vọng cầu : Cầu trông sự không đáng có.

(3) Bất ngôn Triều-Đình đặc thân : Chẳng nói đến việc Triều-Đình nhà nước về việc lợi hại dặng mặt mà bàn luận bài chiểu.

(4) Hạo nhiên, hồn nhiên : Cao lộng, mờ mịt không dấu tích chi hấy dặng.

Nghĩ như một bức họa theo tự-nhiên thiên-nhiên kia, có phí bao nhiêu giấy mực. Mà tại một sự dặng theo tự-nhiên, mà các nước bên thái-tây, cho bức họa ấy tới bức vô-giá. Còn như đồ cơ-xảo máy móc, linh động như thần, và lại tốn biết bấy nhiêu đồ vật liệu. Mà dầu giá cao thế nào, cũng chưa tới bức vô-giá. Lại còn lạ thay! Bức-vẽ tự-nhiên hay ấy, càng cũ lại càng quý nữa. Còn về đồ cơ-xảo, càng chạy càng mòn, nhiều; đến đời hết dùng dặng, phải chất đống mà bán theo đồ tẻ-khi vậy. Nghĩ trông thấy việc đời, cũng gần gần như thế.

Cho nên những người, đến bức chi-dức chi-tài, cũng là đại-phủ đại-quí; thì bức ấy, tưởng mình dường như là không chi chi hết. Cho đến lời-ăn tiếng-nói, thì thường thường tự-nhiên không khuê giác góc khốc, cũng là lập dị cầu cao. Xem ra chỗ ngôn hành cử chi, hạo-nhiên hồn-nhiên, khó thấy khó biết. Bởi vậy cho nên, thường bức ấy, không hề khi nào mà có sự tự đắc, tự phụ, kiêu nhơn, ngạo vật, nói giỏi khoe tài. Việc chưa tới, không nói giỏi, việc đã làm, cũng không hề khoe hay. Về việc nói, thì không hề nói giỏi, mà đến việc làm, thì làm hay. Có việc làm phải, thì nói: Ấy là việc bõn phận phải làm. Việc có dặng nên; thì nói, ấy là tại thời may gặp vậy. Làm giỏi ở hay, mà coi như không không; ấy mới thật là chi-tài chi-dức: Ruộng rộng trước cao, mà coi dường chẳng có; vậy mới thật là đại-phủ đại-quí.

Nghĩ như ông, tánh khí hạo-nhiên, hàm hồn không hay khuê giác, không phải như bức ở khi-tiểu⁽¹⁾, bỉ-lậu⁽²⁾, hay ưa thói kiêu-căng. Ấy vậy, ông chẳng giống theo tánh-thường thói-tục như thế, thì có phải là xuất tục phi thường⁽³⁾ vậy chăng?



(1) Khi tiểu: Cái đồ đựng nhỏ, cho nên đựng chút chi thi đầy.

(2) Bỉ lậu: Hẹp hòi, què mùa, không thấy xa rộng.

(3) Xuất tục, phi thường: Khác hơn thói tục; chẳng theo thường.

VỀ SỰ MẠO HIỂM (1), DU LỊCH HOÀN CẦU

Ông, tánh đồm lược (2), chí quyết đoán (3). Cho nên thường mạo hiểm, mà dạo xem phong cảnh lạ. Cùng Nam cực Bắc, chỗ nào cũng có trải qua. Cho đến khắp cả hoàn-cầu, có đi vòng qua một chuyến. Nước Langsa, đi tới mấy lần, dạo xem gần khắp đủ. Có lên núi tuyết, vào hang tuyết. Có đi khinh-khi cầu (Ballon). Nhứt là chuyến về qua biển Thái-bình-dương (Océan Pacifiques). Khi tại nước Huê-kỳ, nơi đó, có tới xem suối Nha-ga-ra (Chute Niagara).

Lộ tiến, ông đi vòng trái đất, lược kể như vậy: Tại Nam-kỳ khởi trình, đi kinh qua Singapore, Djibouti. Biển đỏ (Mer Rouge), Port Saïd, Địa-trung-hải (Mer Méditerranée) tới thành Mạt-xay; (Marseille) nơi đó, lấy xe lửa đi thành Paris. Tại đó, lấy xe lửa đi ra Havre, xuống tàu qua Ấn-lê; rồi qua biển Atlantique đi qua Huê-kỳ: Nơi đó trở về, phải đi xe lửa ngang qua Ba-na-ma (Panama). Khi ấy chưa có kinh, rồi lại xuống tàu qua biển Thái-bình-dương (Océan Pacifique) tới nước Nhật-bồn; (Japon) tại đó lấy tàu qua Thượng-Hải, (Chine), rồi về thẳng tới Saigon.

Ông, cả Đông-Pháp, dạo đi gần khắp, cuộc phong-lưu chi cũng lạ thường. Có câu: Dục vi thiên-hạ, kỳ nam-tử, tu lịch như gian vạn lý trình. Nghĩa: Muốn làm trai lạ hơn người, đường dài muôn dặm trong đời trải qua. Nghĩ như ông, dạo khắp biết bao nhiêu dặm đường; thì đáng là kỳ kỳ nam-tử (4) vậy chăng? Đã biết, sự đi du lịch dạo chơi, là chẳng khó. Nhưng mà trên thế-giới, thiếu chi bậc sang giàu, mà có mấy hào-hiệp, phóng tâm (5) mà đi như thế. Huống chi là khắp cả Hoàn-cầu, thì người chẳng quyết-đoán, chẳng đồm lược, cũng chẳng tri-độ, trải-đời; đâu có tiền, cũng chẳng dễ đi như thế. Trong thuở ấy, việc

(1) Mạo hiểm: Liều vùi trong sự hiểm nghèo.

(2) Đồm lược: Có gan và mưu lược.

(3) Quyết đoán: Quyết đoán tinh được làm được không dự dự.

(4) Kỳ kỳ nam-tử: Đừng làm trai càng lạ hơn nữa.

(5) Phóng tâm: Lòng buông lung.

đi đường, lại chẳng phải dễ như đời bây giờ. Ông lúc trung niên ⁽¹⁾ còn mạnh, hay mạo hiểm cả gan. Như trong khi chinh chiến, cùng khi du lịch xứ xa, biết bấy nhiêu lần gian hiểm. Ông có nói: «Người dặng sống lâu, là khỏi chết khi hiểm nguy.» Là ông nghĩ, ông có may khỏi nhiều lần gian hiểm.

Ông hay thường đi săn cọp, bắn voi, nơi mấy chỗ núi rừng hiểm trở. Ấy có phải là: tánh người dạn dĩ có gan. Cho nên ưa sự du lịch dạo chơi, cùng săn bắn, mà không sợ sự hiểm nghèo. Lại và cho đến sự phong-lưu ngoạn-thưởng: lập vườn, nuôi thú-lạ chim-kỳ; cũng khi-tượng khác thường; có khiêu giống như người Thái-lây, phong-lưu đại-khải. Chẳng phải 5, 10 gốc cây uốn kiển, đường hoa; cùng 3, 7 chậu lang, như thời phong-lưu ngoạn-thưởng theo thường vậy.



(1) Trung niên : Khi lúc giữa chừng tuổi người. Là lúc 25 tới 45 vạt.

VỀ SỰ Ở VỚI CỐ-NHƠN BẰNG HỮU

Khi ông ra làm quan, thì chức quyền một ngày một cao thăng, gia-tư thì cũng càng ngày càng phong hậu, mà lòng ở với cố-nhơn, bằng-hữu, lại càng ngày càng nồng đậm. Nghĩ trong đám bằng-hữu của ông, thì không phải là phú-quí hơn ông, và cũng không phải là, ông có nhờ sự tương-tu tương-ích; cũng là ơn-trước nghĩa-sau gì đó. Mà ông, duy một điều: lấy lòng tư-thiết niệm tình cố-giao ⁽¹⁾; giúp cho người này, đỡ cho người kia. Mà không hề chút chi, kể ơn thì đức ⁽²⁾. Phải chớ chi, như chỗ bằng-hữu, mà có sự đồng chia hoạn nạn, cùng là có sự cho áo nuôi cơm ⁽³⁾ cho ông; thì tình chung thì, nghĩa báo đáp, biết bao xiết kể.

Hãy coi, như sự xin cho ông thủ-khoa Huân khỏi bị đày lưu xứ, lại xin lãnh mà coi chừng. Ấy là sự quan hệ trọng, mà cũng vì nặng về tình bạn-cũ. Văn ông Huân, là người bị án làm giặc tha về. Cho nên chừng khi ông Huân âm mưu tái đồ ⁽⁴⁾ nữa, thì có kẻ vu cáo ông. Nói: ông phải biết sự ông Huân làm, mà có ý giầu nhà nước. Khi ấy, cả gia-quyến ông cũng lấy làm lo sợ. Lại sợ nếu ông Huân làm ra lớn việc và thoát khỏi; thì ông, về sự liên can, chưa biết ra sao? Ấy có phải là: vì chỗ tình-nghĩa với bạn-bạn, mà đến không kể chỗ quan-hệ trọng chẳng? Còn nhiều việc cứu người việc khác nữa vân vân. Lấy đó, mà sánh với đám vua tôi mà bạn bạn kia. Lúc hoạn nạn, thì chung cùng với nhau; đến khi an hưởng, lại cao cách một mình. Đến đời: dặng chim bẽ nã, dặng cá quên nôm. So sánh với ông, nói chỗ tình-nghĩa, thì chung với bạn-bạn, thì khác thua biết bao nhiêu. Ấy là sánh với bậc trên; còn bậc dưới, theo thói đời, thường lấy sự tiền-tài mà làm bạn, tình nghĩa theo bề ngoài; rượu thịt mấy hôm, qua lại với nhau coi rất thiết; tiền-tài một mảy,

(1) Cố giao: Bạn cũ.

(2) Thi đức: Là nêu ân đức ra.

(3) Tích ông Bào-thức cho ông Quán-Trọng áo mặc lạnh khi nghèo.

Tích bà Phiếu-mẫu cho ông Hàng-Tinh khi đói cơm một bữa.

(4) Tái đồ: Làm lại nữa.

không hề kêu thứ gọi chức, cứ kêu tên tộc như thường. Lại cũng cứ la ngửa sự quấy; không hề khoe khoan mà trưởng ác ⁽¹⁾. Ấy là có ý, phòng trước ngửa sau, e tuổi trẻ dễ sanh kiêu căng phóng đảng. Khi các ông con, còn nhỏ đi học, thường nghiêm cấm, không cho xai phí xa ba.

Nghĩ như Ông, Bà, không dưc hiên chi lạ, thì có lẽ nào, trời riêng hậu phước, cho một nhà như thế. Lại có câu: Hữu tiền, nan mãi tử tôn hiên. Có phải là tại sự giàu có mà hay làm cho con cháu nên hiên tài sao? Trường đường giáo dục theo văn-minh Pháp-quốc, là đường của Ông, đã phóng vẽ trước cho con cháu noi đi. Nghĩ như Ông, nếu cố chấp noi theo cổ lệ, lập trưởng-nam, để giữ nhà thờ, thì làm sao mà học đặng tài năn như thế. Có câu: thành đại-sự bất câu tiểu-tiết ⁽²⁾. Vả lại việc báo-hiếu, cũng có nhiều đường. Cũng có lập thân nên người, để danh giá trên đời, hiên vang cho cha mẹ. Có câu: Lập thân hành đạo, dương danh hậu thế, dĩ hiên phụ mẫu, hiếu chi chung giả ⁽³⁾. Còn đến như cuộc nhà cửa đổi dời, thì ông đã thường nói, nơi lúc sanh-tiền; vì người kiến thức, thì hay biết trước lẽ đổi dời. Nào có phải như Tần-thỉ-Hoàng ⁽⁴⁾ tham tình để sự nghiệp muôn muôn đời cho con cháu.

Thiết nghĩ: như đồ để dấu tích lâu dài, thì duy cuộc lăng-mộ mà thôi. Mà còn có câu: Nan bảo bá niên phần ⁽⁵⁾. Như lăng mộ Lê-Trường-công ⁽⁶⁾, cùng ông Bá-Đa-Lộc ⁽⁷⁾, tại Bà-chiều (Gia-dịnh) đó mà thôi. Nào có thấy dinh nhà của ông nào, để lại tới bây giờ đâu có.

(1) Trưởng ác: Làm cho quấy dữ thêm lo.

(2) Thành đại-sự bất câu tiểu-tiết: Làm việc lớn, thì phải đừng kể tiết nhỏ.

(3) Lập thân hành đạo, dương danh ư hậu thế, dĩ hiên phụ mẫu, hiếu chi chung giả. Làm nên mình làm nên đạo đức, để tiếng đời sau vinh vang cha mẹ: là đền trả thảo sau vậy.

(4) Tần-thỉ-Hoàng: Nhà Tần, vua Thỉ-Hoàng, đắp vạn-lý trường-thành mà ngăn mọi; mới giữ chắc nước nhà cho con cháu đến muôn muôn đời.

(5) Nan bảo bá niên phần: Không ai giữ mồ trăm năm dặng.

(6) Lê-trường-công Lê-v.-Duyệt, Tả-quân Đại-tướng đời nhà Nguyễn Cao-hoàn.

(7) Bá-Đa-Lộc Pigneau de Behaine, Quốc-sư đời nhà Nguyễn.

Phàm xưa nay, thế thời biến cải, thì việc người dễ chẳng đòi dòi. Hễ biến thì phải ra khác. Cũng như rắn biến thành rồng. Mà còn nói sao chẳng xuống hang mà bắt chuột sao đặng. Nghĩ nhà-nước núi sông còn đòi dòi, huống chi là người, cũng là đồ tạm-vật. Miễn là biến đổi ra, tốt hơn là quí. Như người Annam ta, đã biến mấy lần rồi. Lúc biến theo áo khăn. Lúc biến theo giày nón. Mà không biết chừng, còn biến ra gì nữa. Còn người Trung-quốc, hồi trước thì biến ra có đuôi; rồi lại biến ra cụt đuôi. Làm sao mà không biến đổi; mà cứ giữ nê cổ thủ cự hoài sao? Biến ra tốt càng hay. Như rắn biến ra ông rồng; đừng biến ra con trùng thì xấu.

Thiết nghĩ: theo cổ tục, ta lấy sự ly hương làm chẳng tốt. Vậy sao người xưa khen: Đại-trượng-phu, từ hải vi gia⁽¹⁾. Ấy có phải là: Lấy sự nên danh lập nghiệp làm qui trọng, dầu ly hương đâu, cũng đặng chẳng? Mà nghĩ lại coi: Giã như: lấy một hột lúa trong một bồ, chữ: thái-thương du nhứt túc⁽²⁾. Une goutte d'eau dans la mer, đơm đi dẫu xảo, để chưng trên kệ, thì ai cũng nói tiếng lúa Nam-kỳ, chớ nói lúa mì tây sao đặng. Chẳng hơn là cứ dủ trong bồ, rồi bị ằm nước, chuột ăn còn vô thì sao. Bằng không, thì cũng như lúa bồ kia vậy, cớ chi là quí. Thì cũng như con ông qua ở bên Tây, làm quan trên mấy ngàn binh lính. Chẳng hơn là ở trong xứ, làm trên một ít tổng làng. Rồi về biển hoạn ba đào⁽³⁾, thì cũng dường như lúa ở bồ bị nước chuột ăn, thì càng khá tiếc. Lại như trong số dân ức triệu, dầu thiếu vắng một người, mà một người làm danh giá cho cả ức triệu, thì chẳng hơn sao?

Còn đến như sự nhà cửa là đồ thân ngoại chi vật⁽⁴⁾. Hễ khi nhà cửa hư cũ thì bán. Miễn là người bán, đừng hư cũ thì thôi.

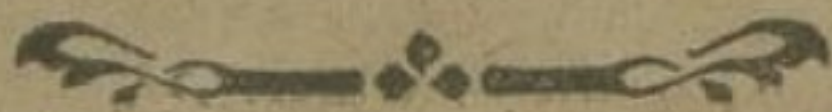
(1) Đại-trượng-phu, từ hải vi gia: Hễ người Trượng-phu thì trong bốn biển ở đâu cũng đặng.

(2) Thái-thương du nhứt túc: Trông bồ lúa lớn, lấy bớt một hột.

(3) Ba đào, là sóng gió lớn hiểm nguy.

(4) Thân ngoại chi vật: Là vật ngoài mình, như nhà cửa, áo quần vậy.

Chữ: Hữu đức, tất hữu phước (C. tr.). Như ông, có phải là người có đức, mới đáng có phước; đã rõ ràng báo ứng như vậy chẳng? Là ông: đã dâng con đông, mà đều hiển vang trên đời. Như con gái thứ ba: là vợ ông Hoàng-Trọng-Phu, hiện nay, Tổng-đốc Hà-dông, triều phong thái-tử thiếu-phó, Thượng-thơ hàm, (Commandeur) tam-đẳng bửu-tinh. Con trai thứ tư, là: Ông Đỗ-hữu-Chân, quan năm bình, (Colonel), (Commandeur) tam-đẳng bửu-tinh, hưu-tri ở tại Nice (France) bây giờ. Có ba người con trai: mà hai người sanh đôi, đều là thiên-ư khác thường, khoa trường đậu cao. Con thứ sáu là: Ông Đỗ-hữu-Trý, hiện đương làm quan Chánh tòa áo-đỏ, (Conseiller de la Cour) tại Saigon. Còn thứ bảy, là: Ông Đỗ-hữu-Sửu, học thuốc tại trường lớn y-viện Paris, chuyên nôm ham nghề, tình sau về giúp người xứ sở; bị bệnh truyền nhiễm mà mất về sự công ích quốc-dân. Có đam hải cốt về xứ, nơi thổ mộ an táng. Con gái thứ tám là: Vợ ông Lê-Nhiếp, làm tuần-phủ tỉnh Hà-nam bây giờ. Con trai thứ mười, là: Ông Đỗ-hữu-Thìn, đương làm quan kho-bạc tại Saigon (Chevalier de la Légion d'honneur), Thường thọ ngũ-đẳng bửu-tinh, và con trai thứ mười một là: Đỗ-hữu-Vị làm quan ba máy bay (Capitaine aviateur) đã bị tử-trận nơi xứ Somme (France). Còn mấy người con gái thứ hai, thứ năm, thứ chín và thứ mười một, đã mất lâu không kể.



VỀ SỰ SO SÁNH NHƠN-TÀI

Như ông, lấy chỗ sở ngộ thời thế, cùng tài năn, học thức, thì sao bằng nhơn-tài các nước. Vì những nhơn tài ấy, là đại-quốc; nhờ sự giáo-dục nhơn-tài của nhà-nước văn-minh. Lại chỗ sở-ngộ thời thế, đều là đại-cuộc phi-thường. Ông, thì sanh trưởng nơi chốn biên thùý ⁽¹⁾ trong một nước tiểu-quốc. Thì chỗ giáo-dục nhơn-tài, cùng là thời thế khác xa nhiều lắm. Cho nên lấy sự nhơn-tài hoàn-toàn cùng sở-ngộ phi-thường, mà tỉ giảo so sánh, thì ông sao kiếp với nhơn-tài các nước. Còn bằng lấy chỗ đức tánh tự nhiên, cùng là tri độ thiên tư ⁽²⁾ tưởng ông với người, như đổi chỗ với nhau, thì nhơn-tài tưởng cũng nhơn-tài như nhau. Có câu: Thánh hiền, diệt địa tắc giai nhiên ⁽³⁾. Lại cũng như: Dầu cũng là tài kỳ ký ⁽⁴⁾; mà rủi gặp xóm nhỏ, đường vắng thì làm sao mà ra tài ngạn đậm.

Có câu: Thời-thế tạo anh hùng ⁽⁵⁾. Ấy là sự may, gặp thời-thế sẵn, của sẵn; nhơn đó, mà làm nên thêm, làm cho xong việc, rồi dựng nên danh anh hùng. Cũng như ông Adolphe Thiers, Viên-Thế-Khải, nhơn thời-thế mà làm nên thời-thế. Còn có câu: Anh hùng tạo thời-thế. Là gặp lúc không có thời-thế chi, mà tạo làm ra, cho có thời-thế, thời-thế dựng nên tiếng anh hùng mới có. Là như ông Hán Chiêu-Liệt cùng ông Minh-Thái-Tổ v.v... tay không mà tạo ra thời-thế sự nghiệp. Tuy vậy, mà cũng nhờ sẵn chút tiếng dòng vua, lại lấy chí anh hùng, mà tạo nên ra nhà nước. Ấy cũng ngàn năm cơ-hội; gặp đời vua suy vi, khiến nhơn dân ly loạn. Anh hùng nhơn đó, mới tạo ra thời-thế vậy. Như bậc anh hùng này, đã thế-thời cùng cơ-hội, mà cũng sở-ngộ may, và dòng giống sẵn, mới dựng nên danh và sự nghiệp. Nghĩ, xong cũng nhờ có việc phi thường, mới

(1) Biên thùý: Ranh nước; giải hạn.

(2) Thiên nhiên: Trời cho tự nhiên.

(3) Thánh hiền diệt địa, tất đại nhiên: Tôi bậc thánh hiền như nhau, bằng đổi chỗ với nhau, thì việc làm cũng như vậy.

(4) Kỳ ký: Là ngựa hay có danh, đời xưa.

(5) Thời-thế tạo anh hùng. Thời thế có sáng sanh ra anh hùng.

có người phi thường sanh ra. Ấy vậy, dầu cho đến bậc đế vương, hoành liệt trong chính châu, cùng là hiền-sĩ tịch mịch ngoài thôn giả, thì khác nhau có một chữ thời. Suy chỗ hiền-tài, thì chưa biết hiền-tài ai hơn.

Đến như: Chỗ lòng ở đại độ, tánh có đởm lược, cùng là đức tánh khác, vân vân... Ông như tử với ông Hán Bái-Công đều này. Ông Hán, nhờ gặp thời thế; lúc thiên-hạ đương oán Tần-thỉ-Hoàng bạo ngược ⁽¹⁾, Hạng-Vô bất-nhơn. Lại nhờ tiếng dòng vua, đảng hiền-tài đành đem mình tới giúp. Cho nên, trong năm năm, mà đến dựng nên nghiệp đế. Như thế, thì ông sao kịp ông Hán. Còn như ông Hán trong khi chinh chiến hoạn nạn, vua tôi cùng nhau cũng như anh em bầu bạn. Đến lúc thời bình: ngồi cao an hưởng, rồi không đảng thỉ chung ⁽²⁾, cùng bạn-hữu cùng-thần. Để có tiếng công-thần kia than: Cao điều tận, lương cung tàng, địch-quốc phá, công-thần vong ⁽³⁾. Tiếng tục ngôn: Đảng chim bẻ ná, đảng cá quên nôm, cũng một nghĩa. Đời sau nhớ tới câu đó, còn rơi lụy mà ứa gan. Ông, suy chỗ trung hậu ở với cố-nhơn bạn-hữu, càng giàu sang, càng lại thiết tư ⁽⁴⁾. Tưởng ông như ông Hán, thì chắc là bảo toàn với công-thần, thỉ chung cùng bầu bạn. Tưởng dưới chín-suối, hai ông có gặp nhau: thì ông Hán lấy làm hồ thảm với ông Đỗ-Hữu nơi chỗ đó chăng.? Ông tử với ông Ney, Maréchal, chớ chi, từ lĩnh của tân-quân đòi ra, đảng đối địch với cố-chúa Napoléon 1^{er} (khi ở Cù-lao l'île d'Elbe về) thì có phải là đảng trọn niềm cùng cố-chúa với tân-quân; chịu ra chi, rồi việc chẳng xong cho đến mình bị hại. Tưởng theo tánh ông, quyết đoán một bề, nên hư thấy trước; thì chắc đảng toàn danh giá. Ông tử với Viên-thế-Khải, gặp thời-thế đương lộn xộn, thắng bại chưa phân. Mãng-triều hồi suy mặc; cả nước không nhơn-tài, ra tay gánh vác. Khi ấy, Tay-hậu đòi ra, quyền

(1) Bạo ngược: Dữ tợn.

(2) Thỉ chung: Trước sau chẳng đổi.

(3) Cao-diều tận, lương cung tàng; địch quốc phá, công-thần vong: Chim bay cao hết, cây cung tốt đem cất không dùng. Nước địch-quốc thua rồi, tôi công-thần bị hại.

(4) Thiết tư: Lòng thiết tư với bạn hữu.

nấy điều đình việc nước. May mắn thay ! gặp thời-thế khiến nên ! mặc ý tình tung hoành theo tánh hảo. Xứ nhà-vua lui, ngoắt cách-mạng tới. Công điều đình, yên việc hai bên ; bõc quyền bình ⁽¹⁾ Chánh-chung một mối. Ngán thay ! tuổi tham không đáy, manh dạn đồ vương ⁽²⁾. Bụng tham trời chẳng chịu lòng, thân đã hại, lại thôi rồi danh giá. Phải như ông, lòng chẳng tham, thủ tín ⁽³⁾ với nước dân. Cầm giềng mối cộng hòa bền vững, thì Trung-quốc ngày nay, dân quốc đã dặt thái-bình an ổn.



(1) Quyền bình cán: Quyền thế cầm trong tay.

(2) Đồ-vương: Tính sự làm vua.

(3) Thủ tín : Giữ sự tin thật chẳng sai.

TỔNG LUẬN

Ông lúc ra giúp trị cho nhà nước Langsa, vẫn là đương lúc chiêu yên binh loạn, ⁽¹⁾ chẳng phải là cuộc trở giáo day thương, làm phong đối lũy ⁽²⁾, hai bên đương chinh chiến kịch liệt ⁽³⁾, gì đó. Lại cũng chẳng phải là, đợi có tay ông ra giúp trị, mới dặng vô yên; cũng là mấy đầu-đảng mới bị bắt. Nhưng mà thường quan có lòng nhơn, thì cuộc chiêu yên binh loạn mới ít sự thương tâng. Hãy coi như: các đám giặc lớn cùng đám cướp to; lúc đó, đều là cô-triều dư-đảng ^(3bis) thương pháo có, nghề binh sẵn. Ông lấy gan đởm, dùng mưu lược, hay mua trư kẻ dữ, mà biết khuyến dụ dân lành. Ông trong lúc ấy, quyền sanh sát có trong tay, cuộc tiền tài thấy trước mắt. Mà không hề một mảy lấy của ai, chỉ lo cho dân, mau an cư lạc nghiệp. Vậy tới việc, mới chắc người không tham; gặp lửa, mới hay vàng đúng tuổi.

Ông trong lúc đó, bên thì quan trên là người lạ, mà không nghi; bên thì người quen, như thì địch, mà không oán. Ông ở giữa, trên thì dong, dưới thì sông, một chiếc thuyền buồm lái vững vàng, cho tới lúc trời êm biển lặng. Hiền đức thay! Tuấn kiệt thay! Vậy nào cò hồ với người ngàn kinh muôn sách. Nào có thua với kẻ giúp nước cứu dân. Nghĩ cho ông gặp lúc ra đời, dễ dõ mà khó hay. Khi quyền khi biến, phải lựa lọc thể nào, cho dặng vuôn tròn chỗ phận sự; và cho khỏi tiếng nghị luận của đời. Thường người xem hát múa, thấy dễ như chơi, vô sân-khấu mới biết là bợ nợ.

Ông tuy là chưa phải lập dặng kỳ-công đại-nghiệp ⁽⁴⁾ trên đời, mà suy chỗ đức trọn tài lành, thì tưởng, chớ chi kỳ kỳ gặp dặng đường dài, thì càng thấy tài ngàn dặm.

(1) Chiêu yên binh loạn : Chiêu dụ cho dân ở yên, và làm bình yên sự loạn.

(2) Làm phong đối lũy : Lúc áp đánh và bờ lũy gần nhau.

(3) Kịch liệt : Dữ ợn lắm.

(3bis) Cô triều dư đảng : Là binh tướng đảng sót lại của triều cũ.

(4) Kỳ công đại nghiệp : Là công lạ, sự nghiệp lớn.

Ông khi bước ra đường hoạn-lộ ⁽¹⁾, từ hộ-trưởng cho tới đốc phủ-sứ thiết-thọ, mới có bổng 7, 8 chục đồng mỗi tháng. Mà ông không hề xin ơn riêng, cầu lộc hậu ⁽²⁾ gì khác. Đường như chỗ sở-nguyên ra cứn giúp quê-hương mà thôi. Cùng là chỗ kiến thức, thấy đường văn-minh kia rộng lớn; mà có ý ai mộ theo chẳng? Cho nên ông sách ăn ở bất chước theo người Langsa phẩm-hạnh. Và cho con chuyên học theo thái-tây văn-chương. Cho tới bực tài bộ, cho cùng nẻo văn-minh. Ấy có phải là phương-châm đã định trước rồi chẳng?

Có nhiều viên-quan Langsa biết ông là phi thường xuất chúng. Như ông Bayle là đề-đốc thủy-sư (Amiral), bữa nọ có đọc chuyện ông cho ông Rodier là thống-đốc Nam-kỳ nghe. Nói: « ông đốc-phủ Chợ-lớn, là người công lao, dẹp loạn mua yên, và thành tính với nhà-nước Langsa nhiều, và tánh tình phẩm-hạnh người chẳng phải như người thường kia. » Theo lời nói đó, là ông Bayle tưởng ông Rodier mới tới Nam-kỳ chưa rõ biết ông, mà coi ông tầm thường, như các viên-quan annam kia, vì không thiếu chi viên-quan, cũng chức đốc-phủ vậy.

Lại cũng có viên-quan Langsa là ông F.... nói: « ông đốc-phủ Chợ-lớn tư cách phẩm hạnh người như thế; cũng là công-lao khi ban đầu với nhà-nước Langsa, dẹp giặc mau yên, hơn dân ít bị khốn khổ. Mà sao không khác với bực quan-viên trong các sở cai trị và sở ngoại-ngạch vậy. » Ấy đó, đến đôi là người Langsa gần quen với ông, còn thấy ông mà ái trọng, coi qui đường ấy. Vậy thì ông có phải quả là người khác thường chẳng? Thường người phi-thường mới biết bực phi-thường với nhau. Như đây nhắc một đoạn trong « Figaro » 3-10-1916 Et sa très nette attitude valut à son pays une paix immédiate et une prospérité rapide.

Thiết nghĩ, sự ái-quốc là nghĩa chung, tự nhiên ai ai cũng biết. Cho nên phàm các nước văn-minh, hề khi ngoại vũ ⁽³⁾ loạn vào, thì cả nước, dầu có tư thù tư oán, cũng phải để dẹp lại đó, mà chung lòng địch-khái ⁽⁴⁾ với nhau; từ trên

(1) Hoạn lộ : Đường làm quan ;

(2) Lộc hậu : Là bổng lộc nhiều.

(3) Ngoại vũ : Là giặc ở ngoài tới.

(4) Địch-khái : Là lòng hăm hở muốn ra đánh giặc.

tới dưới, sẵn sàng thế lực, thù tư tri mạng, cho dặng giữ gìn bờ cõi của mình. Bằng tới thế lực trên, mà chẳng xong, hết thế trông cậy. Mà dưới còn ra múa tay không, vát cây sứt trận. Chỉ thấy muôn phần không trông một. Thì người tri thức tuần-kiệt, ai dành kiêu hãnh ⁽¹⁾, mà coi mạng người như rác như thế. Cho nên nghĩ về sự thế *ái-quốc chẳng dặng, thì thà ái dân là chỗ nghĩa vụ*, của đồng bang đồng chủng với nhau đó vậy chăng?

Thiết nghĩ: người đời, về sự tới ra làm quan, cũng là sự lui về thôn giả, mỗi người riêng mỗi chí. Cũng như xưa: Thánh hiền cũng có nhiều bậc: Có thánh chí thanh, thánh chí thời. Thánh chí thanh: là bậc thánh hiền, muốn trong sạch phận mình; thấy thiên-hạ nhà-nước lộn xộn, thì kiếm chốn sơn lâm, vẩn vơ mà lánh thân. Dầu vua chúa kêu mời, khanh tướng phong cho, cũng không thềm ngó tới; thị phủ qui công danh nơi đời loạn, cũng như chiếc dép rách vậy. Miễn là mình riêng an phận thì thôi. Chử: Độc thiện kỳ thân ⁽²⁾.

Còn bậc thánh chí thời, là bậc thánh hiền, gặp thời thế nào cũng vậy, đời trị buổi loạn cũng ra. Buổi bậm trần-ai trời kệ, miễn mình đừng cholest thì thôi. Cho dặng làm chỗ chi-hướng của mình: là chỉ cứu dân trong lúc bão bùng. Bằng chẳng, thì đường như chỗ lương-tâm chẳng yên, chẳng đành điềm nhiên ngồi ngó, người trong nước lửa. Nghĩ như ngồi mà chờ, gặp thời cho phải cho thuận, thì mới ra đời. Bằng như thời nghịch thế trái, thì đành ngồi mà ngó, cứt ai nấy chịu sao? Tĩ như, mình gặp thỉnh linh, chỉ dàu mình té xuống giếng, thì phải để chết, mà không cứu sao? Vì sợ nếu nhảy xuống ôm chị lên, thì là thất lễ ⁽³⁾. Là vì sách nói: Nam nữ thọ thọ bất thân, lễ giả ⁽⁴⁾. Ấy vậy thì thà để cho chị dâu chết trời kệ, cho mình khỏi sự thất lễ, là hay sao? Hay là phải thông biến, phải biết cân mạng người với lễ đó; đều nào trọng hơn mà làm. Cứu

(1) Kiêu hãnh: Là sự một may một rủi.

(2) Độc thiện kỳ thân: Là riêng lo cho mình.

(3) Thất lễ: là mất sự lễ nghi, lễ phép.

(4) Nam nữ thọ thọ bất thân, lễ giả: Trai gái, người đưa kẻ lấy vật chi, chẳng dặng gần nhau, là lễ phải vậy

đặng chỉ dẫu sống cho anh mình mừng; và đặng sanh con dẽ cháu nối dòng, mình lại đặng có lòng nhơn. Ví bằng chấp nhứt bất thông, theo câu sách đó, thì dường như vì một sự lẽ nhỏ, mà để hại một mạng lớn vậy chăng? Phàm người có gặp sự biến, lấy lòng thật tình mà làm, thì là phải, là hay; bằng nhơn sự từng sự, mà có lòng gian, thì là quấy là ác. Cũng như người thấy thời thế đảo điên, thật tình ra tay mà cứu vớt, thì là phải là nhơn. Còn như người cũng gặp thời thế vậy, nhơn đó mà mưu danh thủ lợi, thì là quấy là ác, thế thì cũng như ông Y-Giảng, Châu-Công^(c.t.) thật tình mà làm sự phế trưởng lập ấu^(c.t.), mà là trung, còn kẻ khác, làm giả, mượn tiếng phế trưởng lập ấu^(c.t.), mà là loạn-thần, tặc-tử⁽¹⁾, khác biệt bao nhiêu.

Nghĩ như ông, là người có đức tài thiên nhiên⁽²⁾, lại tướng mạo⁽³⁾, không phải là bọc ở dưới người. Giả như gặp đời thái-bình, ra vực nước phò vua, thì phải vào đình thi⁽⁴⁾, thi văn cùng võ. Thì ông, văn chẳng dặng như rồng bay, phụng múa; võ chẳng hay cử thạch⁽⁵⁾, trưng cung. Thì sao cho dặng gần vua, mà ra tại vương tá⁽⁶⁾. Chỉ có nhờ cơ hội, khi nào, vua rui bị mộng trần⁽⁷⁾, chạy giặc; hoặc là khởi binh phục quốc, thì mới dặng đem thân theo từng vong⁽⁸⁾, cùng là đồng cứu vớ chúa. Lặn sông trèo núi, muôn thác một cơn. May mà còn, trong khi phục quốc lại dặng. Thì bất quả như ông Trương-Lương, Hàng-Tĩnh, Phạm-Lãi, Văn-Chủng, Anh-Bổ, Phàn Khoái đó vậy. Ông nào biết giữ mình thì phải lánh trước. Có câu: Công thành thân thoái. Nghĩa là: Đánh nam dẹp bắc, xong rồi, công trận ấy phải đem giao lại cho vua, mình phải kiếm đường mà lánh; vậy mới khen là: Minh triết bảo thân. Nghĩa là: người

(c.t.) Y-Giảng, Châu-công, đã có giải nghĩa phía sau.

(1) Loạn-thần tặc-tử: Tội con làm loạn làm giặc phản nghịch.

(2) Thiên nhiên: Trời phú tánh tự nhiên.

(3) Tướng mạo phi phàm: Tướng mạo khác với người thường.

(4) Đình thi: Thi giữa Triều.

(5) Cử thạch: Bưng đá.

(6) Vương-tá: Làm quán, giúp vua.

(7) Mộng trần: Vua bị giặc đuổi chạy vô rừng bụi.

(8) Từng vong: Theo cùng vua, đi trốn ra ngoại-quốc.

minh triếc biết giữ mình; lại có câu: Oai thế chấn chúa, họa cập kỳ thân, nghĩa là: Oai thế đến vua nghi sợ, thì mình phải bị hại. Ấy có phải là phận sự nô-lệ ⁽¹⁾ còn hơn, đâu có nghĩa quân thần như thế. Lại có câu của ông công-thần bị vua bắt mà than: Địch-quốc phá, công-thần vong. Nghĩa: Đã đánh phá nước Địch-quốc rồi, tôi công-thần lại bị chết. Nghĩ đến sự ấy, thì lấy làm chán ngán cho đứng anh-hùng hào-kiệt xưa nay biết bao? Cũng biết theo thế thường, nhứt tử thọ-hoàng-ân, toàn-gia thực-thiên lộc ⁽²⁾. Đời thái bình, nước trị vua minh, đại mạng vinh vang, lộc trời no ấm, thì ai chẳng ham. Song cũng phải nghĩ nhớ câu than: Đặng chim bẽ nà, đặng cá quên nôm đó. Phải dăng giết mình cho đám anh-hùng hào-kiệt, nơi đường khừ tỵ ⁽³⁾ tới lui chẳng? Phải trung quân, phải ái-quốc, hay là phải ái đồng-bang; thời thế nào phải, thì phải theo thời thế nấy. Vậy mới gọi: Thức thời thế giả, vi tuần-kiệt ⁽⁴⁾.

Thiết nghĩ, xưa nay, ai chẳng lấy sự tôn quân ⁽⁵⁾ là đại-nghĩa ⁽⁶⁾. Nhưng mà cũng phải lấy chỗ nước, dân làm gốc. Có câu: quốc dĩ dân vi bản ⁽⁷⁾. Cho nên, đến như vua Trụ, mà còn bị tội hại dân. Có câu: Trụ như phu Trụ ^(c.1). Như câu: Quân quân, thần thần ⁽⁸⁾. Và quân thị thần, như thảo giải, tấ thần thị quân như khẩu thù ⁽⁹⁾ v.v. Ấy đó, quân thần xưa nay là nghĩa trọng, mà cuộc biến đến ra như thế. Cho nên, về sự tế thế an bang ⁽¹⁰⁾ là công lớn, mà tàng dân hại vật, là cũng tội nặng chẳng? Như vua Trụ vậy. Như

(1) Nô lệ: Tội tớ.

(2) Nhứt tử thọ hoàng ân, toàn gia thực thiên lộc: Một con chịu ơn vua làm quan; cả nhà nhờ bổng lộc

(3) Khừ tỵ: Lui tới.

(4) Thức thời thế giả, vi tuần-kiệt: Người tuần-kiệt hay biết thời thế. Hay biết thời thế mà tới lui thì thối: mới là người.

(5) Tôn quân: Tôn kính thờ vua.

(6) Đại nghĩa: Nghĩa lớn.

(7) Quốc dĩ dân vi bản: Nhà-nước lấy dân làm gốc.

(8) Quân quân, thần thần: Vua phải đạo vua, thì tôi phải đạo tôi.

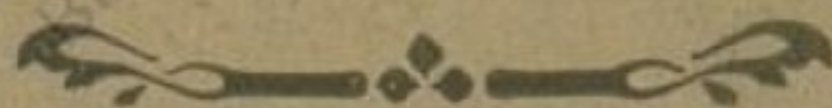
(9) Quân thị thần như thảo giải, thần thị quân như khẩu thù: Vua coi tôi như rơm rát, thì tôi coi vua như kẻ giặc.

(10) Tế thế an bang: Giúp đời, làm yên trong nước.

vậy, thì đoán cho ông. về đạo vua tôi, thì chẳng phải là : Long vân khê hội ⁽¹⁾, cùng là thiên tử vạn chung ^(c.t.) gì đó. Mà ngồi nói sự tôn quân bảo hoàng ⁽²⁾, mà đành để cho người quê-hương, đã bị nước vừa yên, lại bị lửa đốt nhau thêm thảm nữa. Mà chẳng quyền biến, ra tay mượn thế nước nhà; mà dẹp phứt ít người đầu đảng kia. Cho đảng cứu muôn ngàn dân sống. Để miên duệ đến ngày nay, biết boa nhiều kẻ, thì công ấy đáng bao nhiêu cho đời.

Nghĩ coi: như ông Quán-Trọng ^(c.t.), nước Tề, đam thân mà làm tôi người thù, là người giết chúa mình. Nếu như bắt ông về sự ấy; thì làm sao mà khen, về sự lập công để ơn cho đời cho đảng. Vả lại nếu ông chết theo chúa, thì còn dẫu mà lấy tài ra sức, mà tôn nhà Châu, mà bá nước Tề; làm cho thiên-hạ đảng thái-bình đến ngày sau. Cho đến đức Khổng-tử, còn nhắc mà xưng tụng công đức của ông. Phải như người siễn luận ⁽³⁾, thì cứ chê ông Quán-Trọng là người bất trung. Đã không hay báo thù cho chúa; mà còn trở lại làm tôi cho người thù ấy.

Có câu: Luận người phải biết thế thời;
Thời nào việc nấy, miễn người lòng nhơn.



(1) Long vân khê hội: Rồng mây gặp nhau. Tỉ vua tôi gặp tốt với nhau.

(2) Bảo hoàng: Bình vực nhà vua.

(3) Siễn luận: Là sự nghị luận cặn.

KIỆT LUẬN

Trong lúc nhà-nước Langsa mới tới Nam-kỳ, thì con nhà lương-gia ⁽¹⁾ giàu có; không ai dám ra làm tội nhà-nước. Vì sợ việc này điều kia; coi lại thì dường như có một ông là con nhà lương-gia, người học nho và nhỏ tuổi; dạn dĩ ra mà làm quan cho nhà-nước. Dường như ở giữa đều hĩa, cho bớt sự thương tâng với nhau; và choặng mau yên hưởng sự thối-bình trong xứ sở vậy chăng? Còn phần nhiều người khác, thì không phải vậy, ra làm tội nhà-nước. Hễ khi đặng sai ra dẹp giặc, thì cứ một việc bắt giết giặc cho nhiều, là sự lập công đặc thưởng. Vả chăng trong lúc lộn xộn đó, thì kẻ thật cố tâm theo mà làm giặc có, mà người lương-dân bị giặc ép theo cũng có. Mà hễ khi bị bắt đem nạp, nói nó là quân giặc, nhà-nước hiểu sao đặng, thì cứ gia tội hành hình mà thôi. Ấy là sự tự nhiên, thật là nhà-nước không muốn hại người, mà sự thế phải làm như vậy. Chớ nào có tưởng như nước thù-dịch kia, mà cố tình tàn hại. Vả lại nhà-nước chủ ý muốn, yên nước trị dân cho mau; thì phải kiếm thế trừ giặc cho kịp: thì người sai đi đặng thừa cơ-hội, thì càng ham kiếm giết giặc, mà nạp giặc cho nhiều; cho đặng càng mau lên chức thưởng công. Khi ấy cũng dường như cuộc khiến may cho đời chăng? Khiến cho ông, người có lương-tâm học thức, ra đời trong lúc ấy. Phải chi ông đã đi về tỉnh Quảng-Nam rồi, thì có dầu mà ra, mà giúp nước đỡ dân; trong khi đá ngọc đều tang, oan ưng cũng bị. Ấy có phải là: dường như lòng trời khiến sự may mắn, phước hạnh cho dân ta, về sự sống mạng; và cho nhà-nước về sự nhơn-tâm chăng?

Thăm nghĩ trong lúc, dám xướng nghĩa, thì muốn bắt, dụ người cho đồng bình linh; còn dám quan sai, thì muốn mau đặng thưởng tước quyền; thì thành ra cuộc thù oán giây dưa; mà đồ máu với nhau càng nhiều nữa. Nghĩ thân mạng người qui bầu thế nào; mà làm ra cuộc tan tành như thảo giải. Biết số dân bị hại, dầu chăng tới ngàn muôn.

(1) Lương-gia : Là nhà hiền lương tử tế.

Nhưng mà Nam-kỳ tã, xứ nhỏ dân thưa. Giả như bót một hột lúa trong bồ, thì chẳng thấy kém chi; mà một hột lấy trong tô, thì lấy làm khá tiết. Còn tiết nữa: là tiết: Việc làm ra tuồng chơi, mà chết thì mạng thiệt. Tưởng lúc đó, không có ông ra đời, thì giặc ấy lâu mau cũng phải tiêu. Nhưng mà chắc cũng phải máu đổ nhiều mới dặng. Ông khi ấy, lấy tri độ mà dẹp yên cho mau; và chỉ chỗ lợi, hại khuyến dụ cho bót. Vì ông, lòng sẵn có nhơn, tri biết thời thế, thì tự nhiên phải muốn thiên-hạ, dặng thuận hòa cho mau, mà chung hưởng thái-bình với nhau, trong xứ sở. Cho nên dám tưởng chắc, phạm người ra lãnh vai tuồng này, thì tài có, đức đủ thế nào, thì mới hoàng toàn tận thiên dặng.

Thiệt nghĩ, phạm việc đời: Cũng là một việc giống nhau: Mà người làm, thì có phải quấy khác nhau. Là tại nơi người làm thật tình cũng là giả ý. Đây chỉ ra việc này thì rõ: Thuở xưa, có 2 ông là bực đại hiền, khanh tướng. Là ông Y-Giảng và ông Châu-Công. Đời nhà Châu và nhà Đường, 2 ông ấy, gặp cuộc biến: là từ-quân ⁽¹⁾ trưởng-tử hôn ngu, bất nhơn thái quá. Nên hai ông ấy mới phải từng quyền mà bỏ vua lớn mà lập vua nhỏ. Chử: Phế trưởng lập ấu ⁽²⁾ theo lệ thường phép nước, thì cứ phải tôn trưởng-nam làm từ-quân, nối dòng vua mới phải. 2 ông ấy, là bực quyền thần tể tướng, và phân sự, chịu ký tử thất cô ⁽³⁾. Nếu để vua hôn bao vậy, lên làm vua, thì e thiên-hạ loạn mà tới mất nước nhà. Cho nên phải lấy sự nước nhà làm trọng, mà phải bỏ phế trưởng-quân, mà lập ấu-chúa. Rồi mình phải ra thân mà phò tá ấu-quân, quyền nhiếp ngôi trời, mà cai trị thiên-hạ. Lo lẫn đêm ngày: cho đến ăn không dặng no, ngủ không yên giấc. Điều lý việc nước nhà, dạy dỗ vua còn nhỏ. Làm vậy, cho đến, khi vua khôn lớn, nên đức nên tài. Thì mới giao quyền thiên-hạ quốc gia lại cho vua, mà mình coi phụ tá.

Đời sau, cũng có kẻ gian nịnh, quyền thần; cũng bắt chước giả tiếng phế trưởng lập ấu. Mà kỳ thật là: thấy nhà vua si nhược, sanh dạ sáng thi ⁽⁴⁾ ý quyền thế hiếp vua. Bầy nói

(1) Từ quân: Vua nối ngôi.

(2) Phế trưởng lập ấu: Bỏ vua lớn lập vua nhỏ.

(3) Ký tử thất cô: Khi vua bằng, gửi con côi lại cho Đại-thần.

(4) Sáng thi: giết nước giết vua.

vua là hôn bạo, bất nhơn. Tinh phước bỏ mà lập vua nhỏ lên, đặng mình có ôm gồm quyền binh. Rồi lại bỏ ngay vua ấu-quân, cho đặng cướp ngôi thiên-tử. Cho nên thánh xưa nói: Hữu Y-Giảng, Châu-Công chi chi, hành Y, Châu chi sự, trung giả. Vô Y-Giảng, Châu-Công chi chi, hành Y, Châu chi sự, sáng giả ⁽¹⁾. Lại cũng thì ra làm tời một nhà-nước kia, cũng một thời-thế như vậy. Mà hễ người cậy thời-thế mà làm nhơn cho đời thì phải, mà kẻ nhơn thời-thế mà làm ác với dân, thì là quấy. Vậy phạm sự nghị luận phải coi chỗ người làm, thế nào, chớ không phải lấy chỗ sự thế cũng như nhau mà đoán. Vì có khi sự thế biến, mà người làm phải cũng có. Chớ như cứ theo một lẽ thường, chấp kinh mà nghị luận việc người, thì cũng như kẻ khảy đòn, lên dây rồi, cứ bực-đó, gấn keo chặc, mà khảy hoại vậy. Chữ: Giao trụ cổ sắc ⁽²⁾.

Theo chỗ dư-luận luận-lý, thì hay chấp kinh, nề cổ ^(c.t.). Cứ thấy người, khoa trường may gặp vận, ra làm tời với Bồn-Triều ⁽³⁾. Lòn cúi làm thói xảo quan; dựa mị theo ý người trên, coi bộ trung quân hiền thần hết bực. Đến khi ra trị dân nơi ngoài châu quận, thì ép dầu ráng mỡ. Lại lúc ra ngăn giặc, nơi chốn biên-thủy, thì vô gấn teo ruột. Tuy vậy, mà miên là người gặp bồn-triều cổ-chứa, ra làm tời thuận cảnh, thì là trung thần phải đạo. Không còn chi là phải hơn nữa. Cũng như dòng họ Trịnh, quyền thần của nước Nam, Triều Lê đó. Đương lúc, cũng là trung-thần, lũng-thần, nên lên tời bực khanh tướng trong Triều. Còn về sự nghinh ngang lộng quyền ⁽⁴⁾, hiếp vua hại dân. Ấy là đời sau ghét mà chê nói vậy. Thiết nghĩ, trên đời: Trên là vua, dưới là dân thiên-hạ. Mà vua là tư, còn thiên-hạ là công. Cho nên, cuộc đến quyền biến, tời có vua mà phải bị hại. Như vua Trụ, mà có lúc nào, lý nào, mà ca thiên-hạ phải bị giết hết dàu. Có câu: Quốc dĩ

(1) Hữu Y-Giảng, Châu-Công chi chi hành Y, Châu chi sự trung giả. Vô Y-Giảng, Châu-Công chi chi, hành Y, Châu chi sự sáng giả. Có chi ông Y-Giảng, Châu-Công làm việc như 2 ông ấy là trung. Không có chi như 2 ông đó, mà làm việc như 2 ông đó, là sáng nước vậy.

(2) Giao trụ cổ sắc: Lấy keo gấn đòn mà khảy.

(c.t.) Có cắt nghĩa phía trước.

(3) Bồn-triều: Triều-dinh của nước mình.

(4) Lộng quyền: Lấy quyền làm lộng, không kể phép.

dân vi bồn ⁽¹⁾; nào thấy dĩ quân vi bồn bao giờ. Mà theo sự đời lẽ thường, coi một người, ra đời cứu dân, cho tới mấy muôn ngàn mạng sống; cũng dường như, không bằng người trung với một ông vua, thì là danh giá nhứt, phải đạo, phải nghĩa hơn hết. Vì là đời nghĩ: dân ngu như gỗ-tròn, như đất-cục, như dây-tờ; có chi là phải quấy, danh giá nơi chỗ đó. Nghĩ đáng khen cho các nước văn-minh kia, lấy dân làm gốc: nên hay trọng dụng người chần dân, biết làm vui phục lòng dân; mà hay nghiêm phòng ⁽²⁾ người làm mich lòng dân. Vì là về sự thất nhơn-tâm, nhiều khi sanh ra việc lớn. Cũng như một tàng thuốc, một cây diêm mà sanh ra một đám lửa to. Làm cho nhà-nước phải hao binh tổn tướng mới bình yên dặng. Như thế, thì người ra đời, dầu gặp thời-thế thuận, nghịch thế gì, mà hay làm dặng sự cứu dân giúp đời, thì là nghĩa-vụ trong đám nhơn-quần vậy chăng?

Trải xem mấy bài văn-tế, tổng chung quan Tổng-dốc Đỗ-Hữu Đại-nhơn, của các đại-thần langsa, thay mặt cho nhà-nước và viên-quan, kể rõ chỗ binh-sanh thành tín, cùng là sự nghiệp đức tánh của ông, đều công nhận đoán cho ông, là đáng một vị công-thần hiển-tể của nhà-nước.

Theo các bài văn-tế nói đây, về lời của các đại-thần, xưng tụng binh sanh đức nghiệp của ông, như vậy; thì dường như: Triều-Đình, thì tới bực phụ-tể đại-thần; còn nhà-nước. Chánh-chung, thì tới bực Thống-dốc Đại-thần mới đáng.

Nghĩ như ông, tuy chưa phải là tới bực khai-quốc công-thần ⁽³⁾, và bình loạn danh-thần ⁽⁴⁾. Lẽ tại chỗ thời thế sự nghiệp với các danh-thần kia khác nhau, mà tưởng tới bực hiển đức, tể thế an bang ⁽⁵⁾, thì cũng thế. Thấy trong mấy bài văn-tế, xưng tụng đức nghiệp của ông, thật là quả vậy; không chút chi khen dồi lạng quá. Thường lẽ: phàm văn-tế, thì hay nêu bia chỗ tốt và quá khen người tử giả ⁽⁶⁾.

(1) Quốc dĩ dân vi bồn: Nước lấy dân làm gốc.

(2) Nghiêm phòng: Phòng cấm nhắc.

(3) Khai quốc công-thần: Quan công-thần mở lập nước nhà bang đầu.

(4) Bình loạn danh-thần: Quan làm bình yên sự loạn có tiếng.

(5) Tể thế an bang: giúp đời an nước.

(6) Tử-giả: Là người chết.

Phàm người nhơn tài trong trời đất, gặp dặng thời thế giao dục nhiều, thì phải hay nhiều giỏi nhiều. Còn đến như chỗ tài đức thiên nhiên ⁽¹⁾ trời phú tánh, thì dầu nước nào dân nào, thì cũng ít.

Nghĩ đến bậc nhơn tài như các đại-thần Langsa, mà nhưt là ông Van Vollenhoven, quyền Tổng-thống Đông-Pháp, là bậc tài đức xuất chúng, mà còn khâm phục ông, nơi chỗ hiền đức; xưng tụng và ái mộ vô cùng. Thật là nhơn tài mới biết nhơn tài với nhau.

Trộm nghĩ, vạn quốc trong hoàn-cầu, nước nào cũng lấy văn học mà chọn lấy nhơn tài. Ấy là sự phải, sự trúng lý. nên cả vạn quốc, gần đều một ý một phép giống như nhau vậy. Nhưng mà dường như có chỗ còn chưa dặng tận thiện ⁽²⁾ chẳng? Là vì có kẻ tài văn học hay, thì đồ trang-nguyên, thám-hoa, tấn-sĩ v. v., thì nhà-nước phải bỏ quan cho chức. Tới khi ra hành chánh, tấu đối với vua, văn hay nói khéo; thì phải đặc lũng ⁽³⁾ mà mau lên chức phẩm. Rồi lần cho tới chức cao tước trọng. Mà tánh tình thì là gian ác, bất nhơn với dân, bất trung với chúa. Gặp đời đương thanh trị, thì gói ghém tánh xấu nơi trong, mà môi miệng tiếng tốt bề ngoài, mấy ai biết dặng. Đến gặp hồi nước nhà điên đảo, thì trở nghề sáng thi ^(4 tr.) tính sự bất trung. Sự ấy xưa nay thường có, triều nào mà không.

Còn như người đức tánh hiền-nhơn, quân-tử, có lòng nhơn với dân, dạ trung với chúa thế nào. Mà văn học không gặp thời, khoa trường không có thế, thì phải lục lục như thường dân kia vậy. Dầu may gặp lúc ra đời, thì cũng phải theo phép nước lệ thường, làm đến bậc quan trung phẩm ⁽⁴⁾ là hết sức. Ấy vậy dầu người có dặng đức tánh thiên nhiên ⁽⁵⁾, một nước có một người, mấy mươi năm mới sanh một, đi nữa; thì cũng chẳng bằng đám, có may dặng sự văn học kia. Như thế, thì có phải là tài thiên nhiên chẳng bằng tài nhơn tạo ⁽⁶⁾ vậy chẳng?

(1) Thiên nhiên: Là trình cho tánh, tài đức tự nhiên.

(2) Tận thiện: Trọn lành.

(3) Đặc lũng: Dặng vua yêu thương.

(4) Trung phẩm: Bậc phẩm bậc-trung.

(5) Thiên nhiên: Trời sanh tự nhiên.

(6) Nhơn tạo: Sức người làm ra.

BÀI VĂN TẾ (DISCOURS)

của quan Đốc-ly thành-phố kiêm Chánh bổ chủ tỉnh Cholon.

KÍNH QUAN TỔNG-THỐNG TOÀN-QUYÊN,

KÍNH QUAN THỐNG-ĐỐC NAM-KỲ,

Các Ông,

Nhơn chức Đốc-ly Thành-phố, ngày nay thật rất vinh cho tôi, đặng xưng tụng công nghiệp cao dày của quan Tổng-Đốc, Đồ-Hữu Đại-nhơn mới tiên du.

Hưởng thọ 76 tuổi, quan Tổng-Đốc Đồ-Hữu Đại-nhơn sanh trưởng tại Chợ-đũi, trong tháng Juin 1841. Lành tôn-nghiêm xưa từng chánh triều, và Linh-từ vốn là người quan Quảng-nam theo cha làm quan vào Nam-kỳ thuở làm Tri-phủ, sau lần lên đến chức Đường-quan.

Thuở đương thanh niên, mới vừa 20 tuổi, khi đồn Chi-hòa thất thủ rồi thì quan Tổng-Đốc mới kết giao với ông Francis-Garnier, khi ấy làm giám-đốc Cholon. Ngày 1^{er} Octobre 1805, Ngài ra làm hộ-trưởng quận thứ nhứt. Và từ ấy Ngài hết lòng cần mẫn mà trợ giúp nhà-nước Langsa.

Bởi vậy ghe phen Ngài giúp sức với quan binh, lập nên công cả. Nhứt là tại chợ Bà-diêm năm 1866 dẹp yên đảng giặc Hai Quyên và tại Bentre năm 1867 đánh giặc con ông Phan. Vì đó, thăng chức làm Tri-huyện hàm.

Qua năm 1868, cò đặc lệnh hiệp với quan hai binh ông Jaradel dẹp đám giặc Rạch-giá. Nhờ công trận ấy nhà-nước phong thưởng Ngài một tẩm Nhị-hạng Khuê-bái.

Kế đó Ngài dời qua tỉnh Vĩnh-long lần lên chức Tri-phủ hàm (4 Aout 1869) và Đốc-phủ-sứ hàm (năm 1876).

Lúc này, dòng chinh tây phạt yên rồi, cho nên Ngài thăng chức Đốc-phủ-sứ thiết thọ (1^{er} Juin 1871) từng chánh tại tòa-bổ Cholon, hầu lo sắp đặt việc cai-trị trong bốn xứ. Đây xin lược nhắc lời phê trong bằng-cấp Đốc-phủ-sứ như vậy :

« Xét vì phải giao cho quan Giám-đốc hạt Cholon một quan viên siêng năng trí huệ, xét vì công nghiệp quan Đốc-phủ-sứ, Đồ-Hữu, đáng trọng dụng yếu vi. »

Mà yếu vi trọng dụng, há chẳng đáng sao?

Vả lại cả 28 năm trường, Ngài cứ giữ một niềm thanh cần mẫn đạt mà giúp nước trị dân, không lòng xao lãng, phần nhiều công tạo-lạc trong tỉnh, đều phú cho Ngài lo điều đình quản xuất. Nhứt là công đào kinh Nước-mặng. Lại cũng nhờ Ngài tảo thanh đám phá loạn thủ-khoa Huân, (năm 1875).

Ngài đăng thưởng Ngũ-dẳng Bửu-tinh ngày 31-3-1873. Ngài nhập tịch đứng đầu sổ vào dân Langsa nhằm năm 1881. Qua 13 Juin 1884 Ngài thưởng thọ Tứ-dẳng Bửu-tinh. Rồi kể 1^{er} Janvier 1891 Đại-Pháp thưởng Ngài Tam-dẳng Bửu-tinh.

Đến ngày 8-10-1897, Ngài xin tri-sĩ dưỡng nhàn, thì nhà-nước tặng phong Ngài chức Tổng-Đốc hàm. Rồi kể hồi hưu nhằm 12 Février 1899.

Năm 1900 nhà-nước cử dụng Ngài làm hội-đồng thượng-nghị. Cho nên trong tháng Octobre 1911, nhà-nước có xin bên Đại-Pháp triều-dinh vinh phong cho Ngài lên Nhị-dẳng Bửu-tinh. Nhưng mà hỡi ôi! Đến ngày 3 Avril 1914 Ngài vội về tiên-cảnh mà chưa kịp thấy phần thưởng vinh diệu ấy.

Đó là đường quan-lộ của một vị Đại-quan trung-thần nghĩa-sĩ của nhà-nước Langsa, mà nay đã mất rồi.

Ai quen biết Ngài thấy đều yêu và kính mến. Ấy vậy quan Tổng-Đốc Đỗ-Hữu Đại-nhơn, thật đáng người hiền-nhơn quân-tử, gìn một lòng phò tá nước Langsa. Vì biết rõ người Annam sẽ đáng nhờ, thật cái văn-minh của Chánh-quốc Tây. Ngài giữ vẹn niềm trung nghĩa với Chánh-quốc, cho đến đời lo nuôi dạy chữ linh-lang của Ngài thuở còn xuân-niên, thì đã hiểu biết và mến yêu Pháp-quốc.

Trong các linh-lang đương thời, có hai vị làm quan văn, giúp nhà-nước thuộc-địa Nam-kỳ. Còn hai vị nữa ở bên Đại-Pháp làm quan võ cũng có danh trong hàng danh-tướng. Linh nghĩa-tế của Ngài là Tổng-dốc Hoàng-trọng-Phu, tại tỉnh Hà-dông, cũng là một tôi hữu công với Bắc-kỳ Chánh-phủ.

Khi gần lâm chung quan Tổng-Đốc Đỗ-dại-thần có với tôi và gượng hết sức mà nói cậy tôi bảo họ thê-nhi. Ấy vậy, há chẳng phải là tuy rớt việc mà Ngài cũng còn vọng tưởng Đại-Pháp Mầu-quốc là nước Ngài đã hết lòng phò tá trót 55 năm vậy sao?

Chư công nhơn danh chư vị Giám-đốc và Chánh-bổ quan tiến văn; nhơn danh các đưng có công quảng khai thuộc-địa Nam-kỳ và về phần riêng của tôi, tôi xin bái biệt quan Tổng-Đốc Đồ-Hữu Đại-thần.

Và xin lĩnh Qui-quyển ai bi, và nhị lĩnh-lang còn mắc quan-ưu bên Đại-Pháp, nhận lấy lòng ai truất kính thành của tôi.

Nguyên Bài văn-tế (Discours) này bằng chữ Langsa mà Nhứt-bảo tinh dịch ra chữ quốc-ngữ.
Tôi chép y theo.

BÀI VĂN TẾ (DISCOURS)

*Của ông Paris, là quan thân-sĩ, đọc nơi phần mộ
Quan Tổng-Đốc, Đồ-Hữu-Phương.*

KÍNH QUAN TỔNG-THỐNG TOÀN-QUYỀN,
KÍNH QUAN THỐNG-ĐỐC NAM-KỲ,

Các ông,

Vì tình riêng và cũng vì phận-sự, tôi xin phân tỏ đôi lời:

Nhơn danh người Langsa Nam-Kỳ, mà tôi lãnh trọng quyền thay mặc bên Đại-Pháp triều, tôi tới đây mà làm lễ vĩnh biệt quan Tổng-Đốc Đồ-Hữu Đại-nhơn là bạn hữu chi thiết của Đại-Pháp.

Văn quan Tổng-Đốc, Đồ-Hữu Đại-nhơn, thuộc dân tộc Annam, đã sớm hiểu rằng người Langsa, chẳng phải có ý đến đây mà chiếm đoạt đất người. Song mà chủ ý hóa dân văn-minh tấn bộ mà thôi. Nên người hết lòng phụ tá với ta; và phân giải cho đồng bang hiểu cách tự-do ta đã đem sang từ này. Văn nước Langsa hay nhận những người theo đảng văn-minh như con đẻ, nên cho Ngai nhập tịch Langsa.

Thật Ngai hằng có dạ trung thành cùng Mẫu-quốc. Những đưng lãnh phần chần dân, đem cuộc thái-bình mà thanh trị xứ này, đều dặng nhờ Ngai hết lòng mà giúp.

Vì vậy, Mẫu-quốc hay xét công, nên vinh phong cho Ngài, cực khâm đại-thần và trọng thưởng Tam-đẳng Bội-tinh.

Ở chư-công Langsa ở Đông-Dương, nay quan Tổng-Đốc đã tạ thế, thì xin Chư-Công hết lòng mà thay thế cho Ngài mà nói thêm cái việc phổ thế đã khởi doan cho mau tấn bộ.

Vả lại Ngài, chẳng phải một mình vì nước quên nhà mà thôi, Ngài lại đam cả qui quyền ra làm tôi nhà-nước nữa.

Tuy là trong chư-linh-lang, linh-ái có nhiều vị đã quá vắn rồi, song nhà họ Đỗ-Hữu, hằng ở bậc thượng đẳng Langsa luôn.

Có một vị đương làm chức Quan-năm, đương hoạn-lộ rất vinh. Còn một vị đương làm Quan-hai phi-cơ có danh nơi chiến-tràng nước Ma-rốc. Tại bồn-xứ lại có một vị làm Quan án, và một vị làm Quan kho-bạc.

Nay, Ngài đã du tiên rồi, xin Chư-công là dân Langsa ở Đông-Dương râng lãnh phần trách nhậm thế cho Ngài, và hết lòng vì Pháp-quốc cho rõ tiếng nam-nhi, cho vui linh-hồn Ngài.

Ở quan Tổng-Đốc Đại-nhơn ới, nhưn danh Đại-Pháp quốc là quê-hương của Ngài, nhưn danh thân-sĩ thay mặt cho dân Langsa và Nam-Kỳ thuộc-địa, tôi xin tống biệt Ngài là một vị công-thần trọn lành bồn-phận, toàn hảo công danh.

Nay các quan tề tựu rất đông, đưa Ngài tới mộ-phần. Vậy tôi cầu xin cho xứ này được người bớt lòng bị lụy của linh Phu-nhơn, cùng qui-quyển.

BÀI VĂN TẾ

Của quan Tổng-Thống Toàn-Quyển.

Chư công,

Rất buồn vì phận sự tôi, lấy tên cõi Đông-Dương, lấy tên quan Chủ-soái, Chánh Tổng-Thống là Sarraut, đến đây mà thi lễ trước vong linh quan Đại-thần, Tổng-Đốc hàm, hội-viên thượng-nghị, thưởng thọ Tam-Đẳng bửu-tinh, là tôi trung-thần của Đại-Pháp, là Mẫu-quốc của Ngài.

Thật rất động lòng bí ai, người mới sanh thì đây đã dặng toàn phước, lộc, thọ. Đáng danh tuần-kiệt trong thời đời rất khó mà cũng rất vinh cho bề vững trị dặt an của ta bên xứ. Nay há chẳng phải là một pho Nam-kỳ lược-sử, chung rồi rồi sao ?

Từ quan Tổng-dốc Đô-dại-nhon ra từng chánh nước ta, đến nay cũng vừa dặng nửa đời, thì Saigon vốn mới về tay lân-trào mà thôi. Mà đã thấy trước thành thị nầy ngày sau kinh dinh thì tứ. Trừ ra các tỉnh ngoại châu-thành, còn buội bờ hằm hố, không bề tới lui thông tiện. Lại thêm thời tiết khó chịu, dân cư thưa, thường bị Trào Huế bạc đãi, thì như dân mất nước, phần thì bị cường-sơn cướp-đẳng, vầy dặng hiệp lữ mà khuấy rối trong địa-phương.

Đó là tình tự sự thể đất Nam-kỳ, năm mươi năm trước ! nào dè ngày nay thiên-hạ, trước mắt xem thấy xứ nầy dặng mở mang đẹp dẽ mau lẹ dường ấy dân. Bà tánh khi thấy tánh mạng và gia-tư đều dặng bảo toàn an ổn, thời lo an cư lạc nghiệp; lo khó chi sơn mà làm cho đất địa phì nhiêu dẽ nhứt. Đồng ruộng mình mòng thanh mậu, và các giống trái cây lạ, mới đem vào sanh thêm tài lợi cũng hiệp liên nhau, mà làm hội vũ-sữ xứ ta. Trước hết dặng an nhàn, sau dặng ấm no; rồi sau rồi mới hưởng ba cuộc giàu có. Khắp trời, đều trở nên phiên ba thị tứ, việc buôn bán thanh hành. Đầu đầu đều có lập nhà-học và nhà-thương; đường-sông đường-lộ đều thông thả thuận tiện. Đã khỏi lo sợ và bị tổn kém, bề chờ chiến rất dẽ. Nửa mấy tỉnh hưởng tây còn hoang địa, nay nào công nào của thiếu chi là đất dùng cho người làm.

Ấy đó, chưa đầy 50 năm, mà Đại-Pháp sang mở mang ra dường ấy. Là vì chẳng khác Mẫu-quốc, trong bấy nhiêu công trình, muốn thêm công mà khai rộng Saigon, từ thuở mới chim-cư dặng làm căn bản; rồi lần lần mới rải khắp tứ phương, sự liệt-cường binh pháp và sự lo tổ rạng nhơn tài.

Khi bình phục Nam-kỳ, chưa đầy 20 năm, thì cờ tam-sắc của ta phát tự Cao-mên, Trung-kỳ, Bắc-kỳ và Ai-lao rồi. Bởi ấy; nên nay Đông-Dương qui nhứt thống chỉ trước nhà thuộc-địa Nam-kỳ đứng đầu công, không kể của và tiết thân vậy.

Tôi chẳng biết lấy chi tôn trọng Vong-Linh quan Tổng-Đốc, hơn là sánh thuở Ngài còn sanh tiền với cuộc tan-thương xứ này là xứ Ngài khôn cùng thương mến. Lúc thuở xuân xanh quan lớn Đồ-Hữu, đã hiểu công cao nghĩa cả của Đại-Pháp bên đất Nam-trung này. Đến khi gia yếu đáng kính phục rồi, Ngài dâng phước hơn chúng, thấy hiệp cái điều của Ngài sở vọng. Nay đã thành tựu mà nhắm lại với đường tấn bộ phi thường nhờ cuộc nhà-nước trong một cõi.

Chư-công xứ Nam-kỳ, nay Chư-công tới đây mà bài biệt Vong-Linh quan Tổng-Đốc hết bực công-thần, vậy Chư-công về hãy không ngại với người nhà, về cuộc đời của Ngài rất vinh diệu như thế vì thật là vô song, đáng làm gương tốt cho thiên hạ nơi khác vậy.

Chư-công hãy đồng tâm xúm xích dưới cờ Đại-Pháp, cùng là cờ của Chư-công vậy. Hãy giữ một lòng trung nghĩa luôn. Chư-công choán biết xứ này, xưa làm sao, nay ra thế nào, và ngày sau ra thế nào nữa. Vì Chư-công hiểu rõ ràng công trình bữa qua là điểm lảnh cho ngày mai đó. Chúng ta cùng nhau hiệp lực mà chung lo việc nước, cho tận trung cho mau lệ thì ta là Langsa Đại-Pháp, còn Chư-công là Langsa Đông-Dương, hãy quyết một lòng mà bảo hộ cho quê-hương lớn cách xa, và quê-hương nhỏ tại đông.

Đất nước nhờ tài lực Langsa phụ giúp, nhờ thái bình Langsa mở mang, nhờ tài trí Langsa khai rộng nẻo văn-minh, thì thật là đất Langsa đời đời chẳng hề lìa Mẫu-quốc vậy.

Nhờ nước Chánh-chung cứ y theo chuẩn thẳng qui cũ, hằng năm giữ một lòng minh chánh, thẳng bình, hòa thuận và anh em luôn, lại cũng hiệp với oai quyền cao cả và lòng ái-chúng khoan nhơn của quan Toàn-quyền Sarraut nữa, quê-hương gọi đến chư-công, tôi biết chư-công sẽ hết lòng lảnh mạng và hết dạ cần cù, và ngay thật mà phụ tá, ta sao thì chư-công vậy.

Cuộc đời quan Tổng-Đốc Đồ-Hữu đại-thần, đã làm cho tỏ rạng niềm tương thân tương ái. Tây Nam chung trị trong xứ này, thì chẳng có thể nào hơn nữa đáng. Bởi vì cách ấy

thuận theo qui củ nền xưa, là thói tình của Đại-Pháp trái sang thuộc-địa. Tứ vị lĩnh-lang và lĩnh-tế của Ngài sẽ kể chi cao minh như Ngài.

Thiên-hạ nhưn cuộc trọng tan này, đến đông như hội. Các quan-lớn cũng tề tựu đông đủ. Ấy là dấu tỏ cho Lĩnh Qui-quyển biết rằng cả Đông-Dương cũng đều chịu tan và tiết thương cả.

Từ đây Đông-Dương đã mất rồi-quan Tổng-Đốc Đồ-Hữu Đại-nhơn là một đứng trung-thần, đáng tôn trọng.

Nguyên các bài-văn này nguyên bằng chữ Langsa,
mà Nhựt-báo dịch ra bằng chữ quốc-âm.
Đây chép y theo.



BÀI THI TRÍ-SĨ CỦA ÔNG ĐỒ-HỮU ĐẠI-NHƠN

Gởi lời nhắn với bạn đồng-song;
Cải nợ nam-nhi, trả đã xong.

Bốn mươi năm lẽ, quyền dân xả;
Sáu tỉnh anh em, biết đục trông.

Hay dở mặc người trên lỗ miệng;
Phải chăng có kẻ biết cho lòng.

Nước non hai ngã, dầu lui tới;
Thong thả vui chơi, bước ngoại vòng.

Cập đôi-văn của Đức Thành-Thái (Vua Annam) điều
linh quan Tổng-Đốc Đại-nhơn.

(1) Thanh phong tự tịch, truyền Ta-Điện,

(2) Huỳnh phát vu kiêm, hữu kỹ-nhơn.



(1) Tiếng tốt trong sạch, như gió trong; đã bấy lâu từ ngoài quận
truyền tụng thấu đến trong Triều.

(2) Nhưng người lớn tuổi, mái tóc đã trắng vàng, mà dặt như
ông vậy, thì lúc bây giờ có mấy người.

PHỤNG HOA BÀI THI TRÍ-SĨ
CỦA ÔNG ĐỒ-HỮU ĐẠI-NHƠN

Gió thu đầy tuổi, nguyệt đầy sông;
Cải phận tan-bồng, tính đã xong.
Độ lượng mình mang, sông biển rộng;
Thanh liêm rỗng rặt, tuyết trắng trong.
Bốn châu phong cảnh, từng đôi mắt;
Khắp xứ giao du, mến tấm lòng.
Tuần-kiệt biết thời, thời thế đã;
Thân danh vẹn vẽ, lúc ra vòng.

CA TRÙ PHÚ TẮC KHEN ÔNG ĐỒ-HỮU ĐẠI-NHƠN

Đồ-hữu-Phương thật là tran tuần-kiệt;
Biết thế thời, dạ quyết cứu dân.
Chỉ nam-nhi, náo nải cuộc phong-trần;
Cứ đường phải, nẩy thân cho Tạo-vật.
Cổ câu:

Duy nghĩa, trượng-phu vô dắc thất;
Tri cơ, quan-tư, định hàng tàng.
Lòng ái dân, cùng ái quốc đôi dàng;
Đam bần tác, chung an bề lạc nghiệp.
Cuộc thích chí, mấy ai so sánh kiếp;
Cả hoàn-cầu, du lịch khắp bốn châu.
Tiêu điều khoái lạc vô cầu.

Cholon, TRƯƠNG-HOÀNG-PHẬT chiếc đề.



PHỤ NHẮC SỰ TÍCH CỦA ÔNG ĐỒ-HỮU-VI

Đồ-hữu-Vi, là quan ba máy bay Đại-pháp (Capitaine aviateur)

THƯỜNG-THỌ-NGŨ-ĐẲNG-BỮU-TINH VÀ QUÂN-CÔNG-THƯỜNG-BÀI
(CHEVALIER DE LA LÉGIÓN D'HONNEUR ET CROIX DE GUERRE).

Ông, nguyên là con thứ mười-một của ông Tổng-Đốc Đồ-hữu-Phương ở Cholon. Ông sanh trưởng tại Cholon. Thuở vừa chín tuổi, qua nước Langsa ở học, văn rồi qua võ. Ra trường quan binh Saint-Cyr. Từ quan một tới quan hai. Khi tuổi ngoài 20, có từng chinh, đi đánh giặc Maroc, gần hai năm. Rồi trở về nước Langsa, xin võ cơ binh máy bay. Nghe nói một lớp xin võ cơ máy bay với ông, là gần 30 người. Đặng nên nghề, chỉ còn có ít người với ông mà thôi. Vì khi ban đầu, máy bay còn chưa đặng hoàn toàn tận thuật như bây giờ. Ông lại xin trở qua Maroc, mà đánh giặc nữa. Ông có khi là quan phi-cơ ban đầu đánh giặc Maroc. Tại đó 18 tháng: Lúc bay khấn trận, khi bay bỏ trái phá. Ông có bị té máy bay một lần, và một lần hết dầu essence mà khỏi chết. Giặc vừa yên, trở về nước Langsa. Thừa dịp nghỉ, có đi chơi, tới nước A-lê-măng (Allemagne) và nước Ruc-si (Russie). Rồi trở về nước Langsa. Trong khi ấy có nhiều lần, coi máy bay dạo các tỉnh thành. Mỗi chỗ tới, đều có lễ tiếp trọng thể, rước mừng hậu lắm. Có một lần bay đua vòng khắp nước Langsa. Chẳng bao lâu, đặng chỉ dụ về Nam kỳ. Trước thăm mẹ già, sau thử máy bay trên mặt nước (Avion glisseur) đặng đề dùng đi mấy chỗ nước đổ, như đá hàng phía bên Sông lớn (Mekong). Nấy nghe giặc Đức nổi ra, ông xin trở qua Tây, đặng ra trận. Kể từ khi từng chinh đánh giặc Maroc, cho đến giặc Đức-quốc này, thì chẳng biết mấy nhiều lần gian hiểm, muốn thác một cơn. Rồi lại ruỗi bị gió lớn, té máy bay, bị bể hàm dưới. Khi ấy, vừa mới đặng lành, lại xin qua coi binh bộ. Cách ít ngày sau, đặng binh hãm đồn Đức tặc. Mình đi trước mà đốc binh, bị đạn mấy viên, liền thác nơi trận thượng ⁽¹⁾. Đây lược ít đều, còn trong khi chinh chiến, biết mấy nhiều lần cạn đờm, thì tử như qui ⁽²⁾.

(1) Trận thượng: Nơi chỗ đánh giặc.

(2) Thị tử như qui: Coi chết như đường đi về.

Theo lời ông nói đây, thì hiều, chi ông, nói: «Nhà-nước nuôi quan-võ; dặng dưng khi có giặc. Nay nhà-nước có giặc, mình ở nhà bú mẹ sao?» (Lời này tôi nghe ông nói, khi còn ở nhà tại Cholon). Lại khi ông đã té máy bay bẻ hàm, bạn-hữu ông, khuyên ông xin nghỉ, cũng dặng sự vinh diệu đủ rồi. Ông trả lời dọng nói dớt và hơi như con nít vậy: «không... không... tôi không dặng vậy... tôi không có phép vậy... Tôi là người Langsa và là người Annam.... tôi phải hai lần hơn ông mới phải...» (Lời trả lời trên đây, là của ông quan-võ, tên là Marcel Nadaud đọc nhắc lại, có đề trong nhật báo bên tây «La Liberté» du 8 Octobre 1916).

Ông Vĩ, khi ở nhà tại Cholon, trước ít ngày xin đi Tây đánh giặc, có nói: «Mình xin vô quan binh, thì phải đi đánh giặc. Như sợ đánh giặc, thì đừng xin vô. Huôn chi là quan máy bay, tổn hao của nhà-nước nhiều; vì nhà-nước cho ăn lương nhiều lắm.» Bà-Tổng-Đốc nói: «Anh em bạn mày, nói mày đại quá: Bấy lâu đi đánh Maroc cực khổ, nay dặng nghỉ, mà còn ham đi đánh giặc nữa.» Ông Vĩ trả lời: «Mấy anh đại, chớ tôi đại. Làm vậy mới có tiếng cho người Annam ta nữa.» Ông Vĩ không chịu cưới vợ. Có mấy chỗ nhà-giàu muốn gả con gái cho ông. Ông kiếm thế từ không chịu. Có người hỏi cớ. Ông nói: «Chừng nào hết đi máy bay, thì sẽ cưới vợ. Mình còn đi máy bay, vợ thấy lo sợ, tội nghiệp». Chi đã nhưt định vậy mà thôi. Không phải thấy con gái đẹp và nhà-giàu mà ham, cũng là thấy giặc dữ, mà có ý lánh. Tánh quyết đặng nhưt định đó, coi có giống tánh ông Tổng-Đốc nhiều; đến giọng nói, cũng hơi giống nữa. Lại chỗ ngay thật, trong lòng có sao, thì bề ngoài cũng vậy. Không phải có ý, hể việc xấu thì giấu, mà việc tốt thì khoe. Cách nói ngay thật, dường như tánh con nít mà anh hùng.

Có câu: Anh-hùng bán diêm bất khi nhờn⁽¹⁾. Như ông Vĩ, chỗ cang dõm quyết-đoán, thì đã thấy rõ nơi chỗ làm. Còn như ông Tổng-Đốc, tuy là việc làm, cũng chỗ gặp không phải như vậy; mà lấy chỗ tánh ý mà suy, thì không khác; và đến chỗ thành thật ngay thẳng, thì ông Vĩ càng giống

(1) Anh hùng bán diêm, bất khi nhờn. Người anh hùng, một chút gì, cũng chẳng dối với ai.



ĐỖ-HỮU-VỊ

SỰ NGHIỆP

Tùy cuộc thử, liếng chung nhờ xir sở;
 Đứng anh-hùng, đồn võ chốn ngoại-phang.
 Gương đởm-cang, phấn khích bọn đồng-bang;
 Chi Nam-tử, bốn phang gầy nghiệp cả.
 Lựa là đất khách nhờ ta.



THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

nhiều lắm. Quả nhiên: Cha có đức tánh thế nào, con mới hay có anh hùng như vậy. Có câu: *Tel père tel fils* ⁽¹⁾ và *Au fruit on connaît l'arbre* ⁽²⁾. Và có câu: Nguyên khiết, tất lưu-thanh ⁽³⁾. Lẽ tự nhiên, con thì giống cha, chẳng nhiều cũng ít. Chớ như cây đắng, mà sanh trái ngọt, có mấy khi.

Đến bữa ông ra hăm trận, ông có nói và dặn một ông quan binh kia rằng: Rạng sáng-mai, thì tôi ra hăm đồn Đức tặc. Tôi có chết, thì làm ơn, liền cho anh tôi hay. Anh tôi là Đồ-hữu-Chấn, đương ở tại Rouen. (Khi ấy ông Chấn, làm Chef d'Etat Major Rouen). Theo lời như vậy: thì dù thấy ông, đã quyết chí nơi nghề quan-võ, thì đường sanh tử, coi như đường đi về. Có rủi thác, cũng yên tâm mà không hối.

Ông, nơi lúc chinh chiến, khi cực hết thế cực. Mà về sự ăn chơi, thì sướng cũng hết bực sướng. Tuy là sống dặng ngoài 30 tuổi, mà công danh sự nghiệp rất nhiều. Đáng kể hơn là người sống lâu. Cho nên xưa nay người chết nhỏ mà đủ việc trên đời, thì cho như người chết già vậy.

Trộm nghĩ đáo để việc đời. Già như ông Vị mà dặng sống lâu, thì tưởng có khi không hơn sự chết sớm, mà dặng hữu danh và toàn danh như thế. Chẳng? là vì ông sanh nhà phú quý, tánh đã quen xài. Lại thường anh hùng chí khí, thì hay phần thổ ⁽⁴⁾ tiền tài. Bụng lớn thì xài cũng lớn, tay xài tiền thì quen, nghề làm tiền thì lạ. Bổng lộc có chừng, mà sự dùng xài, thì không giải hạn. Lăn-quần bận biệu nơi chốn trần-ai này, càng nhiều ngày thì càng e lấm lạp bụi trần càng nhiều. Thường vật đồ để chưng ra, còn phải vậy bụi, huốn chi người dưới chốn phong trần. Càng danh giá, càng phải quên rù bụi lấm. Đáo để một ngày kia, cũng phải thành đất, thì cũng như đất cục kia vậy. Nghĩ lại con người ở đời, cũng có nhiều cách thế. 1° Như thầy-tu kia, chẳng khoái thích sự vợ con, thì khỏi sự thê thắng tử phược.

(1) *Tel père tel fils*: Cha sao, con vậy.

(2) *Au fruit on connaît l'arbre*: Coi trái thì biết cây.

(3) Nguyên khiết, tất lưu thanh: Nguồn trên sạch thì chảy ra nước mới trong.

(4) Phần-thổ: Là coi như rơm, như đất.

2° Người hào-hộ phú-ông, kinh dinh sự nghiệp, ruộng lớn nhà nhiều, thì phải bấy nhiêu lần gian khổ, vui thích vợ hầu, cháu bấy con đông, thì phải bao nhiêu điều lo nhọc, 3° Đứng anh hùng chẳng cần hỏi nhà tiếm ruộng, chẳng lo vợ đeo con theo. Hoanh liệch theo chí bình-sanh, thung dung tùy thời sở ngộ ⁽¹⁾. Giàu không màng, nghèo cũng không lo, vô khả, vô bất khả ⁽²⁾. Mặc thiên-công ⁽³⁾, khiến tới đâu hay đó. Sống thì cho sung-sướng, thác cũng không tiết chi. Ba đường ấy, người đời thích tình đâu, đi đó.

Còn về sự con ở với cha mẹ, cũng có nhiều điều, miễn cho cha mẹ vui lòng là thảo thuận. Cũng như nhà nghèo thì dùng lúa gạo, mà ăn nhờ; nhà giàu thì dùng bông hoa mà thưởng chơi. Mỗi vật đều có ích, tùy theo chỗ dùng. Miễn cho đừng làm hại và làm buồn cho cha mẹ thì phải. Đừng có như cây lúa mà không có trái, cây hoa mà không có bông, làm cho cha nghèo mẹ giàu, đều phiền rầu, thì ra đồ vô-dụng và bất-nhơn. Phàm làm con người ở đời, để cho đến: như lúa mà không trái, hoa mà không bông, thì lấy làm hổ cho phận sự làm con làm cháu. Đến đời là cây trong rừng, không nhọc công ai vun trồng, mà còn sanh trái trở bông, cho người đời chung tư ích.

Tưởng như ông Vị, cũng dường như bông hoa, tốt thơm, rụng rỏ trong nhà. Đã cha mẹ đẹp mắt vui lòng, anh em cũng nhắm xem hơn hờ. Cho đến người xóm giềng xứ sở, cũng dặng trông xem, chung hưởng hơi thơm.

NÓI VỀ Đám TÁNG ÔNG VỊ

Khi hài-cốt ông đam về tới Saigon, nhà-nước phải quan lo lễ táng theo bậc quan binh tử trận, một cách nghiêm trang trọng thể. Dùng xe súng lớn, cờ tam-sắc bao cả quan tài. Có mấy đạo binh đi hầu đưa theo. Lại trên thì có ba máy bay, có quan ngồi, bay vùn vùn theo đám táng mà đưa tới huyết. Coi một cách rất ai bí thăm đạm, mà lạ thường.

(1) Sở ngộ: Chỗ mình gặp vậy.

(2) Vô khả, vô bất khả: Không khá không chẳng khá. Nghĩa là: gặp thể gì, nên thể ấy.

(3) Thiên-công: Là ông trời.

Lại thêm nhạc binh giọng ai bi, ai ai cũng ngậm ngùi thương mà rơi nước mắt. Từ bấy lâu chưa thấy đám táng nào như thế. Viên quan văn võ, Langsa và Annam không thiếu mặt. Đến quan-viên ở xa các tỉnh, Nhà-nước cũng cho phép tới đi diếu, đi đưa đám táng. Thiệt là nhà-Nước đãi tôi công-thần trọng hậu.

Nghĩ trong cuộc giặc lớn bên Thái-tây khi ấy, thì chẳng thiếu chi là quan tử trận. Mà ông Vi, thật là cang đờm khác thường, coi chết như không. Dường như tự hứa cái thân cho Nhà-nước, dầu Nhà-nước nào, dĩ quốc-sĩ đãi ⁽¹⁾, thì cũng dĩ quốc-sĩ báo ⁽²⁾ chi. Mình đã ra làm tôi, thì phải tưng quốc vong xu ⁽³⁾ mới phải. Tiệt cho ông phải ráng lời lúc, các Đồng-minh tiếp chiến tấn chinh ⁽⁴⁾ thì càng thấy chỗ cang đờm bá bội. Với các tướng tiên-phong, tướng chưa biết ai tới trước đất giặc. Nghĩ như ông là con nhà giàu có, thân quý hơn vàng ngọc, thiên kim chi khu. ⁽⁵⁾ Mà bởi lòng trọng nghĩa khinh sanh ⁽⁶⁾ thế nào, lấy nghĩa quốc-sĩ, ⁽⁷⁾ mà trả ơn, đồng ưu thích ⁽⁸⁾ cùng nước nhà như thế. Hèn chi Nhà-nước thấy chỗ nghĩa khi bội phần (d'être plus courageux qu'un autre) mới quý trọng dường ấy. Mà không biết Nhà-nước còn có chi là bội phần hơn nữa mà trả lại cho nhà Đồ-Hữu không?

Thiệt tướng nhà nước Langsa với nhà Đồ-Hữu, nơi chỗ tri ngộ tao phùng, như vậy cũng ít có. Dầu đến bậc đại hiền-thần 'lương-tế của Chánh-quốc cũng bá trọng ⁽⁹⁾ dặng. Nghĩ như dân thuộc-địa cũng như con dưỡng-tử của nhà-nước Chánh-quốc; mà dặng như thế, thì càng thêm quý trọng, cho càng rõ cái văn-minh đại-độ, cũng là cái quốc-chánh-công-bình của Đại-Pháp đó chẳng?

(1) Dĩ quốc-sĩ đãi : Lấy bậc quốc-sĩ tài hay trong nước mà hậu đãi.

(2) Dĩ quốc-sĩ báo chi : Lấy bậc quốc-sĩ mà hậu trả ơn lại.

(3) Tưng quốc vong xu : Theo việc nước mà quên mình.

(4) Tiếp chiến tấn binh : Tiếp đánh và tới binh.

(5) Thiên-kim chi khu : Minh quý báu đến ngàn vàng.

(6) Khinh sanh : Gồi chết nhẹ như không.

(7) Quốc sĩ : Người hay giỏi trong nước.

(8) Đồng ưu thích : Đồng sự lo buồn.

(9) Bá trọng : Là xê xích gần bằng.

CÓ BÀI CA-TRÙ PHÚ TẮC KHEN ÔNG VỊ

Đồ-hữu-Vị đởm cang đệ như⁽¹⁾;
Chốn sa-tràng, trời bọc hùng anh.
 Mấy lâu, cùng Ma-rốc chinh hoành⁽²⁾;
Trong biển-các, giữa trời sanh mấy trận.
 Lòng địch khái, rần rần như lửa giận;
Nghe Đức binh, lừng lầy chốn biên-thùy.
 Linh quan trên, dầu chẳng, cũng quyết đi;
Ra thảo tặc, mới vừa lòng trán-sĩ⁽³⁾.

Vậy có câu rằng :

Thánh-nhơn, khởi hữu hung trung khí⁽⁴⁾.
Quân-tử thường hoài, thân hậu danh⁽⁵⁾.
 Quyết gặp hồi, ra sức bình-sanh;
Cho rõ mặt, anh hùng đâu cũng có.
 Nam-nhi, há chịu nằm co.

Cholon, TRƯƠNG-HOÀNG-PHÁT chiếc đề.



-
- (1) Đởm-cang : Là mật gan, là người cả gan, không sợ chết.
(2) Chinh hoành : Đánh giặc với nhau dữ lắm.
(3) Trán-sĩ : Là người mạnh mẽ.
(4) Thánh-nhơn khởi hữu hung trung khí : Người thánh-nhơn chẳng phải có sự khí dạn bày chỗ chẳng phải.
(5) Quân-tử thường hoài, thân hậu danh : Người quân-tử hay lo sự danh tiếng về sau, tòi đề danh trên đời.

Nghĩ lấy làm lạ thay! khác thường thay! Về sự ngôn hành ⁽¹⁾ của ông Đồ-hữu-Vị như sau này. Thường xưa nay, trong đám trung-thần, nghĩa-sĩ, chẳng kể chết, sống, cho tròn chỗ phận-sự, ái quốc cùng là trung quân. Nhưng mà cũng có tại nơi chỗ vua, tôi, tình nghĩa tri ngộ thế nào? Cũng có khi trước làm tôi vua này, mà không liệu mình trả nghĩa; cũng có khi sau, làm tôi với vua nọ, mà tri mạng trả thù. Ấy có phải là tại chỗ: quân thị thần như thủ túc ⁽²⁾ chẳng? Là như ông Dữ-Nhượng đời Chiến-quốc, gặp lúc quân ưu thần nhục, hết sức cực lòng; đến đổi ngậm thang làm đũa càm, sơn mình làm đũa phung, giã hình ra khác, cho người không biết mình; cho dặng kiếm thế, mà giết người thù, là người giết chúa mình, mà trả thù cho chúa. Có người hỏi: với vua trước, sao không khò thân mà trả thù như thế vậy? mà sao với vua này, cố tâm liệu mình, trả thù như thế? Ông Dữ-Nhượng nói: Vì là vua sau, lấy bực quốc-sĩ, mà đãi tôi, nên tôi phải lấy bực quốc-sĩ mà trả lại. Nghĩa là: vì tình trọng đãi khác thường; nên lấy nghĩa nặng mà trả lại cho đáng. Trái xem, xưa nay, những mấy bực trung-thần, nghĩa-sĩ cũng nhiều, thường khi gặp lúc làm tướng giữ thành, thành bị mất, thì mình phải chết theo. Cùng là bị giặc bắt, dầu dụ dỗ thế gì, thì cũng thà chết, chẳng thà chịu đầu. Ấy là sự đã tới thế, biết chỗ trọng nghĩa ⁽³⁾ mà khinh sanh ⁽⁴⁾, thì cũng là rất tốt rất hay? Chớ nào có như ông Vị, lòng trung thành tự hứa dưng trông cho gặp cuộc dặng trả ơn; may sống cũng tốt, rủi thác, ấy là phận đã đành, không chi là hối tiếc.

Theo lời ông nói ấy, dường như lời đại-ngôn ⁽⁵⁾ nói quá; có ý lấy tiếng cầu danh. Hoặc là có ý cho nhà-nước thấy khen: hoặc là có lòng khoe cho người đời khen giỏi? Mà rõ thật thì không phải vậy. Ông thật tình, nói dặng làm dặng. Có câu: Beau dire beau faire. Theo thường cũng có người có lòng trông mau, nơi chỗ công danh; mà rắng chỗ cang

(1) Ngôn hành: Lời nói cùng việc làm.

(2) Quân thị thần như thủ túc: Vua coi tôi như tay chơn.

(3) Trọng nghĩa: Lấy nghĩa làm trọng.

(4) Khinh sanh: Lấy làm nhẹ sự sống, coi sự sống chẳng ra gì.

(5) Đại ngôn: Nói giỏi nói quá.

dorm liễu mình. Và cũng có kẻ có việc đã tới thế; thế phải liễu mình cho trọn nghĩa. Ấy là chi nam-nhi, trông mong nơi chỗ công danh; cùng là nghĩa-sĩ, vườn tròn nơi chỗ phận sự. Như thế, thì cũng đáng khen anh hùng, hào-khiet trên đời. Chớ nào có đến tự nguyện phải hai lần nghĩa khi trung cang, như ông Vị vậy, thật xưa nay chưa thấy.

Trai xem, xưa cũng có người nước này làm tôi cho nước kia; như ông Dục-Nhượng đó v. v. Trước thờ vua này, sau làm tôi vua kia. Mà về chỗ trung nghĩa thì khác, vậy có phải là tại nơi chỗ vua tôi tương đắc⁽¹⁾, tương ngộ đó chăng?

Nghĩ con người đến chỗ chẳng sợ chết, thì chỗ nghĩa đồng mới hay làmặng. Khi làm thì không nao núng; đến khi làm nguy, thì cũng không hối tiết. Như ông: mấy phen thừa trời tối đen, bay thám nước Đức; và ban ngày khàn trận bên giặc. Ghe phen cánh máy bay, bị đạn lủng, may dặng trở về; sau tới bị té máy bay, bề hãm gần chết; vừa nhẹ lại rặng bay; chỗ thương tích đau lại. Đã vậy còn không chịu nghỉ lại xin qua bộ binh; trước sĩ-tốt⁽²⁾ hãm Đức thành mà tử trận. Ấy có phải là, vì ớn nặng, phải lấy mình làm nhẹ chăng? Nghĩ chẳng qua là tại tánh người hay niệm ơn nhớ nghĩa, mà vậy chăng? Cũng như ông Hàng-Tĩnh xưa, có một bữa cơm, của bà Phiếu-Mầu, mà ông nguyện trả đến ngàn vàng. Ấy là bụng anh hùng, đâu bữa cơm chẳng đáng chi, mà hứa lấy chẳng quên. Chữ: nhứt phạn bất vong⁽³⁾. Nghĩ nhớ lời ông Vị nói, khi còn ở nhà tại Cholon, với bà Tổng-Đốc: « Nhà-nước tổn với con nhiều lắm, lẽ nào khi nhà-nước có giặc, con ở nhà mà bú mẹ ».

Bà Tổng-dốc nói: « Nhà-nước tổn với con nhiều, mà nào thấy con có tiền gì dư. » — Ông Vị trả lời: « Là cơ máy bay, bất kỳ mình muốn làm chi; biên giấy cho hãng làm đồ ấy, thì họ cứ đem đồ lại, rồi tới tháng họ đưa giấy cho Nhà-nước, thì Nhà-nước cứ trả tiền, và lương bổng bằng 3, 7 phần hơn. Lại nhứt là tự ý bay đi chơi tới tỉnh thành nào, thì Quan-viên nơi đó, tiếp rước một cách trọng

(1) Tương đắc: Tốt, ưa với nhau.

(2) Sĩ-tốt: Binh lính.

(3) Nhứt phạn bất vong: Một bữa cơm chẳng quên ơn.

thề vô song. » Lại nói: « Tôi quyết xin qua Tây, ra đánh giặc, đánh tới nước Đức, lấy xong rồi, kiếm ít con ngựa chơi; ngựa bên nó, lớn tốt lắm. » Ấy là lời nói ước, nói chơi như vậy. Mà ai dè, sau quả Đức bị thua. Ông sẵn lòng ham đánh giặc, gặp đảng giặc Đức, là giặc lớn thì càng khoái chí cho ông, nơi chỗ ăn thua sanh tử. Chớ không phải nghe giặc dữ mà sợ. Cũng dường như người cờ-bạc lớn, gặp sòng lớn, mới đáng chỗ ăn thua, một là ăn to, hai là thua lớn, mới vừa lòng xừng tay đại-đổm. Nhưng mà rất tiết cho ông, chớ chỉ chưa bị chết, trong khi đó, thì sau còn nhiều việc xuất sắc nơi chốn chiến-tràng nữa.

Thiết nghĩ như ông Vị, chẳng tận trung với Nhà-nước Langsa, mà dối trung với ai. Hay là chừng dối bề ngoài, miễn cho có danh làm quan với đời, cũng là có lương bổng cho nhiều, đảng xài cho lớn. Cũng như người đờn-bà kia, gia thế suy vi, lấy chồng người ngoại-quốc; mà còn nói: « Tôi chừng dối bề ngoài, cho đảng nhờ cậy; bề trong thì không sự tình-thật nghĩa thâm chi hết. » Vậy thời thì dừng ra lấy chồng, ở nhà mà may mắn. Làm chi, đã đành lấy chồng, chịu phần vợ người, mà lại nói, chừng dối bề ngoài; cũng là nói: « Đông-gia thực, Tây-gia túc ⁽¹⁾ » đó vậy. Như ông Ven Vollenhoven, người đại-tài toàn-dức, nguyên là người Hà-Lang (Hollande) mà cũng tận trung với nước Langsa, vậy có khi, như gái tử tiết mà bị gái lang vân cười đó chi!

Phạm sự nghị luận, thì phải cho công bình, cho đạo lý. Dầu cho vẽ thêm bôi bớt, thì cũng chẳng ích chi cho người tử-giã, và cũng chẳng ích chi cho người luận-giã.

Nghĩ cho đảo đẽ, nếu chẳng có ông Vị, thì nước Langsa chẳng đảng thắng trận, giặc lớn này sao? Và chẳng phải mất một ông Vị, thì Nam-kỳ ta đến đời phải ít dân sao? Mà vậy, cho đảng biết Nam-kỳ ta, cũng có người biết sự trung nghĩa với đời, và đảng tiếng nhờ chung cho xứ sở. Thế thì đời cũng có lẽ niệm sự công lao ít nhiều, và thấy

(1) Đông gia thực, Tây gia túc: Ăn nhà bên này, ngủ với nhà bên kia. Có con gái kia: có một người nghèo mà lịch-sự: có một người xấu mà giàu. Cha mẹ hỏi, muốn lấy bên nào? Người con gái trả lời: Lấy 2 bên, ở ăn bên giàu, mà ngủ với bên nghèo.

chỗ trung nghĩa tánh dân, mà có lòng đoái tưởng tới nòi giống người chẳng? Vậy có câu: Đầu ngã dĩ đào, bảo chi dĩ lý ⁽¹⁾. Lời tục: Bánh sập đi, bánh qui lại. Ấy là mình có phải qua mới dám trông người phải lại. Và có câu: Thương-lang chi thủy, thanh hề, khả dĩ trạt ngã anh. Thương-lang chi thủy trước hề, khả dĩ trạt ngã túc ⁽²⁾. Ấy đó: Hề nước trong thì người ta dùng mà rửa dây mào; nước đục, thì người ta dùng mà rửa chơn vậy.

Tưởng người Nam-kỳ ta, gặp lúc phải cuộc, cũng sẵn có lòng trung cang; cho nên mới hay đam lại giang san cho nhà Nguyễn khi phục quốc. Vì vậy nên đặt tiếng ban khen: « Nam-kỳ tổ xưng trung nghĩa. »

Đọc các báo lớn bên Langsa, của các nhơn-tài đại-gia xưng tụng đức tánh ông Tổng-đốc Đồ-hữu Đại-nhơn; cũng là cang dõm, và tánh tình của ông Vị, cho ông Vị, đến chỗ cang dõm, trung nghĩa hết chỗ hết bực; không còn tiếng chi thêm nữa. Những báo-gia ấy, là thường công nhiên mà bình luận việc nước việc người. Không phải là lời của Nhà nước ra ban khen, đặt giục lòng người, cho đặt việc làm cho Nhà nước. Ấy vậy, các nhà báo lớn Langsa đó, nào có phải là có lòng tư vị mị dùa với nhà Đồ-Hữu đó đâu?

Lại thầm nghĩ: không biết người Langsa, hay có lòng tạt đổ người không? Mà thấy những lời báo sau đây: đều công nhiên độ lượng mà khen trọng nhà Đồ-Hữu. Nghĩ như vậy, thì đáng khen cho Đại-quốc đại nhơn đại độ, công nhiên, không có chút chi, là hẹp lòng tư vị, mà chỉ biết tôn mình, mà miệt thị người dị-quốc.



(1) Đầu ngã dĩ đào, bảo chi dĩ lý: Cho tôi trái đào, thì tôi lại cho trái lý. Nghĩa là có phải qua, thì mới lẽ phải lại.

(2) Thương lang chi thủy thanh hề, khả dĩ trạt ngã anh. Nước sông thương lang trong thì dùng mà rửa giải mào. Thương lang chi thủy, trước hề, khả dĩ trạt ngã túc. Nước sông thương lang đục, thì dùng rửa chơn.

(3) Nam-kỳ tổ xưng trung nghĩa: Dân Nam-kỳ, sẵn lòng trung nghĩa đáng khen. Nguyên là Nguyễn Cao-hoàng phục quốc lại đây, nhờ dân Nam-kỳ, nên có lời ban khen ấy.

BÀI CAI-TRỪ KHEN ÔNG ĐỒ-HỮU-VỊ

Đồ-hữu-Vị, đờm cang dệ nhứt;
Chốn sa-tràng, trời bực hùng-anh.
Mấy lâu cùng, Ma-rốc chinh-hoành;
Dưới biển cát, trên trời xanh mấy trận.
Lòng địch-khái, rần rần như lửa giận;
Nghe Đức-bình, lừng lẩy chốn biên-thùy.
Lịnh quan trên, dầu chẳng cũng đi;
Ra thảo tặt, mới vừa lòng tráng-sĩ.

Có câu rằng:

Thánh-nhơn, khởi hữu hung-trung khí;
Quân-tử, thường hoài thân hậu danh.
Quyết gặp thời, ra sức bình-sanh;
Cho rõ mặt, anh hùng đâu cũng có.
Đờm cang vầy đáng gương cho.

Trương-Huân-Ngọc, chiếc đề.



DO-HUU VI

Capitaine aviateur de l'Armée Française

Chevalier de la Légion d'Honneur

Décoré de la Croix de guerre avec deux palmes

Mort glorieusement en France, à 32 ans

En combattant pour la France et pour l'Humanité.

“ *Le Journal* ” du 26 Septembre 1916

LES FRANCES LOINTAINES

Une noble Famille Franco-Annamite

« Je suis à la fois Français et Annamite. J'étais donc forcé d'être plus courageux qu'un autre. »

Le Capitaine Do-Huu, qui vient de toucher, était dans l'aviation depuis 1908. L'un des premiers, le premier peut-être, il avait, au Maroc, survolé Fez, et servi d'éclaireur à la colonne Brulard,

Lors de la déclaration de guerre, il était en Cochinchine. Il était officier, il fit son devoir.

Si quelque lettré Annamite avait pu voir son compatriote Do-Huu Vi monté sur l'avion bruyant, entouré des lueurs fugitives des shrapnells, poursuivi par les rayons des projecteurs, et jetant ses bombes incendiaires sur les organisations ennemies, il aurait pensé voir la réalisation d'un rêve millénaire : le Dragon d'Annam lançant des flammes et combattant contre les barbares, dans les profondeurs du ciel étonné.

Tout cela sera dit bientôt par un témoin, je l'espère. Et il faut que ce soit dit. La France ne peut pas être soupçonnée d'ingratitude.

BRIEUX, de l'Académie Française.



« *L'Intransigeant* » du 2 Octobre 1916

Nos Héros

LE CAPITAINE **DO-HUU**

Je viens d'apprendre avec beaucoup de tristesse par les lignes émouvantes qu'a tracées sur lui, mon confrère Brieux, la mort du Capitaine Do-Huu, tombé glorieusement dans un des récents combats de la Somme.

La guerre était déclarée depuis plusieurs semaines quand je reçus, datée de Cochinchine, une lettre de Do-Huu, dans laquelle il me peignait avec une ardeur touchante sa désolation. Bien qu'il eût été envoyé en mission régulière, il voulait revenir, se battre et voler ici. Il avait écrit plusieurs fois déjà sans recevoir de réponse. Il me demandait conseil. Ce fut chose facile que d'obtenir le rappel immédiat de ce vaillant dont le général Bouttiaux ne disait que « l'audace et la bravoure étaient au-dessus de tout éloge. »

Après avoir fourni, depuis son retour, de nombreux et heureux vols, un brusque atterrissage, par la tempête, l'immobilisait pendant plusieurs mois au Val-de-Grâce, la base du crâne, le bras gauche et la mâchoire brisés. A peine fut-il guéri et capable de se tenir debout qu'il voulut repartir. Les graves blessures ne lui permettaient pas de se rendre dans l'aviation. Il se fit fantassin.

Le 8 Juillet me parvenait cette carte, la dernière que j'ai reçue de lui, et qui le peint mieux que tous les mots. Je veux la lire debout et tête nue, devant sa tombe.

« Me voici dans l'infanterie où je sers, depuis huit jours. J'aurais peut-être le bonheur de remplir mon devoir de Français. Les hommes que je commande sont merveilleux. Je suis dans la joie de pouvoir participer à l'offensive de la Somme. »

Capitaine DOHUU.

Il y a participé.

Henri LAVEDAN, de l'Académie Française.



Sur le front français, le hardie pilote fut un vivant exemple de courage et d'abnégation.

Le troisième galon, la Légion d'Honneur et la Croix de Guerre, avec quatre palmes prouvèrent la gratitude de celle pour laquelle il s'était dévoué. Victime d'une épouvantable accident, au cours duquel il eut la mâchoire fracassée, il demanda de reprendre sa place au danger.

Infirmes, dans l'impossibilité de piloter, il obtint d'être attaché comme observateur au premier groupe de bombardement. En cette qualité, il participa à la plupart des grands raids sur l'Allemagne, le plus souvent comme passager de Mare Bonnier tué depuis en Russie.

Sur le terrain de Malzeville, on vit souvent sa fine silhouette fondue dans l'ampleur de la combinaison fourrée, sa pauvre figure mutilée, où brillaient des yeux d'un éclat singulier, perdue dans l'épaisseur du passe-montagne.

Le petit prince de légende, le prince lointain était un camarade délicieux, un ami sûr. A tous, il offrait son cœur généreux et compatissant, son bienfaisant appui permit à nombre de jeunes pilotes de se révéler.

Ses blessures mal cicatrisées, le faisaient fréquemment souffrir et comme on le pressait de prendre un repos chèrement gagné, il répondait invariablement d'une voix zézeyante, un peu enfantine : — Non...non...je ne puis pas...je n'ai pas le droit... Je suis Français et Annamite... Je me dois deux fois plus que vous ..

Il le prouva. Il passa dans l'infanterie son arme d'origine, quelques jours après ; il tombait dans la Somme en chargeant revolver au poing, à la tête de sa compagnie.

A la saison, les fleurs de nos prés, bleues, pâquerettes, coquelicotes, recouvriront d'un linceul tricolore sa simple tombe de soldat, et le soleil, jouant à travers les nuages capricieux, y dessinera le Dragon d'Annam, afin que le petit prince de légende, le prince lointain n'ait pas froid dans la terre de chez vous.

« La Liberté » du 8 Octobre 1916.
Marcel NADAUD.



ĐỒ-HỮU-VỊ

(Lời dịch theo các Báo-chương Lang-sa kể trước).

Quan-ba đạo phi-cơ của nhà nước Đại-pháp.

Thường thọ Ngũ-dăng bửu-tinh

Quân-công bội-tinh với hai kim chi

Tử-trận một cách danh dự tại nước Lang-sa, 32 tuổi

Ra danh giặc vì nước Lang-sa và cho nhơn-quần.

Nhật-báo « *Le Journal* du 25 Septembre 1916

CÁC PHÁP THUỘC ĐỊA Ở XA

Một nhà sang trọng Pháp-Việt

Ông nói: « Tôi là người Langsa và là người Annam, vậy tôi phải đởm cang hơn người khác. »

Quan-ba Đồ-Hữu, mới bị té máy bay mà bỏ mình; là quan thuộc về đạo-binh phi-cơ từ năm 1908. Ấy là quan phi cơ buổi ban sơ. Mà có khi làm quan bay đi đầu hết bên nước Ma-Rốc, nơi thành Fez; và là quan bay khán trận chỉ nẻo cho đạo binh ông Brulard.

Đến khi giặc bên Thái-tây nổi ra, thì ông còn ở bên Nam-kỳ. Mà vì là Võ-thần; nên muốn ra chinh chiến là chỗ phận sự.

Giã như có người nho-văn nào, thấy dặng người què, hương mình là Đồ-hữu-Vị, ngồi trên phi-thoàn vắng-rền bị súng giặc liên thình nổ xung quanh; và đèn dọi, yển sáng chói theo. Mà ông cứ quẩn trái-phá hỏa-lôi xuống nơi chốn trận-đồ bên giặc. Thì nho-sĩ ấy dường như một giặc chiêm-bao thuở xưa, nằm thấy rồng Nam bay trên mây xanh, phung lửa xuống, mà đốt phá quân giặc mang-di đó vậy.

Các việc đó, chẳng bao lâu sẽ có người chứng kiến biên lục lưu truyền. Tôi ước trông cũng nên đem vào sử-ký, cho tỏ rằng Nhà-nước Langsa, chớ để cho người nghi về sự phụ ơn bạc nghĩa.

Ông BRIEUX, *Hàng làm viên bác sĩ.*



Nhật Báo « *L'Intransigeant* » du 2 Octobre 1916

Các đấng anh-hùng của ta

QUANA-BA ĐỒ-HỮU-VỊ

Tôi mới hay và rất buồn, vì thấy trong báo-chương của một người đồng-nghiệp là ông Brieux, lời nói rất nên thâm thiết, ái tiếc cho ông Đồ-Hữu-Vị mới bị mạng vong. Là về sự tử-trận vinh diệu, trong mấy trận mới giao chiến nơi xứ Somme đây.

Từ giặc nổi ra, đây đã mấy tuần rồi, tôi có tiếp đặng một phong thư của ông Đồ-Hữu-Vị, bên Nam-kỳ gửi qua. Trong thư tự sự hết lòng bức rức. Ông nói: Dầu là việc nước sai di. Mà ông chỉ nguyện trở qua mà đánh giặc và bay nơi đây. Ông nói: đã mấy phen gửi thư xin đi, mà không thấy trả lời, thì ông có xin hỏi ý kiến tôi thế nào. Ấy cũng là sự dễ, mà đặng triệu về lập tức, vì quý-quan này, cang dõm nghĩa khí đã đặng quan Thống-chế Boutticaux khen ngợi hết bực.

Lúc trở qua nước Langsa rồi: thì đã có nhiều phen bay ra trận đặc lực. Rủi, thỉnh linh bảo tới; máy bay phải sa xuống đất. Bởi đó. Ông bị phía dưới sọ, cánh tay tả và hàm dưới đều bể. Vì vậy, ông phải nằm bệnh tại Val-de-Grâce hết mấy tháng. Bệnh vừa nhẹ đứng vừa vững, ông lại xin ra trận nữa. Mà ngặt vì thương tích nặng, cho nên không thể gì bay đặng nữa. Rồi ông phải xin qua binh bộ.

Đến ngày 8 Juillet, tôi có tiếp đặng thiệp-thư của ông. Thư này là cái chốt hết. Trong thư vẽ hết chỗ tánh khí người hơn là lời khen tặng chỉ hết. Vậy tôi muốn để đầu trần, và đứng trước mộ mà đọc:

Lời thư như vậy: « nay tôi đã trở lại bộ binh, đã tám ngày rồi. Vậy có khi đặng may mà làm chỗ phan sự thần-tử của Nhà-nước Langsa. Lại binh-nhơn của tôi quân đốc đây, đều là người khấn khải phi thường. Thì tôi lấy làm mừng rỡ lắm; đặng mà đồng tâm kiệt lực, dự chiến nơi xứ Somme đây! »

Quan ba ĐỒ-HỮU-VỊ.

Rồi ông cứ việc ra dự chiến.

Henri LAVEDAN, *Hàng làm viên bác sĩ.*

Nơi chốn chiến tràng Langsa, ông là quan phi-cơ cang dõm: làm gương chi khi, cảm tử cho đám quan quân.

Vậy nên Nhà-nước thưởng ông ba khoanh vàng: Ngũ-dăng bửu-tinh và quận-công khue-bài, có bốn kim-chỉ; dâng tỏ lòng qui-quốc biết công ơn người đã tận-tâm tri mạng cùng Nhà-nước. Rủi mây bay bị sa, ông bị bẻ hàm dưới. Mà ông còn xin ra trận-thượng nữa, là chốn rất hiểm nguy.

Bị mang tật, không thể bay dặng nữa, ông mới xin dặng hiệp với đạo phi-cơ, mà khán trận chỉ nẻo cho tiền đạo đại-pháo binh. Lánh chức rồi, ông theo với đạo phi-cơ đó, nhiều phen bay rất hiểm nguy xa vơi, mà dọ thám bên nước Đức. Thường như khách đồng-hành với ông Marc Bonnier, là người đã bị tử trận bên nước Nga (Russie).

Tại xứ Malzenille, người ta thường thấy người tướng mạo mảnh mai, mang áo lông xùg xinh; và diện bộ thương tích thâm thương, đầu đội mào lông sùm sụp; mà hai mắt vẫn tinh thần lão luyện.

Ông Hoàng-tử trong dị-sử, ông Hoàng viên-phang này, là người liêu-hữ qui trọng và bầu bạn thành tín. Cả trong đội ngũ, ai ai cũng nhờ lòng quảng-dại nhơn-tâm; tư trợ cho nhiều quan phi-cơ thanh-niên nên danh nên tài.

Các thương tích không dặng toàn dư; nhiều khi làm đau lại; thì người ta có thức ông, biểu mau xin nghỉ, cũng là vinh diệu. Ông trả lời một cách nhứt định, mà giọng nói dốt và hơi thất thà như trẻ con vầy: không... không... không... tôi không dặng vậy... tôi không dặng phép vậy... Tôi là người Langsa và là người Annam... tôi phải nợ nước hai lần hơn các ông.....

Quả vậy, ông trở vào binh-bộ, là nguyên ngạch của ông. Ít ngày sau, ông tay cầm súng liên-thính (súng sáu) đi trước quân-sĩ mà đốc chiến, liền bị tử trận nơi xứ Somme.

Tới mùa các hoa tranh nở nơi ngoài đồng nội xứ ta, màu xanh, trắng và đỏ, giống như bố tam-sắc trùm trên mộ đơn sơ của người chiến-sĩ kia. Và ánh mặt-trời dọi thấu mấy tầng mây, dường như rồng Nam doanh lộn nơi trên; làm cho ông Hoàng-tử dị-sử, ông Hoàng-viên-phương khỏi bị lạnh lẽo nơi dưới đất ta vậy.

«Liberté» du 8 Octobre 1916.
Marcel NADAUD.

ĐỒ TƯỚNG-CÔNG

Ngưỡng trông Đồ-tướng thiết anh hùng,
Cái nợ nam-nhi vẹn chữ trung.
Cặp cánh ngang trời khinh mũi đạn,
Lá gan hỗn chiến diệt loài hung.
Nấy thân giúp nước đền ơn cũ,
Trí mạng vì nhà dặng tiếng chung.
Hòa Pháp hòa Nam danh lưỡng quốc,
Tất-nhiên đại đảm nói khôn cùng.

Vô danh thị.

Ô DO-HUU-VI!

Je contemple en toi une figure de vrai brave,
qui remplit son devoir en parfait loyaliste.
Tes ailes, frôlant le ciel, défièrent les obus ;
Ton audace, prodiguée dans le combat, eut raison des
barbares.
Enfant reconnaissant de la Patrie, tu lui sacrifias la
vie, et ce sacrifice nous honora.
« Français et Annamite à la foi. . . »
tu sus maintenir ton nom par des faits d'indicible courage.

X X X.



HỌA VẬN BÀI THI « ĐỒ-TƯỚNG-CÔNG »
(ĐỒ-HỮU-VỊ)

Đồn vang Hữu-Vị, rất anh-hùng;
Hết phận sự mình, ấy gọi trung.
Bay liên nửa lữ, không kể đạn;
Dọc ngang trước lũy, quyết trừ hung
Liều thân sanh tử, vì tình cũ;
Tưởng phận Tây, Nam, rửa hận chung.
Một thất đờm cang, kinh hải-quốc;
Non sông sánh tuổi, tiếng vô cùng.

Cholon, Huấn-Ngọc, Trương-hoàng-Phát, vị định thảo.



Le 27 Septembre 1916.

Monsieur,

Vous ne pouvez croire la satisfaction que nous avons ressentie, nous autres Légionnaires, qui avons eu l'honneur de servir sous les ordres du regretté Capitaine Dô-Huu, en lisant l'éloge si vibrant que vous lui consacrez dans le Journal d'hier.

Humbles témoins de sa mort héroïque nous vous sommes reconnaissants de bien avoir voulu sortir de l'obscurité le nom de ce Grand-Chef.

Mes camarades, engagés volontaires et légionnaires, eûmes comme Commandant de C^{ie} le Capitaine Dô-Huu, au moment de notre participation à l'offensive de la Somme. Vous jugez, Monsieur, si nous étions fiers de servir avec lui, connaissant tous de renom sa bravoure et valeur militaire.

Hélas! nous ne devions pas le garder longtemps, dans les premiers jours de cette affaire. Après que la Légion s'était déjà couverte de gloire à l'occasion de la prise du fameux village de Belloy-en-Santerre, et alors, que quelques jours après nous attaquions une forte position ennemie, entre B-e-S. et E, nous eûmes le malheur de le perdre.

Ayant été non loin de lui au moment où il fut frappé, je puis vous narrer combien furent sublimes ses derniers moments.

Inutile de vous dire, Monsieur, que nous avions en lui une confiance illimitée, et lorsqu'il nous eut dit que c'était à notre unité que revenait la tâche d'enlever l'objectif, c'est de grand cœur que nous marchâmes à l'attaque.

Il ne m'est malheureusement pas permis de vous donner en détails l'historique de cette affaire, mais je tiendrais à vous faire savoir, combien fut digne des plus grands éloges, la conduite du Capitaine Dô-Huu, chargé d'attaquer avec sa Compagnie (à cette époque la mienne) l'objectif désigné.

C'est en tête de huit hommes qu'il partit d'abord reconnaître un petit bois se trouvant sur notre trajet et où l'on supposait dissimuler quelques fractions allemandes. Après s'être assuré par *lui-même* de l'absence de l'ennemi dans cet

endroit et s'étant acquitté de cette mission avec un sang-froid admirable, il fit prendre à son unité les dispositions de combat. C'est encore en tête de nous qu'il partit à l'assaut, nous donnant ainsi l'exemple d'une bravoure à toutes épreuves. Au deuxième bond, en plein terrain découvert, il se leva, puis après nous *avoir salué* militairement, nous cria : « En avant ! »

Jamais depuis deux ans que nous sommes en campagne, et malgré les multiples émotions que nous avons vécues, nous n'avions vu un geste si sublime à notre égard. Après avoir de nouveau fait une centaine de mètres, sous l'intensité du feu des mitrailleuses, il nous donne l'ordre de nous coucher. C'est là qu'il reçut sa première blessure, atteint d'une balle au ventre. Quoi que très grièvement blessé, il tient encore à lire un ordre que lui tendait un homme de liaison, s'étant quelque peu redressé pour en prendre connaissance, il fut frappé mortellement d'une balle à la tête. Je ne sais pas, malheureusement m'exprimer assez bien pour faire ressortir tous les sentiments que m'ont inspiré les quelques jours passés au feu sous le commandement de ce Chef héroïque dont vous avez si bien retracé les nobles traits.

Tous mes camarades de l'ancienne Compagnie Dô-Huu, se joignent à moi pour vous exprimer notre reconnaissance d'avoir montré au grand jour un héros qui, sans vous, serait resté anonyme comme tant d'autres engagés volontaires.

Veuillez croire, Monsieur, à l'expression de mes sentiments respectueux.

Signé : ILLISIBLE.

Téléphoniste au 2^e Bataillon,
Légion étrangère S. P. 109.

La Vallonne, 4 Octobre 1916.

Monsieur Brioux,

Vous m'excuserez de la liberté que je prends en vous envoyant ces quelques mots mais c'est au sujet de votre

article du Journal concernant le Capitaine annamite Dô-Huu. Oui, Monsieur, j'ai eu l'honneur d'être dans la Compagnie que commandait ce brave Capitaine et j'ai été blessé à ses côtés quand il a été mortellement blessé. Quand on a chargé, il a été sublime de bravoure et de sang froid et malgré une grêle de balles qui sifflaient autour de nous, il n'a pas cessé jusqu'au maudit moment où il a été touché de donner ses ordres en tête de ses hommes. Il n'y avait pas longtemps qu'il nous commandait mais en ce peu de temps, il avait su nous conquérir par son affabilité et on aurait été jusqu'en Bochie avec un tel homme. Tous, nous le regrettons mais soyez sûr, nous le vengerons.

Recevez, cher Monsieur, l'expression de mes sentiments distingués.

Eugène MONNARD.

*Régiment de marche 1^{er} Étranger,
2^e Compagnie Camp de Vallonne AIN.*

Paris, le 18 Octobre 1916.

Mon Colonel,

Je viens vous remercier de tout cœur, de la lettre que vous avez bien voulu m'écrire.

J'ai dit très simplement tout ce que je pensais de votre Frère, et j'accomplissais ainsi un pieux devoir à la mémoire de l'Ami et du Chef, dont le souvenir restera toujours pour ceux qui l'ayant connu ont su l'apprécier et l'aimer.

Dans mon article, j'avais omis de vous nommer, je répare mon erreur à mon prochain article. Je serais heureux, lors que que vous viendrez à Paris de vouloir bien me prévenir, afin que nous évoquions ensemble l'image de votre cher disparu.

Je vous prie d'agréer, mon Colonel, l'expression de mes sentiments respectueux et dévoués.

Signé : NADAUD.

Marcel NADAUD.

Aux Armées, le 28 Septembre 1916.

Monsieur Brieux,

Nous avons eu hier la bonne aubaine de voir parvenir « *Le Journal* » jusqu'à nos positions et la satisfaction d'y lire l'hommage que vous rendez au Capitaine Do-Huu dans votre article « Une noble famille Franco-annamite. »

J'avais pu voir il y a quelque temps en traversant l'humble cimetière de D..... la modeste tombe de ce héros ; la pensée m'est venue en parcourant vos lignes, d'aller y déposer ce témoignage de gratitude rendu par vous au Capitaine Do-Huu et à son admirable famille.

C'est chose faite maintenant, au pied de la Croix qui porte ces simples mots : 10 juillet 1916 Do-Huu Capitaine 8^e C^{ie} Légion Etrangère mort pour la France. — 188 — G. N. est maintenant plantée une bouteille qui contient ce chapitre de votre étude sur les « *Frances Lointaines* ». C'est dans mon esprit un gage de reconnaissance et d'admiration envers le vaillant annamite tombé pour la défense de notre sol.

Veillez agréer, Monsieur, mes respectueuses civilités.

Signé : A. LAURENT,

Brigadier

24^e B^{ie} de 120 Long, 107^e Art^e Lourde
S. P. 171.

Melun, le 27 Septembre 1916.

Monsieur,

Avec quelle émotion j'ai lu votre article du Journal du 26 Septembre « Une noble famille Franco-annamite » où, parlant du Capitaine Do-huu Vi, vous dites : l'un des premiers, le premier peut-être, il avait, au Maroc, survolé Fez et servi à la Colonne Brulard »

Permettez-moi de vous écrire quelques lignes à ce sujet.

Depuis six jours, le 20 Décembre 1912, une petite colonne, partie de Magador, et comprenant les Zouaves du Commandant Decherf et quelques hommes d'un tabor, étaient

assiégés dans la grosse ferme marocaine de Dar-el-Kadi. Une Colonne sous mes ordres, avait été précipitamment envoyée de Casablanca par bateaux à Mogador pour aller aux secours des nôtres. A peine deux bateaux avaient-ils été déchargés que la tempête faisait rage, et empêchait tous les autres de pénétrer dans le port. Aucun messenger ne pouvait être expédié à nos camarades enfermés presque sans vivres, et sans eau, pour annoncer notre arrivée ; aucun ne pouvait nous parvenir, car les cavaliers d'Anflouss et du Guellouli ne laissaient passer personne.

Do-huu-Vi était descendu avec moi, et son appareil avait pu être mis à terre. Après quelques essais sur la plage il me rendit compte qu'il pourrait tenter une reconnaissance vers Dar-el-Kadi dont on connaissait à peu près la direction, le long de la côte : ce qui, en raison du temps, pouvait être très dangereux. Je lui donnai donc l'ordre de se préparer. Et je rédigeai, pour nos camarades de Dar-el Kadi, sur une feuille de Bloc-lettres un appel vibrant à la résistance, en leur annonçant notre arrivée très prochaine. Je signai, fermai le bloc où mon Chef d'Etat-major mit sa signature et mon cachet — et Do-huu-Vi s'enleva dans les airs portant nos vœux et nos espérances vers nos chers isolés si braves, qui déjà avaient dû, pour se soutenir, boire leur urine traitée au permanganate. Et la tempête continuait. Et deux heures après son départ Do-Huu revint rapportant mon petit message bleu qu'il n'avait pu faire tomber sur Dar-el-Kadi, et quelques renseignements sur la route et les contingents d'Anflouss. Il me remit, *après l'avoir signé, le premier message de guerre envoyé et porté par un avion militaire*. Et je le conserve précieusement, tel qu'il me le rendit, pour le verser au Musée de l'Armée ou de l'Aéronautique. Quelques jours après, le Général Brulard put débarquer à Mogador ; et, grâce aux forces que je lui avais conservées au lieu de les lancer dans la fournaise comme j'en avais été sollicité par lui-même, nous pûmes au prix de quel combat ! parvenir à délivrer nos chers camarades, le 25 Décembre 1912 à Minuit jour de Noël.

Nous avions perdu nos cantines et nos vivres dans la forêt ; et, tandis que les sauvages d'Anflouss se partageaient

nos dépouilles, nous faisons le Réveillon à Dar-el-Kadi avec encore un peu de biscuit et de la langue de chameau que nous donnèrent nos camarades heureusement sauvés! Quel réveillon!... Les cadavres de Marocains et de chameaux empestaient l'air! Nos braves zouaves, chasseurs et artilleurs dressèrent leurs tentes au milieu d'eux, en pleine nuit, et creusèrent aussitôt des tranchées. Et, le 27, nous regagnâmes Mogador, fiers de nos prouesses, et survolés par Do-huu-Vi qui vint nous porter les félicitations des Généraux Lyautey et d'Esperey, dans un camp près de la Côte.

Agréez, Monsieur, mes respectueux sentiments pour votre beau talent.

Signé: Colonel GODCHOT,

*Commandant les Subdivisions de Melun
et de Coulommiers.*



THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Ngày 27 Septembre 1916.

Trình Ngài,

Quý-Đài đã ấn hành lời khen vang dậy của ông Quan Ba Đồ-Hữu vào tờ báo « Le Journal » ngày hôm qua; mà Ngài không dè bọn chúng tôi là cơ binh ngoại-quốc (Légion étrangère), đầu quân Đại-Pháp, dưới lĩnh của ông Quan Ba ấy. Chúng tôi đọc tới báo-chương này, thì chẳng xiết sự mừng

Chúng tôi rất cảm ơn Ngài ⁽¹⁾, về sự tỏ bày ra việc ấy, cho khỏi bị sự mai một âm thầm cái danh giá của vị đại-tướng anh hùng tử trận nghĩa khí; chúng tôi thấy đều chứng kiến

Bọn chúng tôi, là lính ngoại-quốc và là binh tình nguyện. Trong lúc hiệp lực đánh giặc tại sông Somme, vẫn biết ông Quan Ba Đồ-Hữu-Vị quản suất cơ binh chúng tôi, thì chúng tôi lấy làm đặc chi mà vui chết với ông, vì chúng tôi đã rõ danh ông cang đởm và tướng tài.

Hồi ới? Chúng tôi cầm ông ⁽²⁾, chưa dặng bao lâu, mà trong mấy ngày đầu, cơ binh ngoại-quốc, đã dặng nổi danh về trận đánh lấy làng Belloy en Lanterre. Cách ít ngày sau, chúng tôi lại hãm trận đổ của giặc, ở giữa B-E-S và S. Lúc ấy mới bị ruồi mà mất chủ tướng ấy.

Đang khi ông bị trọng thương mà thất, thì tôi có ở gần nơi đó; nên tôi mới dặng mà thuật rõ về sự ông tử trận một cách cang đởm không biết là dường nào.

Chúng tôi về lòng tin tưởng ông dào dể, chẳng cần mà đọc với Ngài chi. Xin nói về đều này: là khi ông dặn bảo chúng tôi, nói: cơ binh chúng tôi phải đánh lấy chỗ chỉ trước đó, thì chúng tôi hết long khăn khải xông tới mà đánh.

Ruồi, tiết cho chúng tôi không dặng phép nói thuật cặn kẽ cho Ngài rõ hết việc ấy. Nhưng mà chúng tôi muốn cho Ngài dặng biết chỗ chỉ khi vận động của ông Quan Ba Đồ-Hữu, về khi đốc binh hỗn chiến (Lúc ấy cũng có cơ binh của tôi), đánh chỗ đã chỉ trước đó, thì đáng xưng tụng là chừng nào.

(1) Ngài: Là lời kêu ông chủ-bút « Le Journal ».

(2) Ông: Là ông Đồ-hữu-Vị.

Trước hết ông ⁽¹⁾ đi với tám tên lính mà dò thám nơi trong đám rừng nhỏ kia, ở nhằm đường nơi chỗ chúng tôi nghĩ có binh Đức định trú đó.

Khi ông bồn thân rõ biết, vì là đã thám dạng, biết thấy không có binh giặc tàng ẩn nơi đó, thì ông mới truyền lệnh cho cả cơ binh phải sắm sửa mà đánh lấy. Khi ấy ông đi đầu hết mà đốc binh hăm trận, làm cho chúng tôi càng dục lòng theo gương chí khí đại dõm vô song đó. Rồi đó, qua khỏi một chặng, tới chỗ đồng trống, ông mới ngược dây và chào chúng tôi theo phép binh, rồi cả tiếng kêu: « Ấp tới ».

Nghĩ đã hai năm trường, chúng tôi theo việc chinh chiến, không biết bao nhiêu lần kinh hải cảm động; mà chúng tôi chẳng hề thấy dạng cách ăn ở tận tình với chúng tôi như thế.

Lại bước tới nữa, ước chừng trót trảm thước, nơi giữa chốn đạn súng và trái-phá bắn vãi như mưa. Ông truyền lệnh bồn-binh đều nằm xuống. Lúc ấy, ông liền bị một viên đạn đầu hết, trúng ngay vô ngực.

Tuy là bị trọng thương như vậy; mà ông hãy còn đứng mà đọc tờ giấy của tên lính nọ trình đưa. Rồi ông ngược dây một chút mà xem mong trận thế, liền bị một viên đạn vô đầu mà thác.

Nghĩ tiếc cho chúng tôi, không biết tỏ dạng lời nói cho hay, cho dạng tỏ biện mình bạch cho khéo, cho dạng tỏ hết tình cảnh thâm cảm của chúng tôi, trong mấy ngày nơi chốn binh lửa dưới quyền quan tướng anh hùng, Ngài đã có vẽ ra cái hình trạng quý trọng đó.

Cả thầy anh em bạn cũ của tôi, thuộc cơ lính xưa của Đồ-Hữu, đồng hiệp với tôi mà tỏ lòng tạ ơn Ngài ⁽²⁾ có công báo truyền minh bạch người anh hùng đó nơi báo chương. Nếu chẳng có vậy, thì ông ấy cũng vô danh như các lính đầu quân tình nguyện kia vậy.

Xin quới vọng nhậm lời chúng tôi kính trình.

Ký lên : Cui không ra.

Lính hay dây thép nói tại vệ thứ 2

Lính vị quốc.

(1) Ông : Là ông Đồ-hữu-Vị.

(2) Ngài : Là tiếng người viết bài kêu người chủ-bút « Le Journal ».

La Vallonne, ngày 4 Octobre 1916.

Brieux Đại-nhơn,

Xin Ngài miễn chấp tôi gửi đây vài tiếng cho Ngài rõ về lời luận của Ngài trong nhật báo « *Le Journal* » nói về chuyện ông Quan Ba Annam Đô-Hữu. Phải vậy, tôi hữu hạnh mà từng cơ linh của vị quan-ba ấy cai quản, và tôi cũng bị thương gần một bên ông, lúc ông bị trọng thương mà thác. Khi hồn chiến, thì ông tỉnh táo và càng đảm phi thương; dầu đạn bay như mưa, kêu vo vo xung quanh chưa tới mà ông cũng cứ vậy; là cứ đứng đầu quân linh mà đốc chiến cho tới khi bị trúng nặng mới thôi.

Ông cai quản chúng tôi chưa được bao lâu, mà trong bấy nhiêu ngày ấy, ông đã mua được lòng chúng tôi, là vì tánh tình ông hòa nhã và tử tế lắm. Thế được người như vậy thì người ta sẽ theo qua tới Đức-quốc (la Bochie) chẳng sai.

Hết thấy chúng tôi đều thương tiếc, mà ngài hãy chắc rằng, chúng tôi sẽ trả thù cho ông.

Xin nhậm tình kính trọng của chúng tôi

Nay kính,

Eugène MONARD,

Bộ binh ngoại-quốc thứ nhất 2^e Compagnie
Camp de Valloire.

Paris, ngày 18 Octobre 1916.

Quan năm Đại-nhơn,

Tôi cảm ơn ngài hết lòng về phong thư ngài ⁽¹⁾ gửi cho tôi.

Tôi nói đó đơn sơ, những điều tôi thầm nghĩ về công nghiệp em ngài, thế thì tôi làm việc bồn phận tôi cảm tình mà kỷ niệm người bạn hữu và quan làm đầu, của mình; nếu mà ai rõ biết người được thì quý trọng và ái mộ, mà nhớ tưởng luôn luôn.

Mà trong báo-chương của tôi, tôi quên bày danh tánh Ngài. Qua bài luận sau, tôi sẽ nhớ mà cải lại sự lầm lỗi ấy. Tôi lấy làm có phước, khi ngài tới Paris, thì xin cho tôi hay trước; dặng hai ta nhắc nhớ chung cùng nhau cái hình ảnh kẻ qua đời yêu mến của ngài.

Tôi, xin Ngài, Quan Năm, nhậm tình tôi kính.

Ký tên : NADAUD.

Marcel NADAUD.

(1) Ngài : Là lời ông viết bài này kêu ông Chấn.

Chôn trần đồ, ngày 28 Octobre 1916.

Kính cùng Brieux đại nhơn,

Hôm qua chúng tôi tình cờ may thấy nhật báo « *Le Journal* » gởi tới trần đồ, và xem được lời tặng quan Ba Đồ-Hữu trong bài Ngài luận về « một qui tộc Pháp-việt » thì tôi lấy làm hoan hỉ lắm.

Mấy ngày trước, lúc đi ngang qua nghĩa địa D, tôi đã thấy cái mồ tằm thường của vị anh-hùng này, thì nhớ tới lời Ngài tặng, thì tôi có ý đi lại đó, mà tỏ tình đáp ân của Ngài kính tặng Quan Ba Đồ-Hữu và quới-tộc người.

Bây giờ chuyện đã xong, dưới chum cây thánh-giá có đề mấy chữ dọn sớ này: ngày mồng 10 tháng 7 năm 1916, Đồ-Hữu Quan Ba cơ thứ 8 lính ngoại quốc, vì Pháp mà vong mạng: 188 G N tại đó chôn đứng một cái ve chai trong ấy có đề lời luận của ông về « Các Pháp ở viễn phương ». Ấy trong tri tôi tưởng là một cái dấu sắt son để cho nhớ ơn mà trọng danh người Việt-Nam này, càng dăm tri mạng, cũng vì binh vực đất nước ta.

Xin Ngài nhậm lời tôi kính trình.

Ký tên: A. LAURENT,
Đội trưởng sở pháo thủ thứ 24
về cơ Đại pháo nặng S. P. 171.

Melun, ngày 27 tháng 9 năm 1916.

Kính thưa Ngài,

Tôi xem bài luận của qui-Đài trong nhật báo « *Le Journal* » ngày 26 tháng 9, tựa: « một qui-tộc Pháp-việt » nói về quan Ba Đồ-hữu-Vị, thì tôi động lòng biết chừng nào, Ngài nói rằng: « Ấy cũng là một vị thủ xuất, có khi là vị ban đầu mới phải, tại xứ Maroc, bay trên thành Fez và thám thính chỉ vẽ cho đạo binh (Colonne) quan tướng Brulard.

Xin Ngài cho tôi phép viết cho Ngài đôi hàng mà tỏ bày chuyện ấy.

Đã sáu ngày rồi, bữa 20 tháng 12 năm 1912, một tốp binh ở Mogador đi ra, vẫn là lính Zouaves của quan Tư Decherf và ít tên quân ở Tabar (dồn) kia, bị trùng vây trong một

sở canh nông lớn của người Maroc tại Dar-et-kadi. Một cơ linh dưới quyền tôi ở Casablanca vội sai xuống, thuyền sang Mogador đăng mà đi tiếp cứu binh ta bị vây.

Hai chiếc tàu vừa độ binh lên rồi, kế bảo nổi lên, làm cho mấy chiếc kia vô cửa chẳng được. Tin báo gửi cũng không được cho binh ta bị vây gần hết lương phạn và thiếu nước uống, đăng cho họ biết binh ta đi tới; lại cũng vẫn tin trong chốn trùng vây, không ra tới ta được; vì linh mã kỵ d'Anflous và Guellouli chặn đường không để ai qua được.

Đỗ-hữu-Vị đã lên bờ với tôi, và máy-bay đã đem lên được trên đất rồi. Khi bay thử trên bãi cát lại rồi, thì người cho tôi biết rằng, về sự độ thám thử coi Dar-el-Kadi, có khi được, là vì biết mừng tượng ở phía nào, dọc theo bãi biển; nhưng mà bởi trời động, thì sự bay phải hiểm nguy lắm. Tôi mới truyền lệnh lo sắm sửa cho sẵn, rồi tôi tả một phong thư gửi cho binh ta tại Dar-el-Kadi, bằng một tờ giấy trong tập xé ra (bloc-notes), đăng mà khuyên quan binh đó, ra sức cự địch, và cho hay rằng binh ta cũng gần tới. Tôi ký tên, dán lại rồi quan tướng làm đầu các tham tá (Chef d'État-major) ký tên người và đóng ấn tôi vào, rồi đó Đỗ-hữu-Vị bay bổng lên trên không, đem lời ý nguyện và trông cậy ta cho nghĩa quân xa cách quanh hiều, từng phải uống tới nước đại mình bỏ permanganate cho bán vị mà chịu đựng.

Khi ấy bảo tổ cử thời luôn, đi cách hai giờ, Đỗ-hữu-Vị trở về đem thư của tôi viết giấy xanh đỏ giao lại, vì bỏ rớt xuống Dar-el-Kadi không được, duy đăng cho tôi biết đảng sá thể nào, và binh giặc tại Anflouss là bao nhiêu. Ông ký tên rồi *giao lại cho tôi cái thư ấy, là tin của việc binh gửi đi lần đầu hết, và cho máy-bay bên vô đem đi*: thì tôi cất đề thư ấy kỹ lắm; vì sao tôi đề kỹ vậy: Là có ý đăng mà bỏ vô nhà binh-viện, hay là vô sở, phi-cơ-viện mà làm đồ kỷ-niệm.

Cách ít ngày quan Đề-đốc Brùlard mới độ binh lên bờ được, tại Mogador và nhờ sức (binh) của tôi đề sẵn cho người, nên mới giải vây được, cam khổ biết mấy cho quân lính ta ngày 25 tháng chạp năm 1912, hồi nửa đêm, là ngày lễ Sanh-nhật. Phải chi tôi vưng lệnh Ngài mà hất

quân lính tôi vô lò lửa đương đỏ, thì làm sao mà trợ người được.

Chúng tôi mất lương thảo và đồ giải khát trong rừng, và trong khi quân giả-mang chia tay nhau đồ đoạt của ta thì chúng tôi ăn mừng canh khuya Chúa Giáng Sinh với một chút bánh mì rá với lười lạt-dà của quân lính nhờ ta mở vây cho ta ăn chung.

Ăn réveillon (mừng) gì? Là Tử-thi của quân lính Maroc và của lạt-dà bay hơi thuối cùng trên không. Các sắt quân, Zouaves, pháo thủ thấy đều che trại giữa tử-thi hồi nửa đêm, rồi đào đảng xà mà núp liền. Rồi qua ngày 27 chúng tôi đặc chỉ phản hồi Mogador, trên không thì có ông Đồ-Hữu-Vị bay đem tin cho chúng tôi biết, là lời ngợi khen và chúc mừng của hai quan Đề-đốc Lyautey và d'Esperey đóng trại gần bãi biển.

Xin ngài nhậm tôi kính trọng về văn tài của Qui-đài.

Ký tên : Quan năm GODCHOT.

Hay các cơ quan tại Melum và Coulommiers



